

# ST8 SIÊU THANH HOLDINGS

 **RICOH**  
imagine. change.







  
**HONDA**





  
**CHEVROLET SÀI GÒN** | **CERTIFIED SERVICE**

**Modeun**



**Modeun**  
THANG MÁY





  
**MITSUBISHI ELECTRIC**  
ĐIỆN LẠNH

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
*Annual Report*

**2018**

**01**

**TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

**02**

**THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**05**

**TỔNG QUẢN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

- Thông tin tài chính cơ bản
- Chặng đường hình thành và phát triển
- Mô hình Siêu Thanh Holdings
- Hệ thống Chi nhánh Công ty CP TBVP Siêu Thanh

**11**

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG**

- Lĩnh vực Thiết Bị Văn Phòng
- Lĩnh vực Ô tô
- Lĩnh vực Cơ điện lạnh

**15**

**THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**

- Mô hình quản trị
- Cơ cấu tổ chức
- Văn hoá doanh nghiệp
- Thông tin về Công ty con và Công ty liên kết

**35**

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

- Các mục tiêu chủ yếu
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

45

## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

49

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA HỆ THỐNG

- Tình hình hoạt động Kinh doanh
- Tổ chức nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

67

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

73

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty
- Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng giám đốc
- Các kế hoạch định hướng của HĐQT

76

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

84

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

## TÂM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

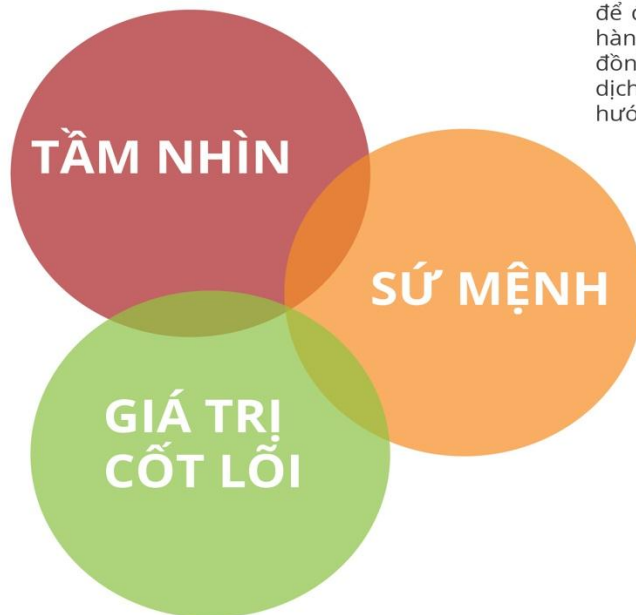
### VISION – MISSION – CORE VALUES

#### Hoạch định chiến lược có Tâm tạo ra sự phát triển bền vững

Dựa vào sức mạnh nguồn lực nội tại cùng với sự liên kết thể mạnh của các đối tác để cung cấp các sản phẩm có chất lượng vượt trội, có giá trị gia tăng cao, luôn hướng đến chất lượng toàn diện đáp ứng nhu cầu liên tục phát triển của xã hội. Tạo ra những động lực để giải phóng sức sáng tạo của mọi thành viên trong công ty, đối tác, làm tăng giá trị các sản phẩm cung cấp cho khách hàng, đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng trong hiện tại và trong tương lai. Chú trọng vào việc phát triển bền vững ngành phân phối và cung cấp dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam.

#### Làm tăng giá trị doanh nghiệp

Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng. Điều cốt lõi của Chúng tôi là sự nỗ lực để đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng về phát triển các sản phẩm và dịch vụ có giá trị gia tăng cao, luôn hướng đến chất lượng toàn diện.



#### Minh bạch hóa doanh nghiệp

##### TUÂN THỦ

Tuân thủ pháp luật, Quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

##### ĐẠO ĐỨC

Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.

##### CHÍNH TRỰC

Liên chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch

##### TÔN TRỌNG

Tôn trọng bản thân, tôn trọng đồng nghiệp, tôn trọng đối tác và cùng hợp tác trong sự tôn trọng.

##### CÔNG BẰNG

Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan.

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT – MESSAGE FROM THE CHAIRMAN



Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp.

Trong khi đó, nhờ những nỗ lực của Chính phủ trong suốt năm 2018, sức chống chịu của nền kinh tế với các cú sốc bên ngoài đã tốt lên rất nhiều, những biện pháp thúc đẩy tăng trưởng dần phát huy hiệu quả, tình hình vĩ mô được giữ ổn định. Đây là những yếu tố nền tảng, tiền đề giúp Việt Nam đứng vững trong bối cảnh khó khăn và gia tăng niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài với việc vốn đầu tư trực

tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam liên tục tăng. Do đó, kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc trên cả ba khu vực sản xuất, cung - cầu của nền kinh tế cùng song hành phát triển. Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017 cũng là mức tăng cao nhất 11 năm qua.

Năm 2018, hoạt động kinh doanh của hệ thống Siêu Thanh chúng tôi chưa đạt được kỳ vọng của các cổ đông và nhà đầu tư. Về lĩnh vực ô tô thì có xu hướng tích cực và ngược lại về ngành TBVP thì có xu hướng ổn định và sẽ giảm dần trong các năm tới. Mặc dù Việt Nam đã tham gia vào hai hiệp định thương mại tự do là **Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)** và **Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)** đây là những hiệp định lớn tác động tới kinh tế và cải cách trong nước. Điều đó đã làm thay đổi về các chính sách và hàng rào thuế quan của Việt Nam khi hội nhập vào thị trường quốc tế và cùng với biện pháp bảo hộ mậu dịch, quan ngại về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tiếp cận thị trường cho các ngành dịch vụ, các thông lệ đấu thầu của khu vực công cùng hàng loạt những rào cản phi thuế quan, các cải tiến về môi trường kinh doanh tạo điều kiện tốt hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam,

HĐQT đã triển khai chiến lược cho Ban điều Hành kinh doanh cùng với các chính sách phù hợp với nền kinh tế thị trường, xây dựng kế hoạch chương trình cho từng lĩnh vực kinh doanh và với tinh thần quyết tâm cao của tất cả cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống nhưng cũng vẫn không đạt được chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua. Nhưng vẫn tăng trưởng hầu như các chỉ tiêu so với năm 2017.

- *Doanh thu thuần đạt **1.893 tỷ đồng** tăng 13,22% so với năm 2017;*
- *Lợi nhuận sau thuế đạt **44,3 tỷ đồng** tăng 54,25% so với năm 2017*
- *Vốn cổ phần hiện nay là **257 tỷ đồng**.*
- *Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là **333 tỷ đồng**.*

Với kỳ vọng đạt được kết quả tốt cho toàn hệ thống, Chúng tôi luôn xây dựng mục tiêu tối đa nhưng kết quả đem lại không như ý muốn của tất cả Các cổ đông. Do vậy, HĐQT Siêu Thanh vẫn luôn tin tưởng vào các định hướng chiến lược đặt ra và khẳng định vào niềm tin đó bởi vì luôn nghĩ rằng trong mọi khó khăn vẫn còn có những cơ hội.

Năm 2019 và những năm tiếp theo, ST8 sẽ đổi mới để tăng trưởng, tiếp tục cải tiến mô hình kinh doanh để nắm bắt tốt nhất các cơ hội mới từ thị trường trong và ngoài nước. Với tinh thần lạc quan, hợp tác, kiên trì và tự tin trong công tác quản trị kinh doanh sẽ tạo nên sự khác biệt trong hoạt động kinh doanh của mình. Vì thế, Hội đồng quản trị đã cân nhắc đưa ra chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2019 cho toàn hệ thống dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ, tình hình kinh doanh hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai cụ thể qua các chỉ tiêu:

- *Doanh thu thuần 2.263 tỷ đồng tăng 20% so với năm 2018;*
- *Lợi nhuận sau thuế 62 tỷ đồng tăng 40% so với năm 2018;*

Với mục tiêu kế hoạch kỳ vọng năm 2019 trên, Hội đồng quản trị sẽ đồng hành với Ban Điều hành nỗ lực quyết tâm triển khai thực hiện các mục tiêu mang lại những kết quả tốt nhất nhằm phát huy mục tiêu phát triển ổn định về hoạt động kinh doanh bằng cách:

*\* **Lĩnh vực Thiết bị văn phòng:** Giữ ổn định và kiểm soát tốt hệ thống kinh doanh dịch vụ trong toàn hệ thống. Tiến hành mở rộng phát triển và thành lập thêm các Chi nhánh tại Các Tỉnh thành trên toàn quốc nhằm đáp ứng cao nhất yêu cầu dịch vụ của khách hàng, kích thích tăng trưởng doanh thu, nắm vững địa bàn kinh doanh, xây dựng một cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, nhằm tiết kiệm chi phí một cách tối ưu, nâng cao hình ảnh Công ty và thương hiệu Ricoh mà Chúng tôi đã và đang phân phối trong nhiều năm qua, tạo tiền đề cho việc tăng trưởng doanh số và lợi nhuận một cách ổn định.*

*\* **Lĩnh vực kinh doanh Ô tô:** Chính sách Thuế nhập khẩu về 0% từ năm 2018 ảnh hưởng đến việc kinh doanh lĩnh vực này cạnh tranh càng lúc càng gay gắt, Tuy nhiên, một điểm sáng của thị trường ô tô năm qua là lượng xe lắp ráp trong nước được bán ra nhiều. Cụ thể, doanh số bán hàng của xe lắp ráp trong nước tăng 10,6% trong khi xe nhập khẩu giảm 6,2% so với năm trước. Năm 2019, thị trường ô tô trong nước được dự báo sẽ có nhiều khởi sắc bởi chính sách ổn định và các doanh nghiệp cũng bắt nhịp được với những yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước, lên kế hoạch kinh doanh sớm hơn. Sẽ có nhiều mẫu xe nhập khẩu về Việt Nam hơn, và xe sản xuất trong nước cũng được quan tâm nhiều hơn đến chính sách giá bán để thu hút người tiêu dùng. Vì vậy để kích thích tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận phải tăng cường mở rộng đầu xe dịch vụ, mở rộng nâng cấp trang thiết bị nhà xưởng và năng lực dịch vụ, nâng cao chỉ số chăm sóc và hài lòng khách hàng, ổn định lượng khách hàng hiện có phát triển thêm khách hàng tiềm năng. ST8 luôn chuẩn bị các điều kiện và sẵn sàng để có thể mở rộng nhà xưởng, thêm chi nhánh nhằm đáp ứng được nhu cầu cần thiết kịp thời cho hoạt động kinh doanh.*

*\* **Lĩnh vực Máy lạnh và Thang máy:** Việc phát triển ngành nghề hệ thống máy lạnh mang thương hiệu Mitsubishi Nhật Bản và thang máy thương hiệu Modeun Hàn Quốc thúc đẩy việc tăng trưởng doanh thu trong toàn tập đoàn ST8 cho cả hiện tại và tương lai. Với tiềm lực sẵn có về lượng khách hàng và dịch vụ hậu mãi uy tín đạt chất lượng cao từ nhiều năm qua, ST8 sẽ tận dụng tiềm lực này làm chủ đạo để phát triển nhằm tối đa hóa sản phẩm và ngành nghề mới này, bên cạnh tập trung khai thác vào các khách hàng tiềm năng như các đối tác, các công ty bất động sản, các văn phòng, trung tâm thương mại để phát triển cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực này một cách tối ưu.*



Ngoài việc theo sát các ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, để phấn đấu đạt được mục tiêu kỳ vọng năm 2019 Chúng tôi phải thực hiện các tiêu chí trong nội bộ của mình:

*\* Hoàn thiện hơn nữa và củng cố nhân sự tại các Công ty trong tập đoàn theo xu hướng tinh giản, gọn nhẹ, chuyên nghiệp, có trình độ và nhiệt huyết, bảo đảm hiệu quả lao động, quan tâm và chăm sóc tốt cho đời sống người lao động nhằm mang lại sức mạnh từ việc phát huy tối đa tiềm lực của mỗi con người trong Công ty. Bên cạnh đó, ST8 cũng xây dựng hệ thống quản trị nội bộ và quản lý rủi ro phù hợp với các chuẩn mực; bồi dưỡng và đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển, thích ứng với điều kiện cạnh tranh và hội nhập quốc tế.*

*\* Mở rộng và phát triển những cơ hội kinh doanh mới bằng cách chọn những sản phẩm có chất lượng dịch vụ cao, có thương hiệu và có khả năng phát triển mạnh tại thị trường Việt Nam phù hợp với năng lực của Công ty làm đại lý phân phối và hướng đến hợp tác kinh doanh với các Nhà đầu tư nước ngoài khi đáp ứng điều kiện kinh doanh phù hợp. Do vậy, Hội đồng quản trị thống nhất sẽ không hạn chế tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại ST8 trong điều kiện pháp luật cho phép phù hợp với ngành nghề kinh doanh hiện nay và trong tương lai.*

Để đạt được những mục tiêu trong năm 2019 và phát triển hoạt động kinh doanh cho những năm sắp tới, đòi hỏi cần sự nỗ lực, hợp tác, chia sẻ cơ hội để cùng phát triển từ các bên liên quan, quan trọng nhất là các khách hàng đã và luôn ủng hộ cho ST8 Chúng tôi trong suốt tiến trình phát triển hoạt động kinh doanh của mình.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Yung Cam Meng**



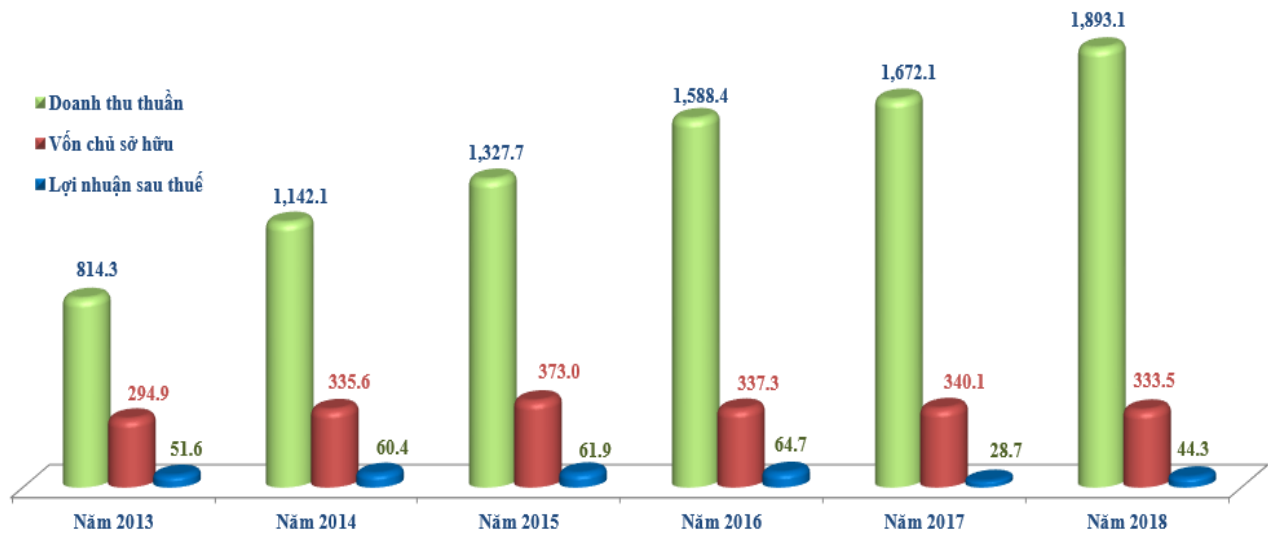
## TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH – OVERVIEW OF SIEU THANH JSC THÔNG TIN KHÁI QUÁT – GENERAL INFORMATION

Tên giao dịch/ <i>Trading name</i>	: Công Ty Cổ Phần Siêu Thanh
Tên tiếng Anh/ <i>English name</i>	: <b>Sieu Thanh Joint Stock Corporation</b>
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ <i>Certificate of business registration No.</i>	: 0302563707
Vốn điều lệ/ <i>Charter capital</i>	: <b>257.209.020.000 đồng</b>
Vốn chủ sở hữu/ <i>Owner's capital</i>	: <b>333 tỷ đồng</b>
Địa chỉ/ <i>Address</i>	: A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Quận 7, TP.HCM
Số điện thoại/ <i>Telephone</i>	: (028) 6262 6688 – (028) 6262 8888
Fax	: (028) 6262 6777 – (028) 6262 5888
Email	: <a href="mailto:info@st8.vn">info@st8.vn</a>
Website	: <a href="http://www.st8.vn">www.st8.vn</a>
Mã cổ phiếu/ <i>Security code</i>	: <b>ST8</b>





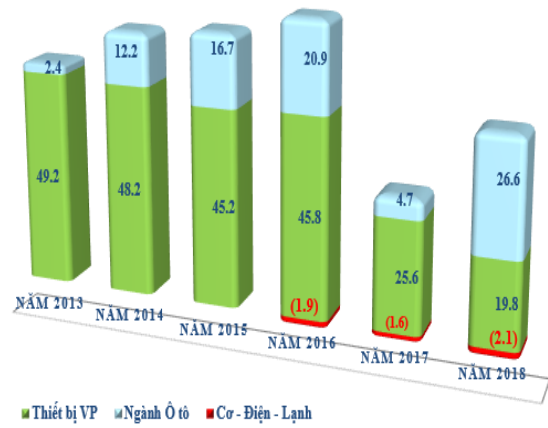
## THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN – BASIC FINANCIAL INFORMATION



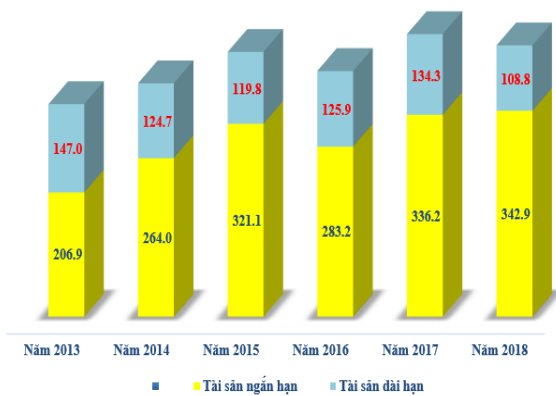
### TỔNG DOANH THU



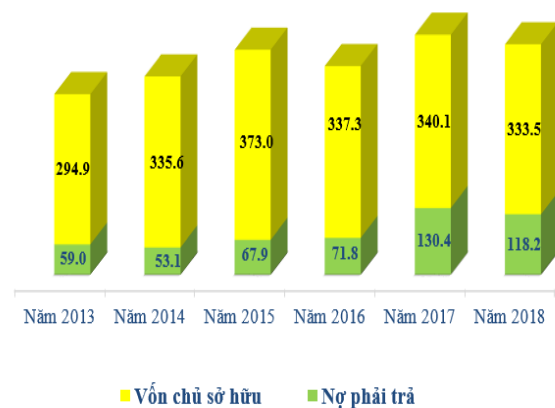
### LỢI NHUẬN SAU THUẾ



### KẾT CẤU TÀI SẢN



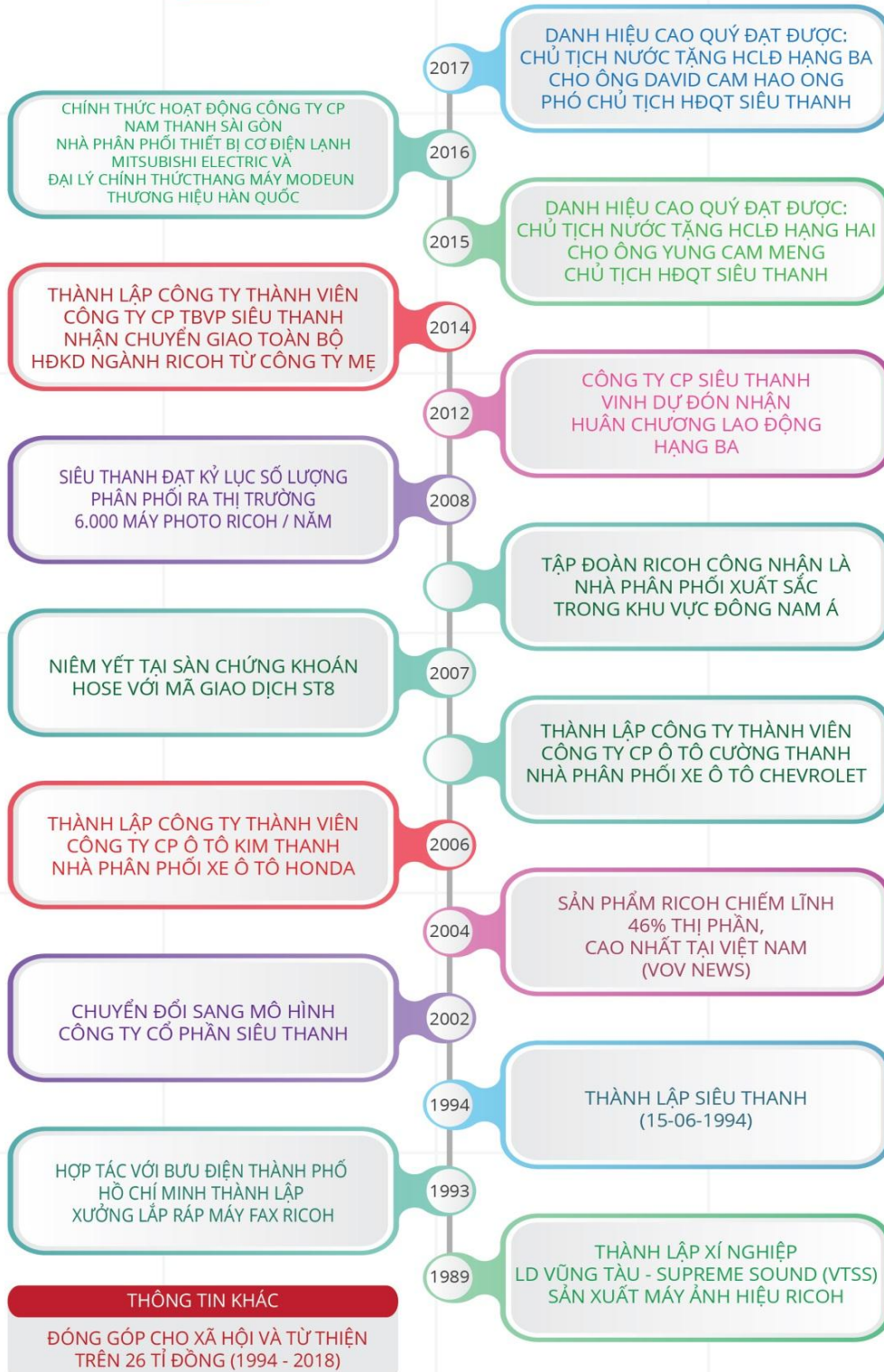
### KẾT CẤU NGUỒN VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ



## CÁC CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN – INCORPORATION AND DEVELOPMENT PROCESS

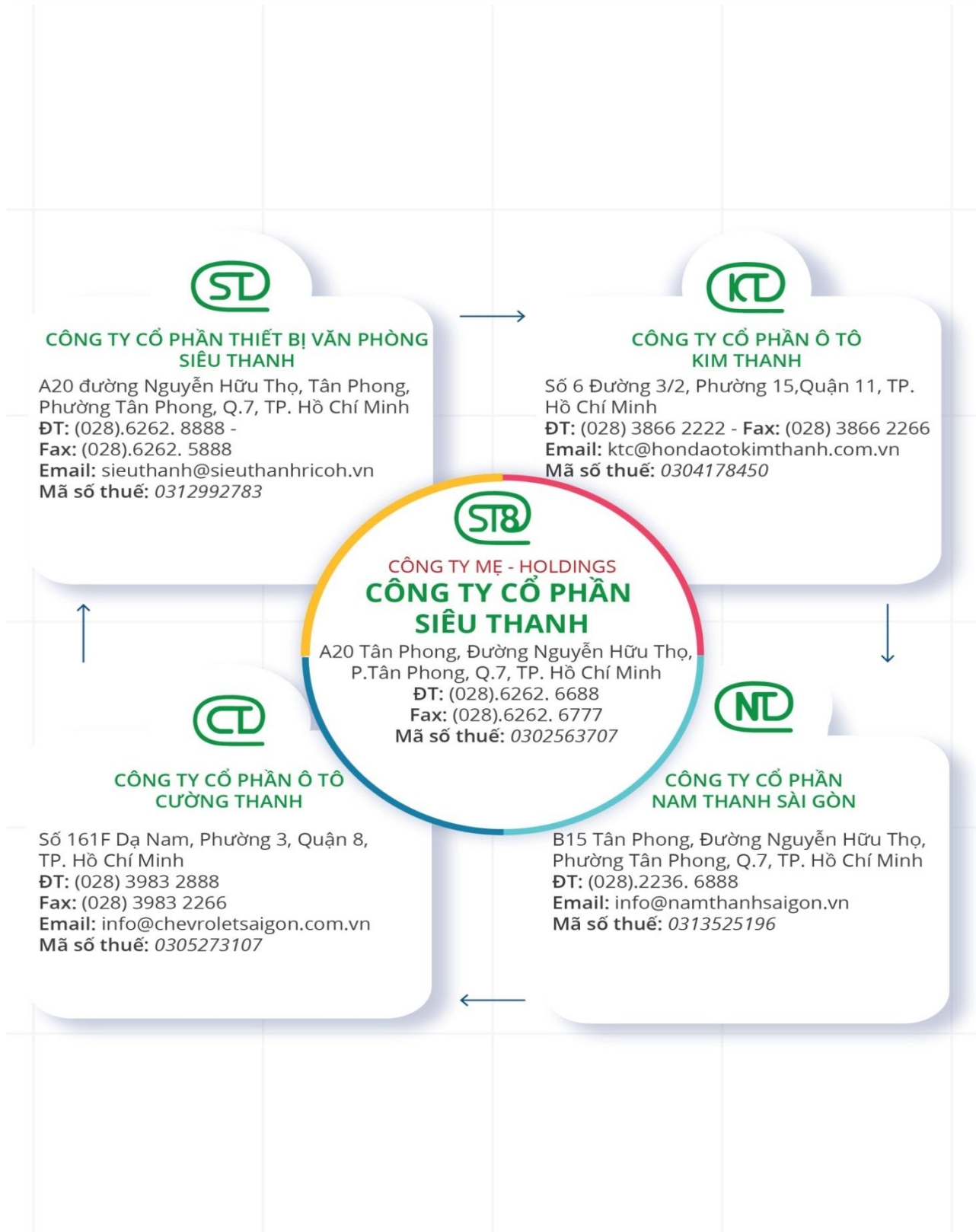


### SIÊU THANH HOLDINGS



## MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

### SIÊU THANH HOLDINGS MODEL



## HỆ THỐNG CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VĂN PHÒNG SIÊU THANH SIEU THANH OFFICE EQUIPMENT JSC'S SYSTEM

### CHI NHÁNH HÀ NỘI

140 Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
ĐT: (024) 3715 0888 - Fax: (024) 3715 0188  
Email: sieuthanh.hn@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783 - 007

### CHI NHÁNH TÂY HÀ NỘI

11-Lô 13A KĐT Trung Yên, P.Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội  
ĐT: (024) 3831 1888 - Fax: (024) 3227 2888  
Email: sieuthanh.thn@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-009

### CHI NHÁNH HUẾ

76 Trần Quang Khải, P. Phú Hội, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế  
ĐT: (0234) 3827 888 - Fax: (0234) 3827 688  
Email: sieuthanh.thn@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-010

### CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

115 Lê Đình Lý, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng  
ĐT: (0236) 3892 888 - Fax: (0236) 3892 868  
Email: sieuthanh.dng@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-002

### CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Số 953, KDC An Hòa 2, KP 12, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
ĐT: (0251) 3948 288 - Fax: (0251) 3948 248  
Email: sieuthanh.dni@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783 - 005

### CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Lô NP5, ô 16, Đường 30/4, TT Đô Thị Becamex, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
ĐT: (0274) 3843 888 - Fax: (0274) 3813 488  
Email: sieuthanh.bd@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-003

### CHI NHÁNH VŨNG TÀU

224 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Thảng Tam TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.  
ĐT: (0254) 3853 207 - Fax: (0254) 3857 629  
Email: sieuthanh.vt@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-006

### CHI NHÁNH LONG AN

109 Hùng Vương, P.2, TP. Tân An, Tỉnh Long An  
ĐT: (0272) 3614 888 - Fax: (0272) 3614 886  
Email: sieuthanh.la@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-008

### CHI NHÁNH CẦN THƠ

39 Nguyễn Hiền, KDC 91B, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
ĐT: (0292) 3833 888 - Fax: (0292) 3831 618  
Email: sieuthanh.ct@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-004

### CHI NHÁNH AN GIANG

191 Trần Hưng Đạo, Khóm Bình Long 2, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
ĐT: (0296) 3980 888 - Fax: (0296) 3856 688  
Email: sieuthanh.ag@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-001

### CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

207 Nguyễn Văn Linh, P. Kênh Dương, Q.Lê Chân, TP. Hải Phòng  
ĐT: (0225) 3621 888 - Fax: (0225) 3518119  
Email: sieuthanh.hp@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-012

### CHI NHÁNH KIẾN GIANG

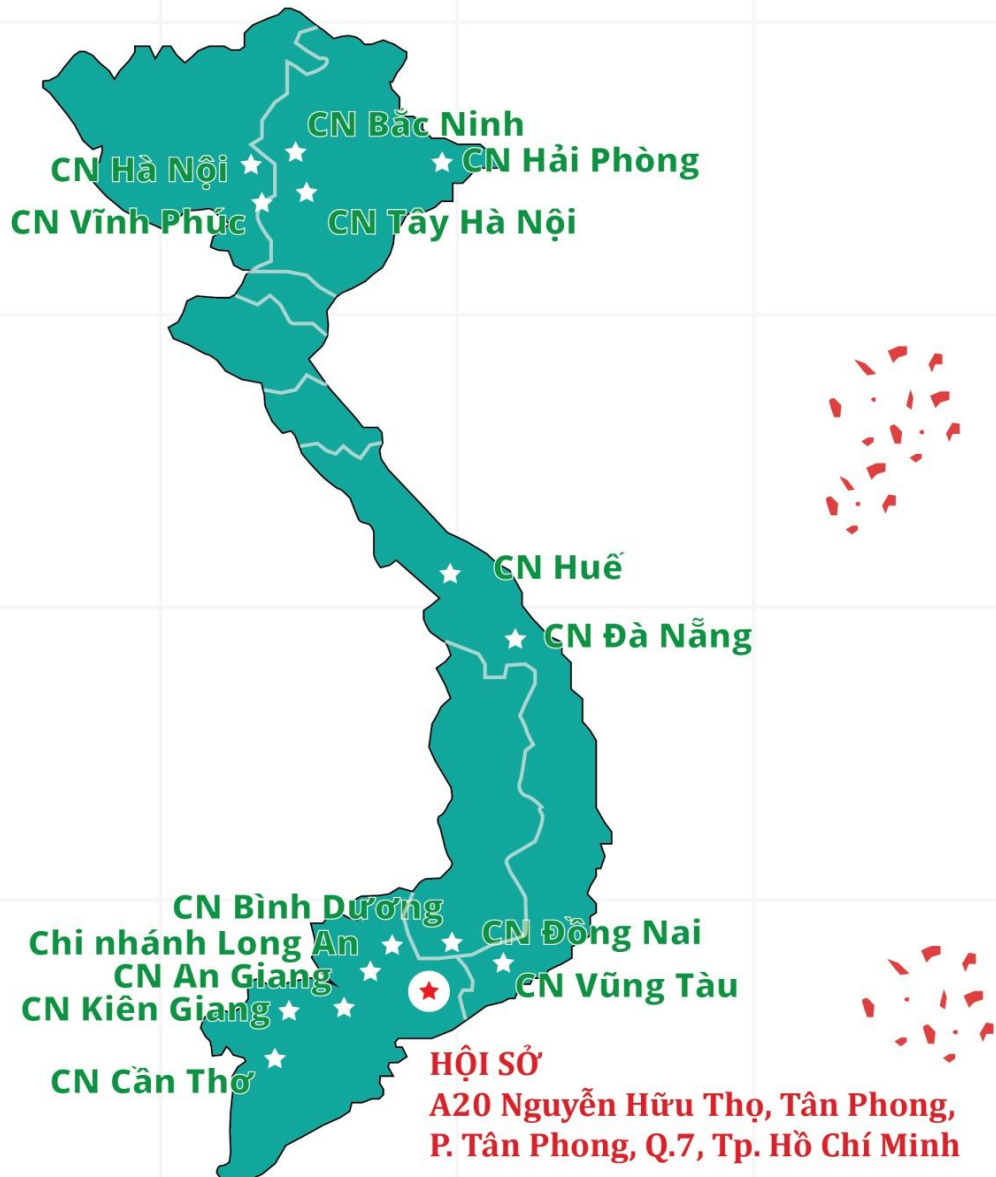
A36 Lê Hồng Phong, P. An Hòa, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang  
ĐT: (0297) 3650 888 - Fax: (0297) 3667 188  
Email: sieuthanh.kg@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-011

### CHI NHÁNH VINH PHÚC

69 đường Bà Triệu, P. Liên Bảo, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc  
ĐT: (0211) 3616 888  
Email: sieuthanh.vp@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-013

### CHI NHÁNH BẮC NINH

39 Đỗ Trọng Vỹ, P. Ninh Xá, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh  
ĐT: (222) 3669 888  
Email: sieuthanh.bn@sieuthanhricoh.vn  
Mã số thuế: 0312992783-014



## CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG – LINES OF THE BUSINESS

### LĨNH VỰC THIẾT BỊ VĂN PHÒNG – OFFICE EQUIPMENT SECTION

Với bề dày lịch sử hoạt động trên 25 năm về lĩnh vực thiết bị văn phòng, Chúng tôi luôn giữ vững tư tưởng trong việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu Ricoh là thương hiệu hàng đầu của dịch vụ cung cấp giải pháp thiết bị văn phòng Ricoh tại thị trường Việt nam.

Trụ sở chính đặt tại thành phố Hồ Chí Minh cùng hệ thống 14 chi nhánh trực thuộc và sẽ phát triển thêm 4 Chi Nhánh mới trong năm 2019 sẽ bao phủ khắp 64 tỉnh thành trên toàn quốc. Công ty CP TBVP Siêu Thanh vinh hạnh là lựa chọn hàng đầu cho giải pháp thiết bị máy văn phòng Ricoh. Với mục tiêu kinh doanh là phân phối sản phẩm và dịch vụ hậu mãi đi kèm, Chúng tôi mong muốn đưa sản phẩm, dịch vụ đến tận tay người tiêu dùng bằng các gói giải pháp tối ưu và tiết kiệm chi phí theo xu hướng kinh doanh hàng chính hãng nhằm bảo vệ sức khỏe cho người sử dụng và môi trường là tiêu chí kinh doanh hàng đầu của công ty chúng tôi.



## LĨNH VỰC Ô TÔ – AUTOMOBILE SECTION

Với lĩnh vực kinh doanh ngành thiết bị văn phòng mang lại hiệu quả kinh doanh một cách ổn định và bền vững trong nhiều năm qua, Chúng tôi đã mở rộng hoạt động đầu tư kinh doanh sang lĩnh vực phân phối và dịch vụ sửa chữa bảo hành các thương hiệu ô tô nổi tiếng trên thế giới, đặc biệt tại Việt Nam chúng tôi đang kinh doanh nhãn hiệu ô tô **Honda** lắp ráp tại Việt Nam của Công ty Honda Việt Nam với tên hiệu kinh doanh **HONDA Ô TÔ KIM THANH** và nhãn hiệu ô tô thứ 2 là **Chevrolet** của Công Ty TNHH General Motors Việt Nam với tên hiệu kinh doanh **CHEVROLET SÀI GÒN**. Địa điểm kinh doanh của 2 nhãn hiệu này nằm ngay trung tâm của Quận 11 và Quận 8 tại TP.HCM rất thuận lợi và dễ dàng đáp ứng được các nhu cầu của khách hàng.

Đến với **HONDA Ô TÔ KIM THANH** cũng giống như các nhà phân phối ô tô Honda khác trên thế giới, chúng tôi đã xây dựng và trang bị các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phù hợp với những yêu cầu và tiêu chuẩn của Honda toàn cầu. Khi đến với chúng tôi khách hàng sẽ cảm nhận được sự khác biệt rõ ràng so với các thương hiệu ô tô khác và hoàn toàn hài lòng với các dịch vụ đạt tiêu chuẩn 5S của Honda Việt Nam: Sales-Service-Spare parts-Safety driving-Social responsibility.

Mỗi khách hàng đến thăm phòng trưng bày ô tô của chúng tôi đều được các nhân viên tư vấn sản phẩm giới thiệu chu đáo các đặc tính kỹ thuật và tiện nghi hoàn hảo của thương hiệu ô tô Honda.

Đội ngũ nhân viên tư vấn sản phẩm được huấn luyện theo phong cách chuyên nghiệp nhằm giúp quý khách lựa chọn một chiếc xe ưng ý nhất .

Phòng dịch vụ sẵn sàng tiếp đón và đáp ứng tốt nhất các nhu cầu bảo dưỡng sửa chữa xe của khách hàng theo tiêu chí "**Chất lượng hoàn hảo - Giao xe đúng hẹn - Chi phí hợp lý**".

Phòng khách, nơi quý khách có thể tận dụng khoảng thời gian rảnh rỗi hiếm có của mình để "ON LINE" với góc Internet và thưởng thức các loại nước giải khát hoàn toàn miễn phí.



**CHEVROLET SÀI GÒN** là một trong những đại lý 3S chính hãng hiện đại nhất của GM Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh & khu vực miền Nam, với tổng diện tích xây dựng gần 4.000m<sup>2</sup>, quy mô 03 tầng bao gồm phòng trưng bày 400m<sup>2</sup> sang trọng lịch sự; khu vực dịch vụ và xưởng đồng sơn 2.100m<sup>2</sup> với công suất phục vụ sửa chữa hơn 80 lượt xe mỗi ngày, kho xe 1.200m<sup>2</sup> với sức chứa cùng lúc 50 xe tại lầu 2 và khu vực văn phòng rộng hơn 300m<sup>2</sup> được trang bị máy móc hiện đại.

Đến với **Chevrolet Sài Gòn**, khách hàng còn có thể tận hưởng cảm giác thư giãn tại quầy bar với đầy đủ tiện nghi, thức uống miễn phí, internet, xem film, nghe nhạc và các tiện ích hấp dẫn khác như khu vực dành cho trẻ em trong khi ba mẹ tham quan các mẫu xe mới nhất tại showroom. **Chevrolet Sài Gòn** là đại lý sang trọng, chuyên nghiệp và hiện đại theo tiêu chuẩn GM toàn cầu.

Mục tiêu của chúng tôi là dẫn đầu lĩnh vực chăm sóc khách hàng trong phân khúc ô tô trung cấp. Đó là lý do tại sao cách bố trí thiết kế, các trang thiết bị cũng như đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp đều hướng đến cho khách hàng sự thoải mái nhất và yên tâm nhất với chất lượng dịch vụ hậu mãi toàn diện theo tiêu chuẩn của GM Việt Nam.

Ngày 28/6 tại Hà Nội, VinFast và General Motors (GM) Mỹ đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược mới tại thị trường Việt Nam. Theo đó, VinFast mua lại hoạt động sản xuất và phân phối của GM tại Việt Nam. Hãng xe Việt sẽ nhận chuyển nhượng, tiếp quản toàn bộ nhà máy GM tại Hà Nội và triển khai những hoạt động đầu tư tăng năng lực để sản xuất dòng ô tô cỡ nhỏ mới được mua bản quyền từ GM. Dây chuyền sản xuất mới dự kiến sẽ khánh thành vào nửa đầu năm 2019.

Hiện nay **Chevrolet Sài Gòn** cũng đang trong quá trình triển khai cải tạo và hoàn thiện showroom và nhà xưởng để bán và bảo hành các sản phẩm Vinfast, do vậy Chúng tôi sẽ đem đến cho các khách hàng nhiều sự chọn lựa về sản phẩm với giá cả hợp lý hơn.





## LĨNH VỰC CƠ ĐIỆN LẠNH – AIR CONDITIONER & ELEVATOR SECTION

Dựa trên thế mạnh về nền tảng kinh doanh về phân phối và dịch vụ hậu mãi của toàn hệ thống, Chúng tôi luôn không ngừng phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh thêm nhãn hiệu mới hệ thống cơ điện lạnh Mitsubishi Nhật bản và hệ thống thang máy Modeun Hàn Quốc với Thương hiệu kinh doanh Công ty Cổ Phần Nam Thanh Sài Gòn và chính thức đi vào hoạt động năm 2016 đã mang đến sự lựa chọn tốt nhất cho các khách hàng về đa dạng hóa sản phẩm tạo tiền đề phát triển cho những năm sắp tới trong tiến trình hội nhập chung của nền kinh tế.

Đi đôi với chất lượng thương hiệu **Mitsubishi Electric** cùng với dịch vụ hậu mãi do Nam Thanh Sài Gòn cung cấp hoàn toàn mang đến sự an tâm và hài lòng cho bất kỳ khách hàng khó tính nào. Bên cạnh đó thang máy **Modeun** cũng là một hãng uy tín với chất lượng cao theo hệ thống tiêu chuẩn nội địa, hình thành và phát triển hơn 25 năm tại Hàn Quốc với khả năng cung cấp hàng nghìn thang máy một năm. Mọi bộ phận, chi tiết của thiết bị đều được sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu, với công nghệ hiện đại và tính thẩm mỹ cao.

Và chúng tôi cũng hiểu được rằng doanh nghiệp nào cung cấp sản phẩm có chất lượng tốt, chế độ hậu mãi uy tín sẽ chiếm được thị phần và tạo được thương hiệu vững mạnh để phát triển bền vững. Vì thế Nam Thanh Sài Gòn xác định mục tiêu xây dựng hệ thống phục vụ khách hàng hướng đến tiêu chuẩn chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.





## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ – INFORMATION ABOUT GOVERNANCE MODEL, BUSINESS ORGANIZATION AND MANAGERIAL APPARATUS

### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - GOVERNANCE MODEL

Quản trị công ty là một loạt mối quan hệ giữa Ban Giám đốc, HĐQT, các cổ đông và các bên có liên quan khác trong doanh nghiệp. Việc cải tiến cách thức quản trị công ty sẽ mang lại một hệ thống giải trình tốt hơn, giảm thiểu rủi ro liên quan đến các vụ gian lận hoặc các giao dịch nhằm mục đích vụ lợi của các cán bộ quản lý, để công ty tồn tại và phát triển thì cần có sự dẫn dắt của HĐQT, sự điều hành của Ban Giám đốc, sự giám sát của Ban kiểm soát và những người liên quan khác của công ty như người lao động, nhà cung cấp. Đồng thời, quản trị công ty cũng lập ra các nguyên tắc và quy trình, thủ tục ra quyết định trong công ty, qua đó, ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực và chức vụ, giảm thiểu những rủi ro liên quan đến hoặc có nguồn gốc từ những giao dịch với các bên có liên quan, những xung đột lợi ích tiềm năng và từ việc không có tiêu chuẩn rõ ràng hoặc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin và không minh bạch. Do vậy, quản trị công ty có vai trò rất quan trọng đối với sự thành công của một doanh nghiệp,

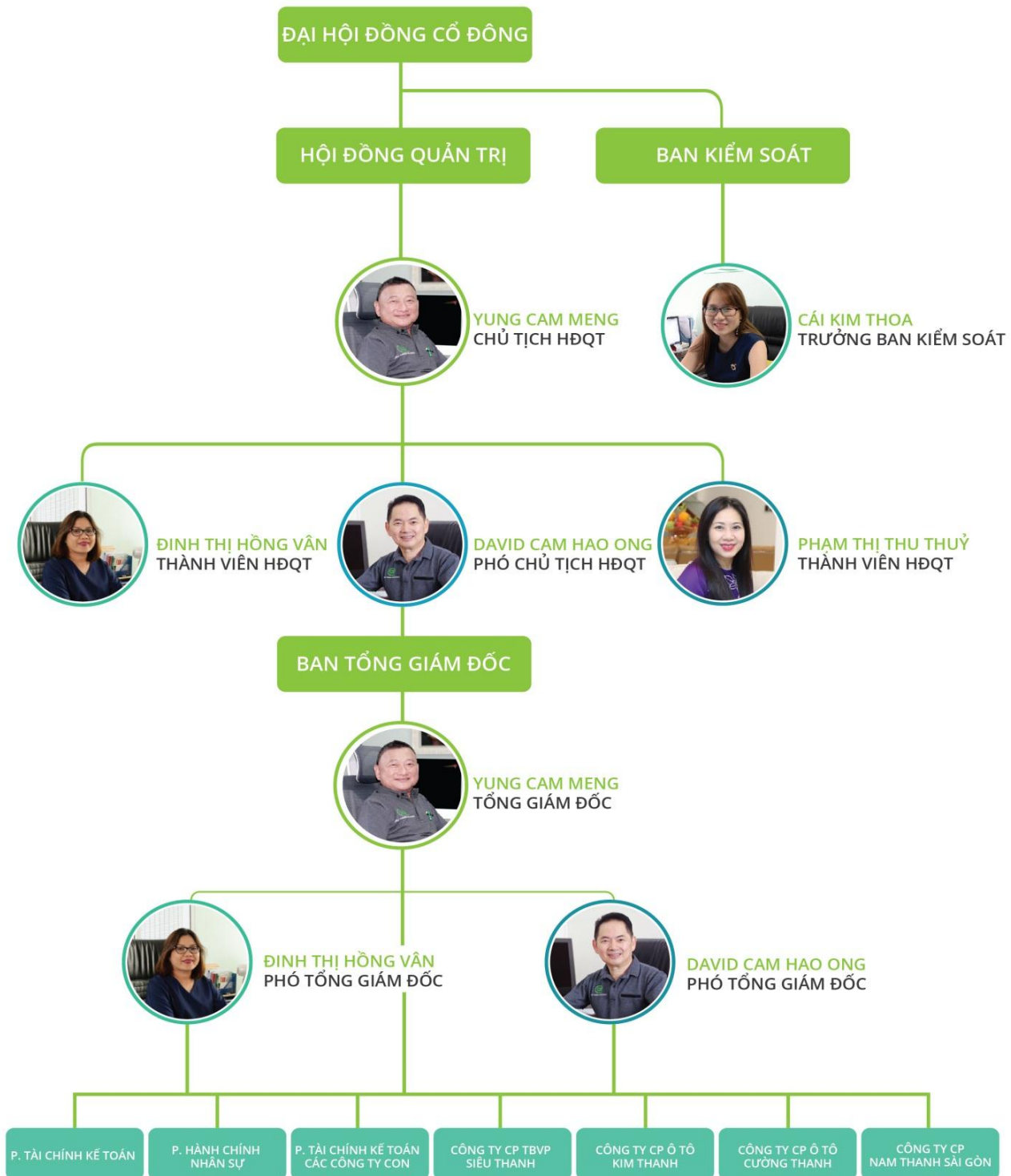
Quản trị công ty có thể quyết định việc công ty dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn nhiều hay ít. Những công ty được quản trị tốt thường gây được thiện cảm đối với cổ đông và các nhà đầu tư, tạo dựng được niềm tin lớn hơn của công chúng vào việc công ty có khả năng sinh lời mà không xâm phạm tới quyền lợi của cổ đông. Chi phí vốn phụ thuộc vào mức độ rủi ro của công ty theo cảm nhận của các nhà đầu tư, nghĩa là rủi ro càng cao thì chi phí vốn càng cao. Vì vậy, việc áp dụng hệ thống quản trị công ty tốt sẽ giúp công ty trả lãi suất thấp hơn và có được những khoản tín dụng có kỳ hạn dài hơn.

Những biện pháp quản trị công ty hiệu quả sẽ góp phần làm nên và nâng cao uy tín của công ty. Lý do là để thực hiện quản trị công ty tốt, doanh nghiệp luôn phải tôn trọng quyền lợi của các cổ đông và các chủ nợ và việc đảm bảo tính minh bạch về tài chính sẽ được xem như là một trong những yếu tố quan trọng trong việc giành được niềm tin cho nhà đầu tư, từ đó nâng cao hình ảnh, uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp

Nhằm đổi mới chiến lược và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống để đón đầu xu thế hội nhập theo xu hướng chung của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt nam nói riêng, ST8 Chúng tôi đã quyết định chuyển hoạt động kinh doanh theo mô hình Holdings cho toàn tập đoàn trong hơn 4 năm qua nhằm đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Việc chuyên môn hóa hoạt động cho các Công ty sẽ mang lại tính bền vững đặc biệt trong lĩnh vực phân phối sản phẩm của các thương hiệu nổi tiếng trên toàn thế giới, tạo khả năng nâng cấp sản phẩm và khả năng phát triển thị trường từ đó tăng doanh thu, kiểm soát chi phí tạo điều kiện tăng lợi nhuận và tăng lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ đông.

Việc chuyển đổi theo mô hình công ty Holdings là một giải pháp hữu hiệu và phù hợp nhất cho doanh nghiệp chúng tôi. Holdings có rất nhiều ưu điểm, trong đó nổi bật nhất vẫn là tính tự chủ trong hoạt động và giao dịch kinh doanh của công ty con với công ty mẹ, việc xây dựng các hệ tiêu chuẩn về quản trị, tài chính, kinh doanh để công ty holdings có thể kiểm soát chặt chẽ các công ty con trong toàn tập đoàn. Holdings giảm thiểu rủi ro kinh doanh cho Công ty mẹ bởi vì Công ty mẹ sau Holdings không còn hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ chịu rủi ro đầu tư trên khoản vốn góp tại Công ty con. Holdings nâng cao năng lực tài chính cho Công ty mẹ và các Công ty con do có khả năng thu hút nhiều nhà đầu tư mới.

## CƠ CẤU TỔ CHỨC – MANAGEMENT STRUCTURE



## VĂN HÓA DOANH NGHIỆP – BUSINESS CULTURE

Sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường và xu hướng toàn cầu hóa, buộc các doanh nghiệp để tồn tại và phát triển phải liên tục tìm tòi những cái mới, sáng tạo và thay đổi cho phù hợp với thực tế. Vậy làm thế nào để doanh nghiệp trở thành nơi tập hợp, phát huy mọi nguồn lực con người, làm gia tăng nhiều lần giá trị của từng nguồn lực con người đơn lẻ, góp phần vào sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp. Văn hóa doanh nghiệp còn là một yêu cầu tất yếu của chính sách phát triển thương hiệu vì thông qua hình ảnh văn hóa doanh nghiệp sẽ góp phần quảng bá thương hiệu của doanh nghiệp và đó cũng chính là tài sản vô hình của mỗi doanh nghiệp.

Bất kỳ một doanh nghiệp nào nếu thiếu đi yếu tố văn hóa, tri thức thì khó đứng vững được, văn hoá của một tổ chức nó không đơn thuần là văn hoá giao tiếp hay văn hoá kinh doanh như ta thường nghĩ. Văn hoá doanh nghiệp không phải là những khẩu hiệu của ban lãnh đạo được treo trước cổng, trên hành lang hay trong phòng họp. Đó chỉ là ý muốn, ý tưởng. Những gì chúng ta mong muốn có thể rất khác với những giá trị, niềm tin, chuẩn mực được thể hiện trong thực tế và trong các hành vi mỗi thành viên doanh nghiệp. *“Nếu doanh nghiệp là máy tính thì văn hóa doanh nghiệp là hệ điều hành. Nói một cách hình tượng thì: Văn hóa là cái còn thiếu khi ta có tất cả, là cái còn lại khi tất cả đã mất”*.



Văn hóa doanh nghiệp của chúng tôi được xây dựng dựa trên các giá trị cốt lõi nhằm hướng tới chuẩn mực chuyên nghiệp và hiện đại mà mỗi cán bộ nhân viên là một tài sản quý giá. Để thể hiện các giá trị đó qua công việc và hành động mỗi ngày nâng cao chất lượng, hướng tới chuẩn mực không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, mang lại nhiều sự lựa chọn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng dựa trên nền tảng truyền thống uy tín và cũng luôn đề cao hiệu quả công việc, khích lệ sự sáng tạo và luôn tạo điều kiện để cán bộ nhân viên phát huy thế mạnh và năng lực sẵn có của mình.

Với phong cách gần gũi, thân thiện, chuyên nghiệp luôn quan tâm chia sẻ và thấu hiểu nhu cầu đa dạng của từng khách hàng dựa trên sự thông hiểu thị trường, mạng lưới phân phối trải rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc. Sự gần gũi, chuyên nghiệp, am hiểu chuyên môn về sản phẩm mình phân phối của các CBNV luôn mang lại cho khách hàng, đồng nghiệp sự tin tưởng. Chính bởi sự gần gũi trong giao tiếp, sự dễ dàng trong tiếp cận, tạo được sự uy tín, vị thế vững chắc trong lòng khách hàng, để lại dấu ấn trong hàng triệu trái tim khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ của mình.

Trên tinh thần hợp tác, tôn trọng quyền lợi của khách hàng Siêu Thanh luôn phát huy tinh thần hợp tác giữa các cán bộ nhân viên nhằm tạo ra sức mạnh của tập thể của toàn hệ thống Siêu Thanh, thực hiện phương châm **“*Hướng đến chất lượng toàn diện*”**.

Là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực phân phối và dịch vụ, Chúng tôi luôn nỗ lực nhằm đạt được kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định, bền vững. Chính trách nhiệm với công việc, trách nhiệm với khách hàng, cổ đông, đối tác và với cộng đồng xã hội đã góp phần tạo nên uy tín cho chính mình. Việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp ngày càng vững mạnh, mang lại giá trị đích thực cho người lao động, khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng, điều này đã thực hiện thành công sứ mệnh của mình cho các bên liên quan.



Chúng tôi luôn tạo mối quan hệ các nhân viên với lãnh đạo, các lãnh đạo luôn chủ động tìm hiểu và chia sẻ với từng cá nhân trong doanh nghiệp, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những chuyện vui, buồn, những khó khăn để giúp đỡ họ tạo động lực cho các nhân viên gắn bó lâu dài với Công ty.

Ngược lại mỗi nhân viên cũng phải coi sự đóng góp xây dựng cho doanh nghiệp mình thông qua lãnh đạo là trách nhiệm và là quyền lợi của mình, các nhân viên có trách nhiệm tích cực đóng góp công sức và tài năng để Công ty đạt được sự thành công.

Công ty cũng luôn xây dựng khung kiến thức cơ bản cho mọi người, theo đó thường xuyên xem xét lại những điểm mạnh, điểm yếu khi đánh giá về văn hoá doanh nghiệp để tuyên truyền, nhắc nhở mọi người về trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi cá nhân trong doanh nghiệp, xây dựng chiến lược đầu tư cho con người để phát huy tài năng và sức sáng tạo lao động của mỗi cá nhân trong doanh nghiệp qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tích cực tuyên truyền, phổ biến các kiến thức pháp luật và kiến thức chuyên ngành cho tất cả mọi thành viên trong doanh nghiệp.



Con đường để phát triển văn hóa công ty hướng tới thành công là bắt đầu quá trình thảo luận tự do của những người quản lý các phòng ban về mục tiêu họ mong muốn trong khoảng thời gian hạn định. Đối với mỗi việc làm cần phải đặt ra những mục tiêu hiệu quả chính nhằm phục vụ cho kế hoạch tổng thể và những mục tiêu đó phải nhận được sự đồng thuận của cấp lãnh đạo lẫn đội ngũ nhân viên. Nếu không đạt được những mục tiêu đề ra thì người lãnh đạo công ty phải đề nghị nhân viên của mình có biện pháp thực hiện đúng đắn và thực hiện những mục tiêu đó cho tới khi nào đạt được kết quả như mong muốn thì thôi.

Tóm lại, việc phát triển một văn hóa của Chúng tôi là điều cần thiết và không gì có thể thay thế được việc tạo dựng nên một tinh thần tập thể vững mạnh trong đội ngũ nhân viên công ty. Để làm được điều đó mọi người trong công ty ấy cần phải cùng cam kết với nhau rằng họ có chung một vài niềm tin nào đó. Cách tốt nhất để mọi người trong công ty nhận thức được những niềm tin họ cùng chia sẻ đó là thông qua những giá trị cốt yếu mà tất cả mọi người đều chấp nhận và ở đó người ta trân trọng chính bản thân họ khi phục vụ cho mục đích của công ty lẫn cá nhân.

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT INFORMATION OF SUBSIDIARY, AFFILIATE COMPANIES

### CÁC CÔNG TY CON – SUBSIDIARY COMPANIES

#### Công ty Cổ phần Thiết bị Văn Phòng Siêu Thanh – Siêu Thanh Office Equipment JSC

A20 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Tân Phong, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028.6262. 8888 - Fax: 028.6262. 5888

Email: [sieuthanh@sieuthanhricoh.vn](mailto:sieuthanh@sieuthanhricoh.vn)

Mã số thuế: 0312992783

- *Vốn điều lệ của Công ty CP Thiết Bị VP Siêu Thanh: 88.000.000.000 đồng.*
- *Vốn góp của ST8 tại TBVP Siêu Thanh là: 79.200.000.000 đồng tỷ lệ 90% vốn điều lệ.*

Công ty CP Thiết Bị VP Siêu Thanh thừa hưởng toàn bộ chiến lược, nguồn lực, tài sản, sản phẩm kinh doanh mang thương hiệu RICOH từ Công ty Cổ phần Siêu Thanh đã có nền tảng hơn 25 năm, thực hiện phương châm “Hướng đến chất lượng toàn diện”, Công ty Cổ phần TBVP Siêu Thanh sẽ tiếp tục phát huy, phấn đấu để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Quý khách hàng nhằm khẳng định giá trị thương hiệu Siêu Thanh – Ricoh tại thị trường Việt nam.

Chúng tôi luôn dẫn đầu trong hoạt động cung cấp các dịch vụ hậu mãi với chất lượng cao dựa vào năng lực sẵn có từ lâu chẳng hạn: Hơn 200 kỹ thuật viên và kỹ sư được đào tạo chính hãng và truyền đạt cùng với kinh nghiệm kinh doanh dịch vụ phục vụ khách hàng toàn quốc của hệ thống phân phối Siêu Thanh rộng khắp cả nước, đội ngũ nhân lực kỹ thuật tay nghề cao, nhiều năm kinh nghiệm của Công ty CP TBVP Siêu Thanh đảm bảo chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp cho nhu cầu văn phòng đa dạng của quý khách hàng.

### Các sản phẩm và dịch vụ tiêu biểu đang kinh doanh



## CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NGÀNH THIẾT BỊ VĂN PHÒNG CRITICAL TARGET OF OFFICE EQUIPMENT SECTION

Đơn vị tính: tỷ đồng

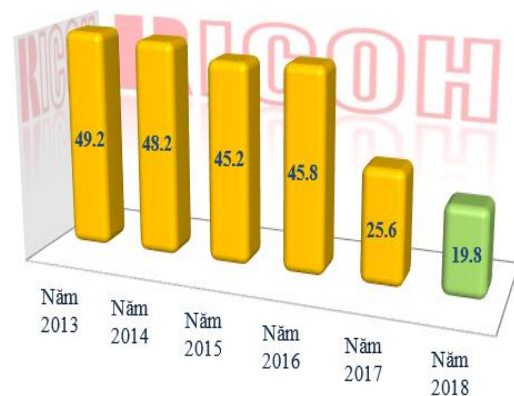
Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu thuần	245.3	250.8	276.1	317.1	315.3	274.5
Lợi nhuận từ HĐKD	65.1	61.2	56.7	57.3	32.2	23.7
Lợi nhuận khác	0.4	0.6	(0.2)	0.1	0.1	1.0
Lợi nhuận trước thuế	65.5	61.8	56.5	57.4	32.2	24.7
Lợi nhuận sau thuế	49.2	48.2	45.2	45.8	25.6	19.8

Doanh thu thuần qua các năm



■ Năm 2013 ■ Năm 2014 ■ Năm 2015 ■ Năm 2016 ■ Năm 2017 ■ Năm 2018

Lợi nhuận qua các năm



Với những khó khăn đã được lường trước khi sự thay đổi về hình thức mua sắm trang thiết bị theo hình thức tập trung của các Cơ quan nhà nước, điều này đã ảnh hưởng đáng kể đến việc kinh doanh máy photocopy tác động lớn đến ngành Thiết bị văn phòng trong năm 2018. Trong tương lai ngành nghề thiết bị văn phòng của Chúng tôi có xu hướng ổn định và sẽ giảm dần do nhu cầu thị trường. Do vậy để kích thích việc tăng trưởng, Công ty đã tiếp tục thành lập thêm 4 chi nhánh, tính đến thời điểm hiện nay toàn hệ thống đã có tất cả 14 Chi Nhánh trực thuộc trên toàn quốc và trong năm 2019 sẽ phát triển thêm 4 chi nhánh để phủ khắp rộng các tỉnh thành lân cận nhằm đưa sản phẩm máy photo hiệu Ricoh phục vụ cho ngành thiết bị văn phòng và dịch vụ hậu mãi kèm với giải pháp hệ thống sẽ mang đến cho khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ một cách tốt nhất trên khắp cả nước.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH - FINANCIAL

### Hiệu quả hoạt động

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
+ Vòng quay Hàng tồn kho	3.7	4.5	2.9	3.5	3.3	2.5
+ Vòng quay Khoản phải thu	9.1	21.8	5.6	8.9	7.3	7.5
+ Vòng quay Tổng tài sản	0.9	4.4	2.2	2.3	2.1	1.9



Các chỉ số tài chính của Công ty ổn định và biến động không đáng kể qua các năm. Vòng quay hàng tồn kho dao động xung quanh 2.5 vòng, trung bình 1 vòng quay dao động 140 -148 ngày, điều này phản ánh kết quả của ảnh hưởng từ việc thay đổi hình thức mua sắm của khối khách hàng trọng tâm của Công ty.

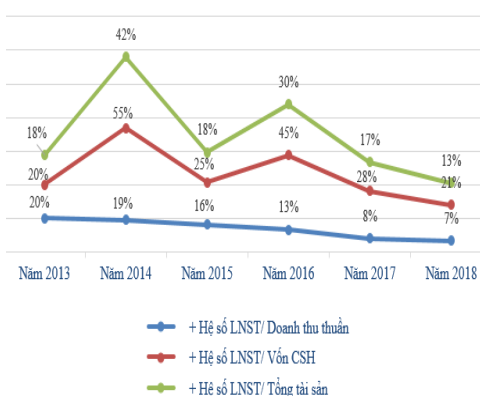
Đáng chú ý là hệ số vòng quay khoản phải thu đạt 7.5 lần, ước tính trung bình các khoản phải thu sẽ hoàn tất trong vòng 48 ngày. Mặc dù vòng quay các khoản phải thu năm 2018 tăng nhẹ 0.2 đơn vị so với năm 2017, tuy

nhiên từ 2015 đến nay ngành Thiết bị vẫn phòng không tồn đọng các khoản nợ phải bắt buộc lập dự phòng. Điều này chứng tỏ năng lực quản trị công nợ của Công ty là rất tốt.

Vòng quay tổng tài sản cũng đạt kết quả ấn tượng là 1.9 lần. Điều này nói lên việc quản lý và sử dụng tài sản của Công ty một cách có hiệu quả.

### Hiệu quả quản lý

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	20%	19%	16%	13%	8%	7%
+ Hệ số LNST/ Vốn CSH	20%	55%	25%	45%	28%	21%
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	18%	42%	18%	30%	17%	13%



Các hệ số ROA và ROE trong năm 2018 lần lượt 13% và 21%, giảm so với 2017 lần lượt 4% và 7%. Lợi nhuận biên năm 2018 giảm nhẹ so với năm trước. Điều này phản ánh sự cạnh tranh ngày càng gắt gao trong phân khúc các mặt hàng thiết bị văn phòng; Công ty tiếp tục có những phương án để cạnh tranh với các đối thủ sản phẩm tương đương, cũng như các đối thủ kinh doanh sản phẩm cùng loại.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn đang thực hiện tốt các biện pháp quản lý về giá để mang lại sự thay đổi trong những năm tới.



## Công Ty Cổ phần Ô Tô Kim Thanh

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3866 2222 - Fax: (028) 3866 2266

Email: ktc@hondaotokimthanh.com.vn

Mã số thuế: 0304178450

- *Vốn điều lệ của Honda Ô Tô Kim Thanh: 51.800.000.000 đồng.*
- *Vốn góp của ST8 tại Kim Thanh là: 28.520.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 55,06% vốn điều lệ.*

Theo Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA), năm 2018 doanh số bán hàng thị trường ô tô Việt Nam đạt 288.683 xe, tăng gần 6% so với năm 2017. Trong đó, ô tô du lịch tăng 27,7% xe thương mại giảm 19,2% và xe chuyên dụng giảm 48,5%. Theo báo cáo của VAMA, Thaco dẫn đầu thị trường ô tô Việt Nam trong năm 2018 với 96.127 xe bán ra thị trường. Đứng thứ 2 là Toyota Việt Nam (TMV) với 65.856 xe. **Đứng thứ 3 là Honda Việt Nam với 27.099 xe.** Vị trí tiếp theo thuộc về Ford Việt Nam với 24.636 xe và **GM Việt Nam với 12.334 xe.**

Đến tháng 3/2018, **Honda** là hãng xe đầu tiên xin được Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô nhập khẩu theo yêu cầu của Nghị định 116 để nhập về Việt Nam do đó, hàng này lại thông báo giảm gần 200 triệu đồng cho Honda CR-V. Một vài tháng sau, Ford, Toyota và GM Việt Nam cũng nhập khẩu được ô tô nhưng không có động thái giảm giá mạnh do thị trường vẫn khan hàng.

Nửa cuối năm 2018, sau khi thoát ả Nghị định 116, cuộc cạnh tranh giá giữa các hãng xe tại thị trường Việt Nam càng thêm quyết liệt. Tuy nhiên, đối với nhiều mẫu xe ăn khách như Honda CR- V hay Toyota Fortuner, tình trạng khan hàng vẫn xảy ra. Honda cũng từng có 3 lần tăng giá nhẹ từ 5-10 triệu đồng đối với mẫu xe này. Chỉ riêng mẫu xe Honda CR-V trong năm 2018 đã có 3 lần tăng giá và 1 lần giảm giá. So với giá bán hưởng thuế 0%, mẫu xe này được nhà sản xuất tăng thêm 25 triệu đồng.

Điều này đã ảnh hưởng mạnh đến việc tăng trưởng doanh số và lợi nhuận một cách đáng kể trong hệ thống Siêu Thanh Chúng tôi đang kinh doanh các sản phẩm mang một trong những thương hiệu nói trên .



## Các sản phẩm Honda ô tô hiện nay chúng tôi đang kinh doanh





## CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN HĐKD NGÀNH Ô TÔ HONDA

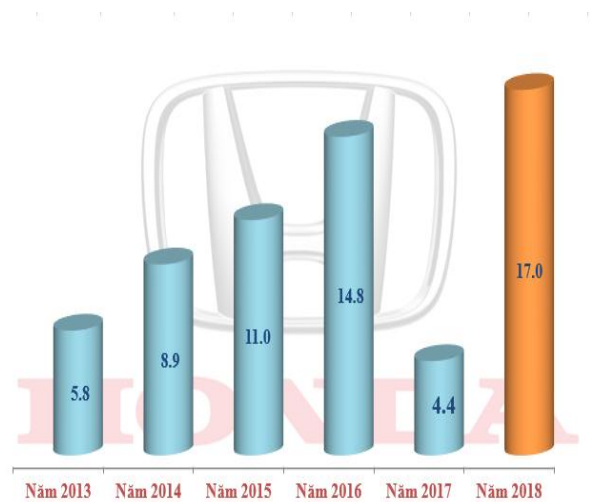
Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu thuần	412.0	643.8	729.9	895.5	926.8	1,186.0
Lợi nhuận từ HĐKD	4.3	8.4	12.2	15.0	(10.7)	15.3
Lợi nhuận khác	3.6	3.0	1.9	3.5	16.1	5.9
Lợi nhuận trước thuế	7.9	11.4	14.1	18.6	5.4	21.3
Lợi nhuận sau thuế	5.8	8.9	11.0	14.8	4.4	17.0

Doanh thu thuần qua các năm



Lợi nhuận qua các năm

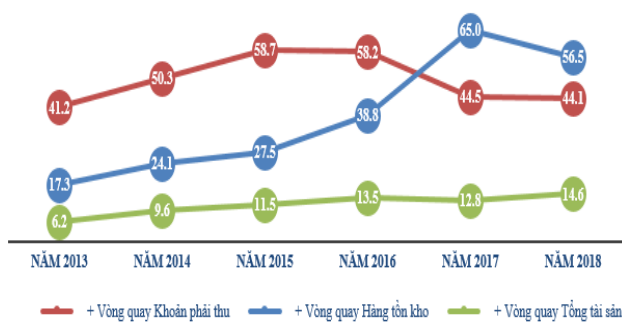


Trải qua năm 2017 chịu tác động mạnh từ các chính sách vĩ mô đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh doanh của Công ty. Năm 2018 đánh dấu sự thành công trở lại của ngành ô tô nói chung và Honda Kim Thanh nói riêng. Doanh thu thuần năm 2018 của Công ty đạt 1.186 tỷ đồng, tăng trưởng 28% so với cùng kỳ. Lợi nhuận năm 2018 đạt được 17 tỷ đồng, tăng trưởng 291% so với cùng kỳ. Đây là kết quả lợi nhuận cao nhất trong những năm gần đây.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
+ Vòng quay Hàng tồn kho	17.3	24.1	27.5	38.8	65.0	56.5
+ Vòng quay Khoản phải thu	41.2	50.3	58.7	58.2	44.5	44.1
+ Vòng quay Tổng tài sản	6.2	9.6	11.5	13.5	12.8	14.6

### Hiệu quả hoạt động

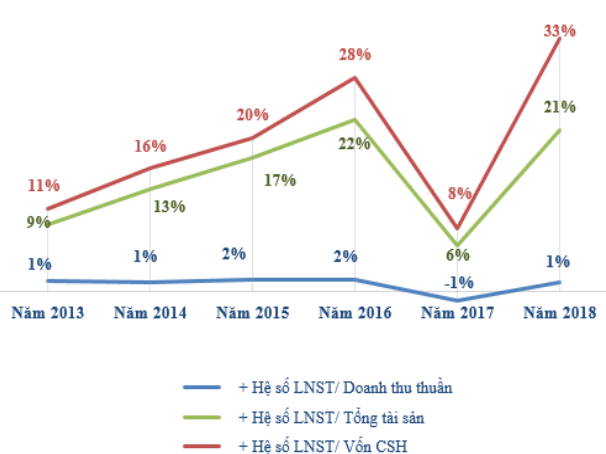


Hiệu quả quản lý Hàng tồn kho, quản lý các khoản phải thu, hiệu quả sử dụng Tài sản của Công ty đang rất ổn định và tăng đều qua các năm.

Điều này cho thấy phương pháp quản lý của Công ty đang rất phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay.

### Hiệu quả quản lý

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	1%	1%	2%	2%	-1%	1%
+ Hệ số LNST/ Vốn CSH	11%	16%	20%	28%	8%	33%
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	9%	13%	17%	22%	6%	21%



Ngành kinh doanh Ô tô với đặc thù tỷ suất lợi nhuận ROE thấp, đây là đặc điểm chung của mảng kinh doanh ô tô. Mặc khác sự cạnh tranh khốc liệt giữa các thương hiệu Ô tô và các Đại lý trong cùng một hãng làm cho lợi nhuận biên thấp là điều không tránh khỏi.

Tuy nhiên các chỉ số ROE, ROA và Lợi nhuận biên năm 2018 đều tăng đáng kể so với năm trước. Điều này cho thấy hiệu quả quản lý của Công ty là phù hợp với tình hình kinh tế đang bất đầu phục hồi và tăng trưởng mạnh như hiện nay.

## Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh

Số 161F Dạ Nam, Phường 3, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3983 2888 - Fax: (028) 3983 2266

Email: [info@chevroletsaigon.com.vn](mailto:info@chevroletsaigon.com.vn)

Mã số thuế: 0305273107

- *Vốn điều lệ của CHEVROLET SÀI GÒN: 38.800.000.000 đồng.*
- *Vốn góp của ST8 tại Cường Thanh là: 22.592.000.000 đồng tỷ lệ 58,23% vốn điều lệ.*

Tập đoàn Siêu Thanh hợp tác đầu tư cùng Công ty Ô tô GM Việt Nam – thành viên của tập đoàn xe ô tô hàng đầu thế giới GMC, khai trương đại lý **CHEVROLET SÀI GÒN - Thương hiệu kinh doanh thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ CƯỜNG THANH**, nhằm tiếp tục đáp ứng nhu cầu mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng xe của khách hàng tại TP.HCM cũng như các tỉnh khu vực miền Nam.

**CHEVROLET SÀI GÒN** là Đại lý liên tục dành được các danh hiệu cao nhất về bán hàng và dịch vụ hậu mãi trong toàn hệ thống GM Việt Nam và GM toàn cầu trong nhiều năm qua, đạt được những giải thưởng cao quý này là có một phần đóng góp của các khách hàng đã và đang tin tưởng lựa chọn sản phẩm và dịch vụ của Chúng tôi.

Trong tháng 6 năm 2018, VinFast và General Motors (GM) Mỹ đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược mới tại thị trường Việt Nam. Theo đó, VinFast mua lại hoạt động sản xuất và phân phối của GM tại Việt Nam. VinFast cũng tiếp nhận hệ thống đại lý ủy quyền hiện tại của thương hiệu Chevrolet và trở thành nhà phân phối độc quyền các sản phẩm và dịch vụ mang thương hiệu Chevrolet tại thị trường Việt Nam.

Với mục tiêu VinFast hướng tới xây dựng hệ sinh thái sản xuất ô tô, gồm các nhà máy lắp ráp, nhà cung cấp và đại lý địa phương cùng một chuỗi các ngành công nghiệp hỗ trợ. Quan hệ đối tác chiến lược với GM đóng vai trò như một chất xúc tác trong quá trình hiện thực hóa tầm nhìn trên, là nhân tố quan trọng trong kế hoạch ra mắt 5 mẫu xe VinFast vào 2019 tạo cho việc thúc đẩy tăng trưởng doanh số cho Chúng tôi trong tương lai.



## Các sản phẩm Chevrolet hiện nay đang kinh doanh







## CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN HĐKD NGÀNH Ô TÔ CHEVROLET

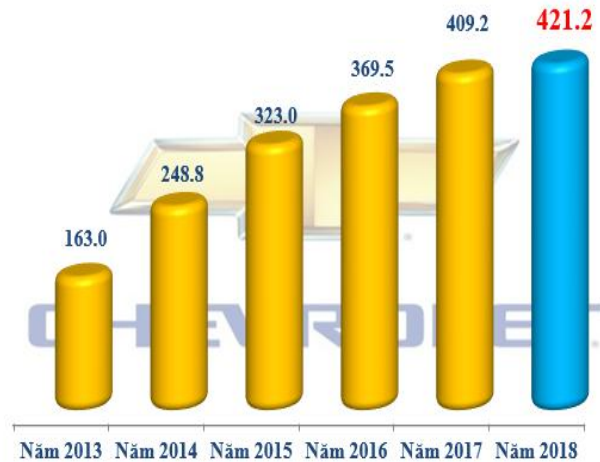
Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu thuần	163.0	248.8	323.0	369.5	409.2	421.2
Lợi nhuận từ HĐKD	(2.6)	0.5	1.6	3.6	(5.5)	11.2
Lợi nhuận khác	1.4	2.8	5.1	3.6	5.9	1.0
Lợi nhuận trước thuế	(1.2)	3.3	6.7	7.2	0.4	12.2
Lợi nhuận sau thuế	(1.2)	3.3	6.7	6.0	0.3	9.6

Doanh thu qua các năm



Lợi nhuận qua các năm

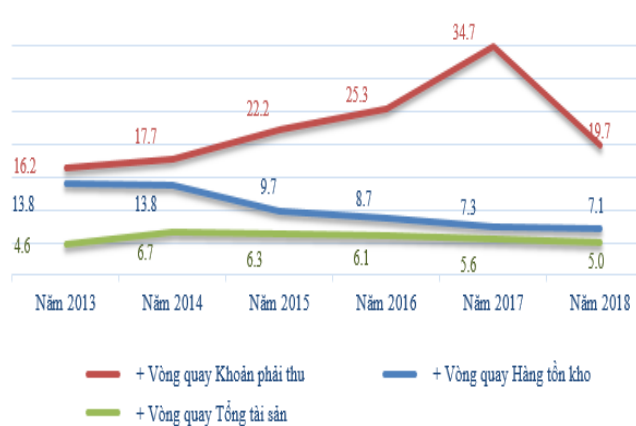


Tiếp tục đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc của Ô tô Cường Thanh với thương hiệu Chevrolet của GMV. Tình hình kinh doanh của Công ty trong năm 2018 với nhiều khởi sắc, cụ thể tốc độ tăng trưởng doanh thu tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 9.6 tỷ, tăng trưởng 2920 %, đóng góp 22% trong tổng lợi nhuận của hệ thống.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
+ Vòng quay Hàng tồn kho	13.8	13.8	9.7	8.7	7.3	7.1
+ Vòng quay Khoản phải thu	16.2	17.7	22.2	25.3	34.7	19.7
+ Vòng quay Tổng tài sản	4.6	6.7	6.3	6.1	5.6	5.0

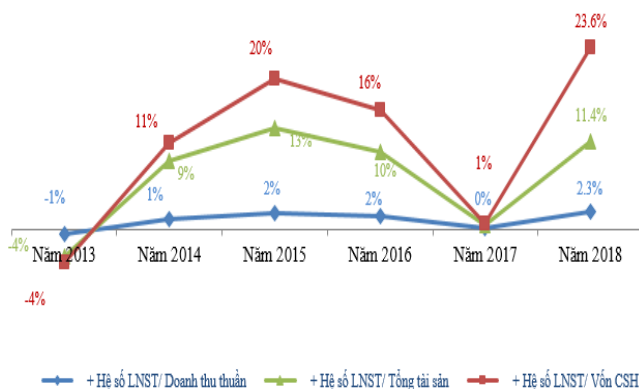
### Hiệu quả hoạt động



Chỉ số vòng quay khoản phải thu giảm nhiều so với năm 2017, tuy nhiên Công ty luôn quản lý và kiểm soát công nợ hiệu quả. Hệ số vòng quay hàng tồn kho vẫn giữ mức ổn định 7.1 giảm nhẹ 0.2 đơn vị so với năm trước.

Vòng quay Tổng tài sản có giảm so với năm trước, tuy nhiên mức giảm không đáng kể.

### Hiệu quả quản lý



Hệ số ROE và ROA tăng đáng kể so với cùng kỳ năm 2017, lần lượt 22% và 11%. Kết quả trên phản ánh tình hình kinh doanh khởi sắc trong năm qua của Công ty.

Hệ số lợi nhuận biên 2.3% tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2017 cho thấy hiệu quả trong công tác điều hành của Ban Giám đốc trước sức ép cạnh tranh trên thị trường ngày càng lớn như hiện nay.

## NGÀNH CƠ ĐIỆN LẠNH

### Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn

B15 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, P.Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 223 66 888 - (028) 223 67 888

Email: [info@namthanhsg.vn](mailto:info@namthanhsg.vn)

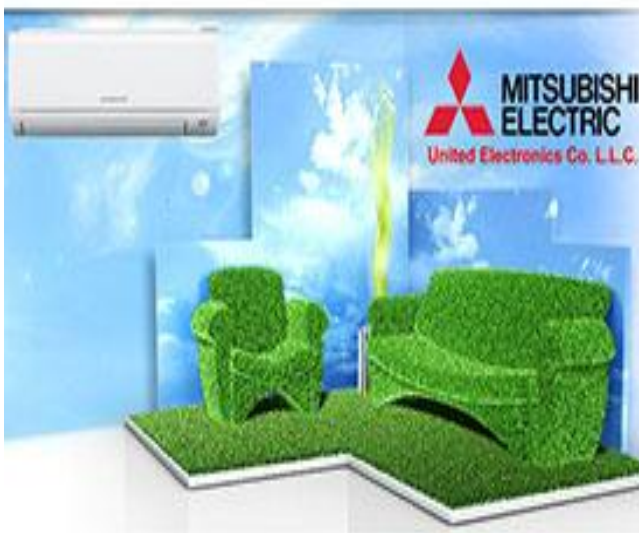
Mã số thuế: 0313525196

- *Vốn điều lệ của NAM THANH SÀI GÒN: 10.000.000.000 đồng.*
- *Vốn góp của ST8 tại Nam Thanh Sài Gòn là: 7.000.000.000 đồng chiếm 70% vốn điều lệ.*

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM THANH SÀI GÒN đã ra đời và hoạt động chính thức về lĩnh vực phân phối các sản phẩm máy điều hòa không khí mang thương hiệu Mitsubishi của Công ty Mitsubishi Electric Việt Nam và hệ thống thang máy Modeun Hàn Quốc. Với ưu thế từ lâu năm của Công ty Cổ Phần Siêu Thanh về năng lực và kinh nghiệm kinh doanh các sản phẩm như máy photocopy, ô tô, năng lực tài chính vững mạnh, cơ sở dữ liệu và quan hệ khách hàng rộng lớn tạo tiền đề hỗ trợ cho việc mở rộng phát triển Nam Thanh Sài Gòn trên thị trường.

Năm 2018 và những năm tiếp theo, nền kinh tế Việt Nam đang dần hồi phục và đang trên đà tăng trưởng, nhiều dự án đầu tư lớn về cơ sở hạ tầng, khu đô thị mới, chung cư cao cấp, trung tâm thương mại đang được xây dựng ngày càng nhiều. Tốc độ phát triển và nhu cầu tiêu thụ máy lạnh, máy phát điện, thang máy trong giai đoạn 5 đến 10 năm nữa là rất lớn. Do vậy, Nam Thanh Sài Gòn xác định mục tiêu xây dựng hệ thống phục vụ khách hàng hướng đến tiêu chuẩn chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm chi phí nhằm mục đích cung cấp cho khách hàng những giải pháp, sản phẩm tiết kiệm và thân thiện với môi trường nhất với phương châm hoạt động “HƯỚNG ĐẾN GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN”.

### Các sản phẩm Nam Thanh Sài Gòn hiện nay đang kinh doanh

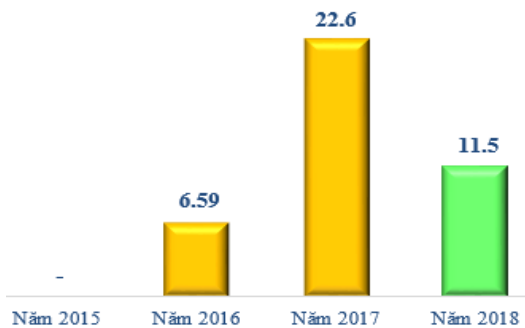


## CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN HĐKD NGÀNH CƠ ĐIỆN LẠNH

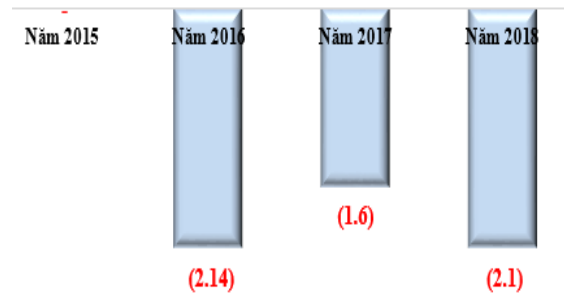
Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu thuần	-	6.6	22.6	11.5
Lợi nhuận từ HĐKD	-	(2.1)	(1.6)	(2.2)
Lợi nhuận khác	-	0.0	0.0	0.1
Lợi nhuận trước thuế	-	(2.1)	(1.6)	(2.1)
Lợi nhuận sau thuế	-	(2.1)	(1.6)	(2.1)

### Doanh thu qua các năm



### Lợi nhuận qua các năm

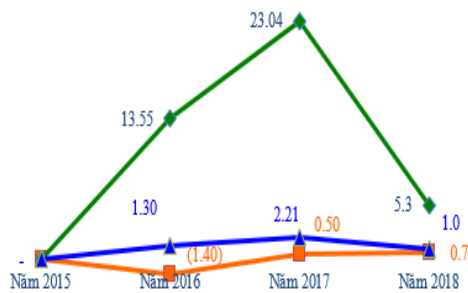


Trong những năm đầu chính thức đi vào hoạt động lĩnh vực Cơ – Điện – Lạnh, Doanh và lợi nhuận bắt đầu được ghi nhận với giá trị chưa cao. Tuy nhiên, với các dự án lớn đang triển khai và kế hoạch ghi nhận trong năm 2019 sẽ mang đến hiệu quả đáng kể đối với Công ty Nam Thanh Sài Gòn.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

### Hiệu quả hoạt động

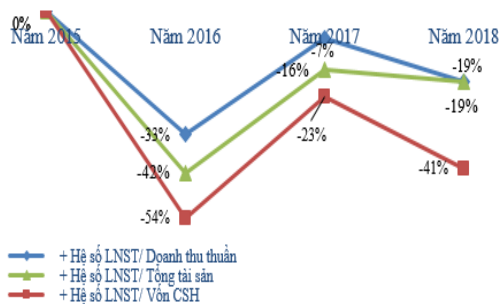
Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
+ Vòng quay Hàng tồn kho	-	13.55	23.04	5.3
+ Vòng quay Khoản phải thu	-	(1.40)	0.50	0.7
+ Vòng quay Tổng tài sản	-	1.30	2.21	1.0



Với trọng tâm kinh doanh mảng dự án, các hệ số hoạt động năm 2018 giảm nhiều so với năm 2017, đặc biệt hệ số hàng tồn kho giảm tương đương 18 đơn vị. Tuy nhiên, đây là đặc điểm chung của lĩnh vực dự án. Ban lãnh đạo Công ty vẫn đang kiểm soát để đảm bảo thực hiện đúng các tiến độ công trình đang triển khai, nhằm mang lại hiệu quả Công ty.

### Hiệu quả quản lý

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	-	-33%	-7%	-19%
+ Hệ số LNST/ Vốn CSH	-	-54%	-23%	-41%
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	-	-42%	-16%	-19%



Năm 2018 tiếp tục ghi nhận khoản lỗ kế hoạch. Với những dự án với tiến độ hoàn thành trong năm 2019 sẽ góp phần cải thiện đang kể tình hình kinh doanh của Công ty.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN – DEVELOPMENT ORIENTATION

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty – Main Objectives of the Company

Năm 2018, Việt Nam đứng thứ 9 trong bảng xếp hạng chỉ số thương mại bền vững trong 19 nền kinh tế châu Á và Mỹ, nằm trong các nước được đánh giá cao về mức độ mở cửa thị trường. Đặc biệt, việc Quốc hội phê chuẩn CPTPP đã nhận được nhiều tín hiệu tích cực từ phía doanh nghiệp. Không chỉ mở rộng cửa thị trường hàng hóa - dịch vụ - đầu tư, tạo cơ hội giúp doanh nghiệp hưởng lợi thuế quan, CPTPP còn hứa hẹn giúp doanh nghiệp Việt nâng cao nội lực, đẩy mạnh các quy chuẩn về sở hữu trí tuệ, đồng thời giải quyết tranh chấp và phòng vệ thương mại. Năm 2018 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam vượt Trung Quốc, trở thành nền kinh tế có tiềm năng thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất. Sau Việt Nam, trong top 5 có Trung Quốc, Hoa Kỳ, Úc và Thái Lan. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam kỳ vọng các hiệp định thương mại tự do mới sẽ giúp họ tăng doanh thu trong thời gian tới.

Để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thống nhất về điều kiện kinh doanh để bảo đảm thực thi có hiệu quả và nhất quán. Về cải cách thủ tục hành chính, cần thành lập trung tâm một cửa liên thông ở cấp bộ, đồng thời cho phép doanh nghiệp làm nhiều thủ tục cùng một lúc, hạn chế tối đa việc hoàn thành thủ tục này rồi mới bắt đầu làm thủ tục khác. Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ chế giám sát, theo dõi, đánh giá cán bộ tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp. Các bộ, ngành và địa phương cần công khai, minh bạch thông tin trên website chính quyền, đặc biệt là đăng tải đầy đủ các thông tin về quy hoạch, kế hoạch phát triển, các dự án đầu tư công, dự án đổi tác công tư...

Trong năm 2018, tổng doanh số xe được bán tại thị trường Việt Nam là 276.817 chiếc, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2017, xe ô tô du lịch tăng 27.7%; xe thương mại giảm 19.2% và xe chuyên dụng giảm 48.5% so với cùng kỳ năm 2017. Năm nay, Honda Việt Nam (HVN) vượt mặt Ford để đứng ở vị trí thứ 3 có doanh số xe cao nhất. Tổng số ô tô Honda tiêu thụ là 27.099 chiếc, tốc độ tăng kỷ lục với 123% so với cùng kỳ năm ngoái, Hiện tại, HVN chiếm 9.8% toàn thị trường. Sự thành công của HVN là nhờ hoàn thiện Nghị định 116 nhanh chóng và cũng là hãng xe đầu tiên đưa ô tô nhập khẩu về nước. Chính vì vậy, các dòng ô tô nhập khẩu của HVN tăng rất mạnh. Cụ thể, dòng SUV CR-V có doanh số kỷ lục lên tới 8.819 chiếc. Tuy nhiên, mẫu xe ăn khách nhất của HVN là dòng xe lắp ráp (CKD) City với 10.851 chiếc.

Bên cạnh đó, Công ty thứ 2 của Chúng tôi là Cty CP ô tô Cường Thanh đứng ở vị trí thứ 5 về doanh số bán ra với thương hiệu ô tô GM Việt Nam, thương hiệu này đã bán cho VinFast vào tháng 6 năm 2018 chiếm tỷ trọng với 4,5% toàn thị trường tương đương 12.334 chiếc được bán ra trong năm 2018. Dòng xe tiêu biểu có doanh số cao nhất của GM là mẫu Chevrolet Colorado với 3.916 chiếc.

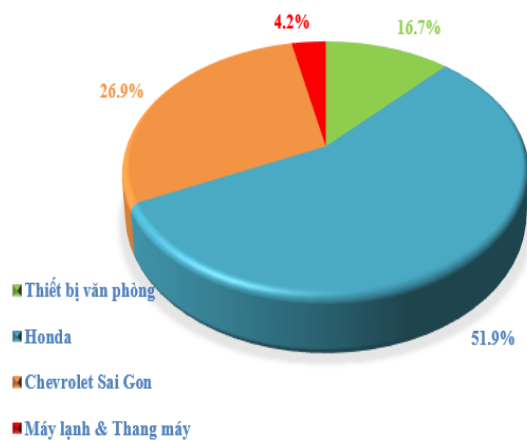
Với mục tiêu luôn vẫn bám sát các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của mình là thương mại và dịch vụ chuyên về phân phối các sản phẩm thương hiệu Ô tô nổi tiếng, thiết bị văn phòng và hệ thống cơ điện lạnh để tăng lợi thế cạnh tranh và tăng thị phần. Hệ thống Siêu Thanh hoạt động ngày một chuyên nghiệp hơn nhằm đem lại cho các khách hàng với mục tiêu **“Tổ chức kinh doanh dịch vụ hướng tới sự thỏa mãn và hài lòng của khách hàng”**. Song song với nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, ổn định và duy trì lượng khách hàng sẵn có là việc làm mang tính tiên phong. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi phí, quản lý và duy trì năng suất lao động, cơ cấu lại nguồn lực cho tất cả các lĩnh vực đảm bảo đáp ứng yêu cầu chất lượng cung cấp dịch vụ theo phương châm **“Hướng đến chất lượng toàn diện”** mà ST8 đã và đang duy trì từ trước tới nay.

Trong năm 2019, với kỳ vọng đạt được mục tiêu cho toàn hệ thống và sự tái cấu trúc trong nội bộ doanh nghiệp của Ban Lãnh đạo tạo động lực cho các định hướng phát triển trong tương lai. Do vậy, ST8 đã đặt ra kế hoạch hoạt động kinh doanh trong năm 2019

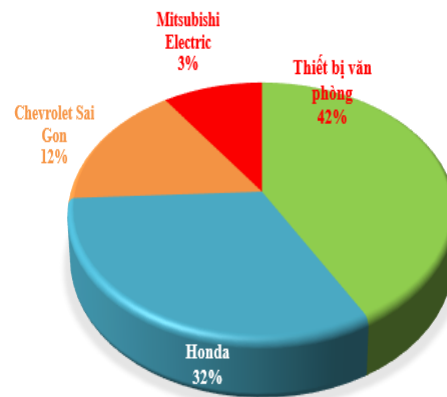
Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019					Tăng trưởng so với thực hiện 2018				
		Toàn hệ thống	Thiết bị văn phòng	Honda	Chevrolet Sai Gon	Máy lạnh & Thang máy	Toàn hệ thống	Thiết bị văn phòng	Honda	Chevrolet Sai Gon	Máy lạnh & Thang máy
1	Doanh thu thuần	2,263.0	268.9	1,266.0	655.0	73.1	19.5%	-2.0%	6.7%	55.5%	537.0%
2	Lợi nhuận trước thuế	77.5	32.5	25.0	12.5	7.5	38.3%	37.1%	17.5%	2.9%	449.9%
3	Lợi nhuận sau thuế	62.0	26.0	20.0	10.0	6.0	40.0%	37.6%	17.5%	4.0%	379.9%

**Kết cấu Doanh thu hệ thống**



**Kết cấu Lợi nhuận hệ thống**



Kế hoạch ngành ô tô tiếp tục tăng trưởng cao hơn cùng kỳ là do Việt Nam đã hội nhập theo xu hướng của Thế giới, một phần thu nhập của người lao động Việt Nam được cải thiện, thị hiếu và nhu cầu người tiêu dùng cũng tăng cao, lạm phát ổn định; các yếu tố môi trường xung quanh việc sở hữu xe khá thuận lợi như cơ sở hạ tầng được cải thiện, nhiều đường cao tốc được mở mới, giá xăng vẫn đang ổn định, mặt bằng lãi suất thấp và ổn định, nhu cầu tín dụng ô tô cũng tăng trưởng mạnh.

Ngành Thiết bị văn phòng: Với hơn 25 năm kinh doanh trong ngành Thiết bị văn phòng, Siêu Thanh đang sở hữu một lượng lớn khách hàng trung thành mang tính ổn định cao. Do đó, kế hoạch năm 2018 về doanh thu và lợi nhuận sau thuế tiếp tục ổn định đặc biệt là lợi nhuận sau thuế tăng 37% so với thực hiện năm 2018.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019 với những chỉ tiêu kỳ vọng trên, bên cạnh ảnh hưởng các chính sách vĩ mô của nền kinh tế, HĐQT và Ban điều hành phải phân đầu hoàn thiện các tiêu chí vĩ mô của toàn hệ thống:

- *Tiến hành củng cố hệ thống các Chi nhánh, chuẩn bị tốt điều kiện để mở rộng và thành lập thêm nhằm liên kết tại các tỉnh thành trên toàn quốc để đáp ứng cao nhất yêu cầu dịch vụ của khách hàng và đón đầu giai đoạn bùng nổ sau khi Việt Nam ký các hiệp định thương mại trên thế giới và trong khu vực.*
- *Tổ chức lại hệ thống kinh doanh & dịch vụ theo hướng tinh gọn, linh hoạt và hiệu quả.*
- *Tập trung quảng bá thương hiệu sản phẩm cốt lõi và sản phẩm mới đến các khách hàng tiềm năng.*
- *Phân tích và đánh giá hiệu hoạt động của từng sản phẩm, từng bộ phận, từng Chi nhánh kinh doanh để có những giải pháp kinh doanh kịp thời.*
- *Tập trung công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng: tỷ lệ khách hàng hài lòng, sự gắn bó của khách hàng, tỷ lệ dịch vụ bị than phiền, tỷ lệ đáp ứng đơn hàng...*
- *Hoàn thiện chính sách tài chính kế toán, qui trình và công cụ kiểm soát rủi ro cho toàn hệ thống.*
- *Kiểm soát và tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn lưu động: công nợ phải thu, công nợ phải trả, hàng tồn kho...*
- *Kiểm soát và cân đối cơ cấu vốn để tối đa hóa dòng tiền.*
- *Liên tục dự báo các biến động về tình hình kinh tế vĩ mô, tài chính tiền tệ để có các giải pháp kịp thời về tài chính.*
- *Tinh gọn bộ máy nhân sự, tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo đội ngũ nhân sự.*
- *Thay đổi tư duy, thái độ hành vi ứng xử khi giải quyết công việc.*
- *Cải cách thủ tục hành chính đơn giản và nhanh hơn.*
- *Xây dựng văn hoá doanh nghiệp vững chắc.*





## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN DEVELOPMENT STRATEGIES IN MEDIUM & LONG TERM



Dù đối mặt với tình trạng thiếu nguồn cung do vướng phải những yêu cầu khắt khe từ Nghị định 116 nhưng kết thúc năm 2018, doanh số bán hàng của toàn thị trường ô tô Việt Nam vẫn tăng trưởng nhẹ ở mức 5,8% so với năm 2017, với 288.683 xe được bán ra. Với sự khởi sắc của thị trường ô tô trong những tháng cuối năm 2018, giới chuyên môn kỳ vọng ngành ô tô Việt Nam sẽ khởi sắc hơn trong năm 2019. Theo

Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA), trong tháng 1/2019, doanh số bán hàng của toàn thị trường đạt 33.484 xe, giảm 2% so với tháng 12/2018 và tăng 27% so với tháng 1/2018. Vì thế khi nguồn cung xe nhập khẩu được đảm bảo, thị trường ô tô Việt Nam sẽ có sự bứt phá mạnh mẽ trong năm 2019.

Sự phục hồi của thị trường ô tô Việt Nam trong năm 2019 còn được hỗ trợ từ nhu cầu tiêu dùng ô tô trên thị trường đang tăng mạnh. Tỷ lệ sở hữu xe/1.000 dân vẫn chỉ ở mức 20 xe, trong khi đó, tỷ lệ này ở Thái Lan vào khoảng 80 xe, còn ở các quốc gia phát triển thì tỷ lệ nào từ 200 - 400 xe và hy vọng tỷ lệ này sẽ tăng cao trong năm 2019.

Năm 2019, ô tô nhập khẩu nguyên chiếc có xuất xứ từ các nước nội khối kỳ vọng tiếp tục được hưởng lợi từ Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA). Sau khi loại bỏ thuế nhập khẩu, mức giá của ô tô đến từ các quốc gia này dao động trong khoảng 300 - 500 triệu đồng, phù hợp với thu nhập của phần lớn người dân Việt Nam. Bên cạnh mức giá mềm, người tiêu dùng cũng có nhiều lựa chọn hơn với các dòng xe từ Indonesia và Thái Lan. Do đó, doanh số của các dòng xe bình dân và trung cấp vào năm 2019 được kỳ vọng sẽ tăng mạnh ở mức 20% so với cùng kỳ năm trước.

Về trung và dài hạn ngành ô tô được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 22,6% mỗi năm trong giai đoạn 2018 - 2025 và duy trì ở mức 18,5% mỗi năm trong giai đoạn 2025 - 2035. Trong khi đó ngành công nghiệp sản xuất ô tô nội địa được dự báo sẽ có mức tăng trưởng 18,5% mỗi năm trong giai đoạn 2018 -2025 và 13,5% trong giai đoạn 2025-2035, với sản lượng đạt 531.600 chiếc vào năm 2025 và 1,76 triệu chiếc vào năm 2035 và nhu cầu ô tô của Việt Nam năm 2025 theo phương án trung bình đạt khoảng 800 - 900 nghìn xe và năm 2030 khoảng 1,5 - 1,8 triệu xe.

Triển vọng lạc quan của thị trường tiêu thụ ô tô còn tác động tích cực đến mảng dịch vụ tài chính, điển hình là thị trường tiêu dùng ô tô đang ngày càng được giới ngân hàng quan tâm mở rộng kinh doanh với nhiều dịch vụ

cho vay mua xe, tốc độ tăng trưởng tín dụng trong mảng cho vay ô tô sẽ đạt tới 30% trong giai đoạn 2018-2023 với quy mô 135 nghìn tỷ đồng vào cuối giai đoạn này.

Thị trường bất động sản là một trong những thị trường có giá trị tạo động lực, kéo theo và gia tăng sự đóng góp của các thị trường khác vào nền kinh tế, có quan hệ trực tiếp với các thị trường tài chính – tiền tệ, thị trường xây dựng, vật liệu xây dựng, thị trường lao động và nhiều năm trở lại đây đã thể hiện rất rõ trong thị trường du lịch. Có thể nói, xoay quanh bất động sản là một hệ sinh thái kinh tế liên quan và cộng hưởng lẫn nhau.



Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự tiến bộ vượt bậc về công nghệ đã và đang tác động mạnh mẽ đến hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề, thị trường và cuộc sống hàng ngày của con người. Trên nền tảng số hóa và trí tuệ nhân tạo, đô thị thông minh (smartcity) đang trở thành một xu hướng mới thể hiện những đột phá về giải pháp.

Sự phục hồi của nền kinh tế như hiện nay với các dự báo đầy lạc quan trong những năm tới, ST8 sẽ phát huy hết tiềm năng của mình để tập trung vào ổn định các nguồn lực trong hệ thống và bảo đảm việc sử dụng vốn một cách có hiệu quả. Tập trung phát triển thị phần sẵn có trong hoạt động kinh doanh chính hiện nay của mình, quảng bá thương hiệu mới đến các khách hàng. Bên cạnh đó, ST8 cũng tiếp tục nghiên cứu đầu tư để mở rộng mạng lưới kinh doanh đem lại lợi nhuận tốt hơn cho chính mình và các nhà đầu tư. ST8 tiếp tục phấn đấu trở thành một tập đoàn đa ngành, kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, lấy lĩnh vực phân phối sản phẩm được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng nhất và cung cấp dịch vụ tốt nhất làm nòng cốt, tập trung làm nhà phân phối những mặt hàng chiến lược của các tập đoàn nổi tiếng trên thế giới và trong khu vực.

Xuyên suốt chặng đường phát triển, ST8 luôn chuẩn bị rất kỹ càng, nhạy bén nắm bắt cơ hội, tranh thủ tiềm lực sẵn có để đầu tư cho tương lai, tìm kiếm cơ hội hợp tác mới, tạo sự đột phá cho thị trường hiện tại và gia tăng năng lực kinh doanh và chủ yếu là tập trung lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

Với mục tiêu phát triển một cách bền vững từ giá trị cốt lõi, ST8 Chúng tôi tiếp tục thực hiện đánh giá lại để hoàn thiện chiến lược của toàn hệ thống, từ đó tiến hành xây dựng và điều chỉnh kế hoạch cho những năm tiếp theo phù hợp với năng lực hiện có “**Sức mạnh nội lực**” và triển khai hệ thống dự báo “**Sức mạnh ngoại lực**” và phòng ngừa rủi ro cho toàn Công ty.

## CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY CORPORATE OBJECTIVES WITH REGARD TO CORPORATE ENVIRONMENT, SOCIETY AND COMMUNITY SUSTAINABILITY

### ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG – COMMUNITY



Với tinh thần hướng tới cộng đồng, nhấn mạnh thể hiện giá trị cao nhất mà ST8 hướng tới là mang lại lợi ích cho cộng đồng và mang lại thành công cho tất cả mọi người, bao gồm khách hàng, cổ đông, đối tác, cán bộ công nhân viên và cộng đồng. Chúng tôi chỉ thực sự thành công khi bạn hài lòng với sản phẩm, dịch vụ cũng như hoạt động kinh doanh minh bạch của Chúng tôi thể hiện qua các tiêu chí sau:

- Cán bộ nhân viên cam kết đặt chất lượng sản phẩm uy tín của Công ty lên hàng đầu để mang đến cho khách hàng với sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao.
- Mang đến lợi nhuận cho nhà đầu tư tin tưởng vào tri thức và tính chính trực của chúng tôi.
- Mang đến sự tự tin trong cuộc sống cho nhân viên thông qua sự đóng góp đầy ý nghĩa của họ.
- Mang đến sự hài lòng cho nhà cung cấp qua các giao dịch công bằng và minh bạch.
- ST8 chú trọng xây dựng quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư dựa trên cơ sở cung cấp thông tin về Công ty một cách kịp thời, minh bạch và thường xuyên trên Website của Công ty chúng tôi: [www.st8.vn](http://www.st8.vn) hoặc thông qua các buổi làm việc trực tiếp khi các nhà đầu tư, các chuyên gia phân tích của các Công ty Chứng khoán, các Quỹ đầu tư, các định chế tài chính.
- ST8 luôn thực hiện công bố thông tin đúng hạn, đầy đủ theo yêu cầu của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh cũng như Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- ST8 đã đăng tải các Báo cáo tài chính và các thông tin quan trọng khác trên website của Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi và đầy đủ thông tin đến cho các cổ đông và nhà đầu tư.

## ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG – ENVIRONMENT



Tập đoàn Siêu Thanh hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường. ST8 tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình hoạt động kinh doanh để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường. Các lĩnh vực ô tô đã đầu tư dự án hệ thống xử lý nước thải tốt nhất tại các Xưởng dịch vụ. Cùng với quá trình phát triển hoạt động kinh doanh,

Siêu Thanh vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường. Tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty. Tăng cường kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:

- *Tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt; xử lý rác và nước thải;*
- *Phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình hoạt động dịch vụ.*
- *Nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường. Chính sách này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể nhân viên Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.*

## ĐỐI VỚI CÁN BỘ NHÂN VIÊN – EMPLOYEES

Với lịch sử hình thành và phát triển lâu dài, ST8 luôn luôn cải tiến và hoàn thiện về mọi mặt nhằm xây dựng một môi trường làm việc tốt với tác phong chuyên nghiệp. Bên cạnh việc giải quyết công ăn việc làm của hàng trăm lao động với chế độ đãi ngộ thỏa đáng, Chúng tôi luôn có những chính sách nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên thông qua các khóa bồi dưỡng kiến thức, hỗ trợ học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Một khía cạnh không thể thiếu trong môi trường doanh nghiệp của Công ty là sự hòa đồng, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, trách nhiệm trong công việc và sự cống hiến vì lợi ích chung toàn hệ thống luôn được chú trọng.

Tập trung xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, trên cơ sở tập trung quy hoạch đội ngũ nhân viên ưu tú để bồi dưỡng chuyên môn, phẩm chất đạo đức, gắn liền bồi dưỡng truyền thống và văn hóa Doanh nghiệp, biết cống hiến vì lợi ích của Công ty nhằm xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực kế cận. Đây là cũng nhiệm vụ chủ yếu, thường xuyên và lâu dài để phát triển Công ty bền vững.





## ĐỐI VỚI XÃ HỘI – SOCIETY

Trên hơn 25 năm hình thành và phát triển, Siêu Thanh là một doanh nghiệp mà khi nhắc đến ai cũng dễ dàng nhận ra ngoài việc tập trung cho hoạt động kinh doanh để có được lợi nhuận mong đợi, ST8 cũng là một trong các Doanh nghiệp không bao giờ quên trách nhiệm của mình đối với Xã hội. Dựa trên nguyên tắc kinh doanh luôn đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với trách nhiệm xã hội, Siêu Thanh ý thức được rằng chúng tôi không chỉ quan tâm đến lợi ích của riêng mình và đặt mục tiêu lợi nhuận là duy nhất. Thay vì vậy, ST8 còn dành một sự quan tâm sâu sắc đến những hành động, đóng góp của mình nhằm góp phần tạo nên những thay đổi trong cộng đồng xung quanh.

Là một doanh nghiệp, Siêu Thanh không chỉ muốn khách hàng nhớ đến mình với tư cách một công ty kinh doanh mà còn là một tổ chức có trách nhiệm đối với xã hội. Vì vậy song song với hoạt động kinh doanh, chúng tôi luôn có những hoạt động dành cho xã hội, đặc biệt là những hoạt động hướng đến đối tượng là học sinh, sinh viên, các trường học, những bạn trẻ nhiệt huyết, tài năng, các trẻ em cơ nhỡ bất hạnh....

Tính đến nay, Siêu Thanh đã thực hiện được không ít các chương trình phúc lợi, từ thiện cho xã hội và đánh dấu cho những nỗ lực vì cộng đồng là sự kiện được Chủ tịch nước trao tặng **Huân chương lao động hạng Nhì** cho **Chủ tịch HĐQT**, **Huân chương lao động Hạng Ba** cho **Phó Chủ tịch HĐQT** và **Huân chương lao động hạng Ba** cho **Doanh nghiệp** có nhiều đóng góp cho các hoạt động cộng đồng, cho sự phát triển chung của xã hội. Sự kiện này cũng là động lực to lớn để khuyến khích Chúng tôi tiếp tục phát huy trách nhiệm của mình đối với cộng đồng xã hội. Với phương châm **“ST8 chỉ thực sự thành công khi Bạn hài lòng với sản phẩm, dịch vụ cũng như hoạt động kinh doanh minh bạch của Công ty”**.

Không những thế, sự gắn bó của tập thể và các cá nhân trong công ty cũng nhận thức được việc làm này, từ các thành viên HĐQT, Ban lãnh đạo và một số CBNV trong hệ thống tập đoàn Siêu Thanh luôn chia sẻ một phần trách nhiệm của mình đến với cộng đồng xã hội. Trong từng dấu chân của mình dù ở bất cứ nơi đâu trên mọi miền đất nước, ý thức quan tâm đến cộng đồng vì sự phát triển chung của toàn xã hội luôn gắn liền cùng mọi hoạt động của Siêu Thanh. Trong giai đoạn từ 1994 đến 2018 Siêu Thanh đã tích cực tham gia các công tác xã hội và đóng góp trên 26 tỷ đồng dành cho các chương trình bảo trợ cho các tổ chức từ thiện, khám chữa bệnh cho các bệnh nhân nghèo, tặng học bổng cho những trẻ em nghèo hiếu học & nhà tình thương, nhà tình nghĩa, tài trợ xe lăn cho người khuyết tật, trẻ em cơ nhỡ không nơi nương tựa...nhằm đem đến cho những người không may mắn trong xã hội hiện nay có một cuộc sống ấm no và tinh thần hạnh phúc tạo nên sự công bằng trong xã hội.

Bên cạnh đó, nhiều năm liền hệ thống Siêu Thanh chúng tôi được nhận nhiều bằng khen của Bộ tài chính, Tổng cục thuế và các Cơ Quan quản lý Nhà nước về việc thực hiện chính sách nghĩa vụ Thuế và các nghĩa vụ khác đối người lao động.



CERTIFIED SERVICE



modeun ELEVATOR

## Một số hoạt động xã hội tiêu biểu trong năm 2018



## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO – RISKS

Bất kỳ một Công ty nào khi bắt đầu chu kỳ hoạt động kinh doanh đều gặp phải các rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro này có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu của Công ty khi niêm yết trên thị trường chứng khoán.

### Về thị trường tài chính – Financial Market



Hoạt động kinh doanh chính của ST8 là phân phối và dịch vụ các sản phẩm ô tô, thiết bị văn phòng, cơ điện lạnh và thang máy, khi nền kinh tế có sự thay đổi về mọi mặt sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh ngành nghề của Chúng tôi.

Trong một nền kinh tế phát triển thì nhu cầu về các sản phẩm hàng hóa, nhất là các sản phẩm cao cấp, ngày càng tăng thì nhu cầu người tiêu dùng đòi hỏi phải đáp ứng chất lượng dịch vụ cao hơn và ngược lại. Do vậy, để giảm thiểu rủi ro Chúng ta nên tập trung đến năng lực cốt lõi của mình để tránh ảnh hưởng đáng kể về doanh thu và lợi nhuận cho toàn hệ thống về các sản phẩm đang kinh doanh.

### • Rủi ro về Lãi suất – Interest Rate Risk



Mặt bằng lãi suất có thể giữ ổn định do: áp lực lạm phát có thể giảm bớt khi giá dầu thế giới không biến động nhiều trước ảnh hưởng từ chính sách tăng sản lượng dầu đá phiến của Mỹ; đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỷ giá. Nếu muốn ổn định tỷ giá thì khi lãi suất USD tăng, lãi suất tiền đồng phải tăng theo. Tại thị trường Việt Nam, lãi suất tiền gửi của các ngân hàng thương mại, đặc biệt là lãi suất của các kỳ hạn dài, đã tăng lên đáng kể. Các doanh nghiệp và cá nhân vay vốn cũng phản ánh lãi suất cho vay đã tăng lên. Xu hướng lãi suất của Việt Nam trong năm 2019 sẽ phụ thuộc đáng kể vào động thái điều chỉnh lãi suất của Fed, và NHNN sẽ điều hành chính sách tiền tệ theo hướng bảo vệ giá trị VND, do đó, có thể năm 2019 lãi suất sẽ tiếp tục tăng.

Việc sử dụng nguồn vốn vay tại các tổ chức tín dụng cho các đơn vị thành viên trong hệ thống ST8 chủ yếu là ngành ô tô đáp ứng bổ sung kịp thời cho dòng tiền hoạt động trong lĩnh vực này một cách linh hoạt. Tuy nhiên khi có biến động lãi suất theo chiều hướng tăng thì khách hàng của Chúng tôi những người dự định mua xe ô tô sẽ cân nhắc kỹ và hạn chế mua xe khi sử dụng vốn vay làm ảnh hưởng tới việc tăng trưởng doanh thu trong toàn tập đoàn. Vì vậy, sự biến động lãi suất ít nhiều cũng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



## • Tỷ giá hối đoái – Exchange Rate



Năm 2019, dự báo kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng trở lại; FED sẽ giảm tiến độ tăng lãi suất, như vậy đồng USD sẽ không tăng mạnh như năm 2018. Theo đó, các đồng tiền trong khu vực cũng sẽ giảm giá ở mức thấp hơn so với 2018, tạo áp lực tỷ giá ở mức độ nhẹ hơn đối với tỷ giá VND. Tại Việt Nam, theo dự báo, lạm phát sẽ tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ ở mức dưới 4%, cộng với quan hệ cung - cầu ngoại tệ trên thị trường ngoại hối tương đối tích cực, ở trạng thái ổn định và cung hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu... tỷ giá VND Năm nay, có thể mất giá khoảng 2-2,5%.

Các mặt hàng kinh doanh của hệ thống Siêu Thanh như máy thiết bị văn phòng, hệ thống cơ điện lạnh, vật tư, xe ô tô, phụ tùng lắp ráp hoặc thay thế đều nhập khẩu từ nước ngoài. Việc tỷ giá đô la Mỹ so với Việt nam đồng tiếp tục tăng và theo thống kê những năm gần đây luôn biến động theo xu hướng tăng dần mặc dù tỷ lệ tăng chỉ từ 2% nhưng đây được xem là thách thức không nhỏ đối với việc kinh doanh các mặt hàng có tính cạnh tranh cao như hiện nay của chúng tôi.

## • Lạm phát – Inflation



Năm 2018 là năm thứ 3 thành công trong kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% (3,54%). Trong bối cảnh có biến động rất lớn về tỷ giá, căng thẳng thương mại, biến động giá thị lợn cũng như việc điều chỉnh giá dịch vụ khám chữa bệnh, giáo dục, nhưng công tác điều hành giá đã nhịp nhàng, kiểm chế được lạm phát.

Với việc giá dầu giảm mạnh, lạm phát tháng 12-2018 chỉ còn ở mức 2,98%, giảm mạnh so với mức 3,89% trong năm trước, giảm mạnh so với mức 3,98% trong tháng 10-2018. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc đảm bảo kiểm chế lạm phát dưới 4% trong năm 2019.

Nhìn nhận từ bức tranh kinh tế, mặc dù đã có khởi sắc với tổng mức bán lẻ hàng hoá dịch vụ có tăng, nhưng vẫn ở mức thấp, người tiêu dùng vẫn cân nhắc khi quyết định chi tiêu và còn kỳ vọng giá hàng hoá tiếp tục giảm, sẽ là đe dọa sự phục hồi của sức mua.

## Về thị trường kinh doanh – Business Market

Việc thực hiện chiến lược hội nhập của đất nước, nâng cao vai trò và vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế được thể hiện qua các FTA như: Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); rà soát, thúc đẩy, tiến tới ký kết Hiệp định thương mại của Việt Nam với Liên minh châu Âu (EVFTA) trong năm 2019... Việt Nam tham gia các FTA thế hệ mới như CPTPP và EVFTA, xét trên bình diện chung mang lại các lợi ích nhất định cho Việt Nam. Theo kết quả một số nghiên cứu, CPTPP sẽ giúp GDP của Việt Nam tăng thêm 1,1% vào năm 2030 trong bối cảnh các điều kiện kinh tế căn bản được

giữ nguyên. Với giả định có sự tăng trưởng về năng suất, mức tăng GDP khi có Hiệp định CPTPP có thể đạt 3,5%. Còn EVFTA sẽ giúp xuất khẩu của Việt Nam tăng thêm bình quân từ 4% - 6%/năm trong vòng 10 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực. Tới 2025, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU sẽ đạt 220 tỷ USD, tăng thêm 75 - 76 tỷ USD so với trường hợp không có FTA. Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế luôn đi kèm với các rủi ro và thách thức, Việt Nam sẽ phải đối mặt với một số thách thức về kinh tế như trong lĩnh vực thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư; về việc hoàn thiện khung khổ pháp luật, thể chế; về xã hội... Một thách thức lớn mà chúng ta phải đối mặt là sức ép cạnh tranh từ hàng hóa nhập khẩu của các nước đối tác. Việc mở cửa thị trường, cắt giảm thuế sâu sẽ là cơ hội cho hàng hóa nhập khẩu tăng lên, cạnh tranh với hàng hóa trong nước vốn chất lượng chưa cao. Nếu không có sự chuẩn bị tốt, một số ngành sản xuất có thể sẽ gặp khó khăn.

ST8 phải chủ động tìm hiểu thông tin về các hiệp định để nắm vững cam kết của Việt Nam và các thị trường đối tác quan tâm, nhất là các ưu đãi thuế quan đối với những mặt hàng có thế mạnh, có nhiều tiềm năng xuất khẩu trong thời gian tới và cần thay đổi tư duy kinh doanh trong bối cảnh mới. CPTPP và EVFTA chắc chắn sẽ mang lại cơ hội cho mình, luôn chủ động đáp ứng với những thay đổi về môi trường kinh doanh do quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mang lại, thông qua việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn trung và dài hạn, nhằm thúc đẩy dòng chảy của hàng hóa vào các thị trường đối tác tiềm năng.



Rủi ro có nguyên nhân từ môi trường pháp lý thiếu minh bạch trong cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đây cũng là hiểm họa của kinh doanh lành mạnh. Một hệ thống văn bản pháp luật được ban hành với sự tham gia có hiệu quả của cộng đồng doanh nghiệp, theo các tiêu chí bền vững, thống nhất, thân thiện, công bằng, dễ áp dụng; một hệ thống hành pháp hoạt động theo phương châm hỗ trợ, thúc đẩy và phục vụ kinh doanh; một hệ thống tư pháp đáng tin cậy, tôn trọng công lý, bảo đảm pháp luật thực thi hiệu quả cùng với một xã hội thượng tôn đạo đức, pháp luật sẽ là một môi trường lý tưởng để khuyến khích đầu tư và phát triển doanh nghiệp. Ngược lại, nơi pháp luật bất nhất, mâu thuẫn, chông chéo, thay đổi đột ngột, mờ ám, thực thi pháp luật thiếu minh bạch, công khai, hiệu quả, việc áp dụng pháp luật thiếu công bằng, khách quan, các quyền sở hữu tài sản, quyền bảo vệ hợp đồng hoặc luôn bị xâm hại hoặc chi phí quá cao đều là nguồn gốc rủi ro, gây thiệt hại nặng nề cho doanh nghiệp.

Rủi ro đến từ các đối tác, các nhà đầu tư, các khách hàng của doanh nghiệp và các rủi ro đến ngay từ chính trong nội bộ doanh nghiệp như thái độ của doanh nghiệp đối với rủi ro, sai lầm trong chiến lược kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, sự yếu kém của cán bộ quản lý và nhân viên, thiếu đạo đức và văn hóa kinh doanh, thiếu động cơ làm việc, thiếu đoàn kết nội bộ. Mức độ tiêu dùng, sở thích và nhu cầu dự trữ của khách hàng cũng làm ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu của toàn hệ thống. Nếu hàng hóa rẻ và mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng thì sẽ bán được nhiều hơn. Ngược lại họ sẽ dự trữ tiền của họ vào hệ thống ngân hàng với hàng hóa không dồi dào và không phù hợp với thị hiếu tiêu dùng tạo nên việc giảm doanh số trong kinh doanh.

Một số rủi ro khác ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, động đất,...

Chúng tôi đã xây dựng để đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro trên có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

*\* Thiết lập danh mục các kiểm soát hiện hữu, qua đó cung cấp cho cấp quản lý làm cơ sở đánh giá tính phù hợp, hiệu quả của hệ thống kiểm soát để quản lý rủi ro một cách hiệu quả cũng như thiết lập các kế hoạch hành động liên quan tới việc hoàn thành các kiểm soát một cách hợp lý.*

*\* Bổ sung và cập nhật kiến thức về quản trị rủi ro cho các cấp quản lý cũng như nâng cao kỹ năng đánh giá rủi ro thông qua các buổi đánh giá rủi ro cụ thể, với sự tham gia của bộ phận chuyên trách quản lý rủi ro và các bên liên quan.*

*\* Thông qua hoạt động kiểm soát về quản trị rủi ro này, Công ty đã mạnh dạn phát huy và kế thừa những điểm phù hợp và thế mạnh. Song song đó, những điểm chưa phù hợp với văn hóa, với phương hướng hoạt động của doanh nghiệp được ghi nhận và đưa ra các giải pháp khắc phục phù hợp.*



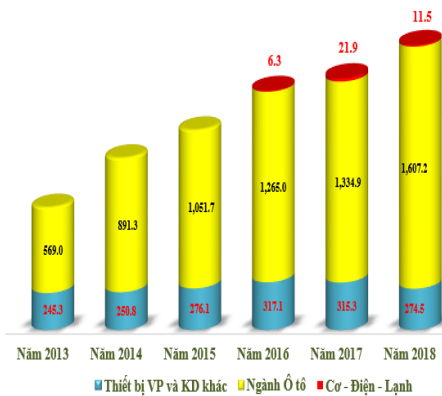
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA HỆ THỐNG

### Tình hình hoạt động kinh doanh

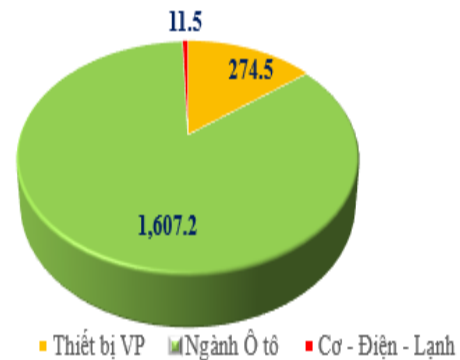
Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tăng/giảm so với cùng kỳ (%)	Thực hiện so với Kế hoạch (%)
1	Doanh thu thuần	1.672,1	1.930,0	1.893,1	13,2%	98,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	36,5	61,7	56,0	53,4%	90,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	28,7	50,0	44,3	54,2%	88,6%

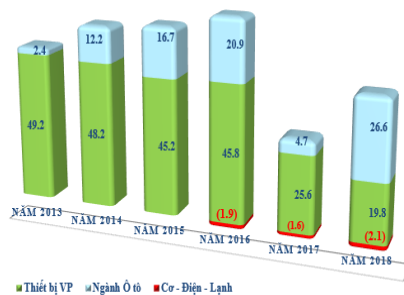
### Doanh thu thuần qua các năm



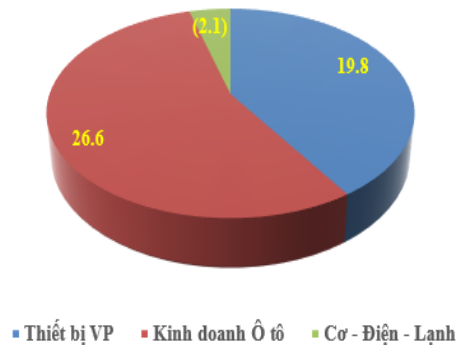
### Kết cấu Doanh thu năm 2018



### Lợi nhuận qua các năm



### Kết cấu Lợi nhuận năm 2018



Tình hình hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống trong năm 2018 giữ vững tính ổn định và tăng trưởng so với cùng kỳ 2017, cụ thể: Doanh thu thuần năm 2018 đạt 98,1% so với kế hoạch, nhưng tăng 13,2% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, doanh số của ngành ô tô vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong các năm trở lại đây, với tỷ trọng 79% doanh số toàn hệ thống, trong đó thương hiệu Honda chiếm 52%, Chevrolet là 27%.

Việc kinh doanh các sản phẩm trong toàn tập đoàn về doanh thu luôn giữ ở trạng thái ổn định qua các năm, nhưng vẫn đem lại tốt về tỷ suất lợi nhuận sau thuế cho cổ đông và nhà đầu tư. Chúng tôi luôn đẩy mạnh về chất lượng dịch vụ và làm hài lòng khách hàng để giữ ổn định lượng khách hàng sẵn có.

Lợi nhuận sau thuế đạt 88.6% kế hoạch, nhưng so với cùng kỳ 2017 lại tăng trưởng 54%. Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt giữa các thương hiệu ô tô và giữa các nhà phân phối trong cùng một hãng. Bên cạnh doanh số chiếm tỷ trọng cao, lợi nhuận sau thuế cũng chiếm tỷ trọng 55% trong tổng lợi nhuận của toàn tập đoàn, trong đó thương hiệu Honda là chiếm 33%, thương hiệu Chevrolet chiếm 22%.

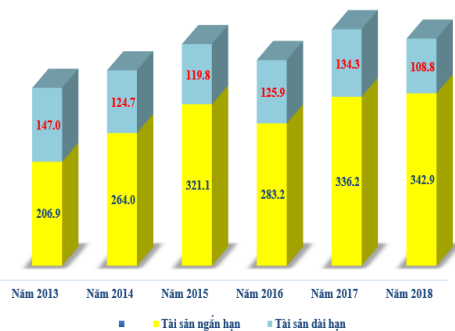
Ngành thiết bị văn phòng đóng góp 19.8 tỷ đồng trong kết cấu lợi nhuận của toàn hệ thống. Tuy nhiên, ngành Thiết bị văn phòng đã gặp không ít khó khăn trong kinh doanh đến từ sự thay đổi kinh tế vĩ mô, sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ khác và cùng sản phẩm..

## Tình hình tài chính

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm so với cùng kỳ	Tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>354.0</b>	<b>388.7</b>	<b>440.9</b>	<b>409.06</b>	<b>470.5</b>	<b>451.7</b>	<b>(18.8)</b>	<b>-4%</b>
Tài sản ngắn hạn	206.9	264.0	321.1	283.18	336.2	342.9	6.7	2%
Tài sản dài hạn	147.0	124.7	119.8	125.9	134.3	108.8	(25.5)	-19%
<b>Nợ phải trả</b>	<b>59.0</b>	<b>53.1</b>	<b>67.9</b>	<b>71.8</b>	<b>130.4</b>	<b>118.2</b>	<b>(12.2)</b>	<b>-9%</b>
Nợ ngắn hạn	57.3	52.0	66.6	70.4	128.6	116.2	(12.4)	-10%
Nợ dài hạn	1.7	1.1	1.3	1.4	1.8	2.0	0.2	11%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>294.9</b>	<b>335.6</b>	<b>373.0</b>	<b>337.3</b>	<b>340.1</b>	<b>333.5</b>	<b>(6.6)</b>	<b>-2%</b>

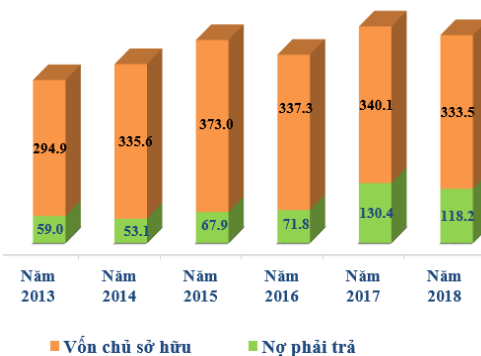
### Kết cấu tài sản



So với năm 2018, tổng tài sản giảm 4%, trong đó, Tài sản ngắn hạn tăng 2% và Tài sản dài hạn giảm 19%, cụ thể như sau: Tài sản ngắn hạn tăng 6.7 tỷ đồng, trong đó:

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 34.7 tỷ đồng, tăng 49% so với cùng kỳ. Hàng tồn kho giảm 7,4 tỷ đồng, tương đương giảm 5% so với cùng kỳ. Tiền và tương đương tiền giảm 30.4 tỷ đồng, tương đương giảm 27% so với cùng kỳ năm 2017.

### Kết cấu nguồn vốn



Vốn đầu tư của Chủ sở hữu chiếm 74% trong tổng nguồn vốn, giảm 2% so với năm 2017. Tỷ lệ nợ ngắn hạn chiếm 26%, nợ dài hạn 1%. Các khoản nợ ngắn hạn tập trung vào các khoản nợ nhà cung cấp chưa đến hạn, các khoản thuế phải nộp chưa đến thời hạn.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ - ORGANIZATION AND HUMAN RESOURCES

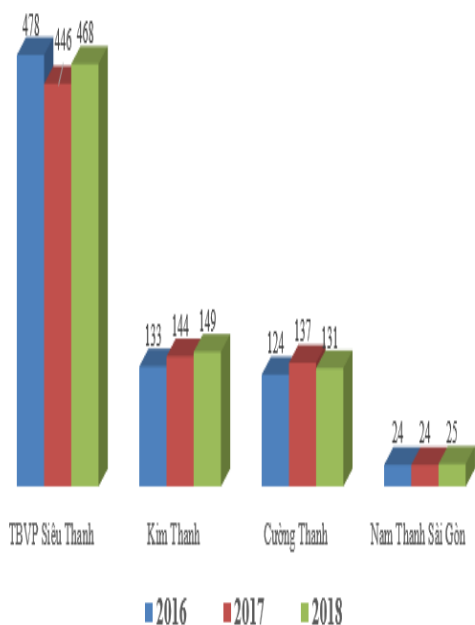
Công ty Cổ Phần Siêu Thanh đang hoạt động theo mô hình Holdings cơ cấu tổ chức theo hình thức Công ty Mẹ và các Công ty con. Hiện nay đang có 1 Công ty Mẹ và 4 Công ty Con. Cụ thể như sau:

Công ty CP Siêu Thanh là Công ty Mẹ có cơ cấu ban điều hành là HĐQT và Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban chức năng để quản lý và điều hành toàn bộ hệ thống.

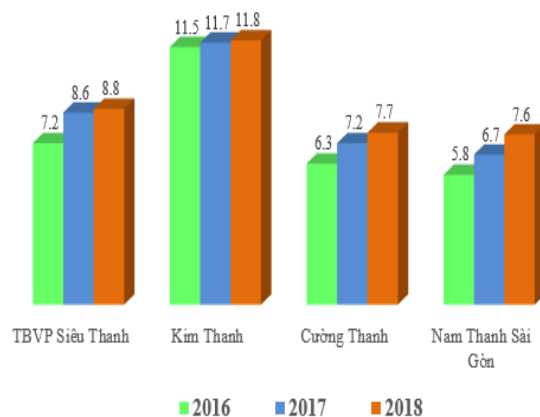
**Các Công ty Con:** Công ty Cổ phần Thiết bị văn phòng Siêu Thanh, Công Ty Cổ phần Ô Tô Kim Thanh và Công ty Cổ Phần ô tô Cường Thanh, Công ty Cổ Phần Nam Thanh Sài Gòn. Các Công ty con hoạt động theo cơ cấu điều hành là Ban Giám đốc và các Phòng ban chức năng thực hiện theo đúng nhiệm vụ của mình.

Tổng số lao động của toàn hệ thống đến thời điểm hiện nay khoảng 773 lao động với mức thu nhập bình quân của cấp quản lý là 32,8 triệu đồng/người và nhân viên là 9,6 triệu đồng/người.

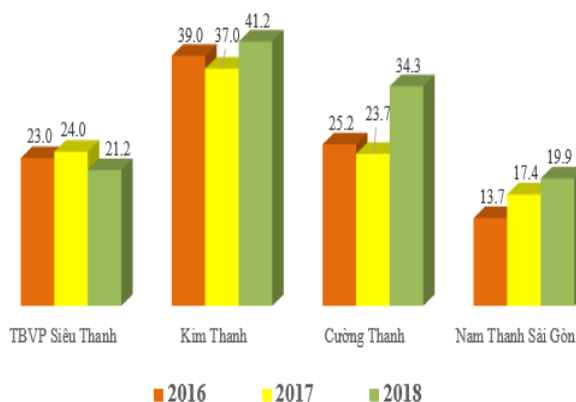
**Số lượng lao động**



**Thu nhập bình quân nhân viên (triệu đồng)**



**Thu nhập bình quân cấp quản lý (triệu đồng)**





## Chính sách nhân sự - Employee Policies

**Chế độ làm việc:** Làm việc 5,5 ngày/tuần, từ 8h đến 17h mỗi ngày trong tuần.

**Ngỉ phép, lễ, tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương.

**Điều kiện làm việc:** Công ty đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động để phục vụ cho công việc của CBCNV.

**Chế độ lương:** Thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV mỗi hai năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

**Chế độ thưởng:** Công ty có chính sách thưởng thiết thực để khuyến khích động viên CB NV và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, nhằm tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh trên thị trường lao động.

**Bảo hiểm và phúc lợi:** Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, BH thất nghiệp cho tất cả CBCNV. Hàng năm công ty hỗ trợ khám sức khỏe cho tất cả CBCNV làm việc tại Công ty.

## Chính sách tạo nguồn nhân lực – Human Resource Policies

**Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng lưới kinh doanh cho toàn hệ thống.

**Đào tạo:** Công ty luôn luôn coi trọng con người là tài sản quý giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và phù hợp, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Siêu Thanh cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo một nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của toàn hệ thống Công ty.

## CƠ CẤU TỔ CHỨC – ORGANIZATION STRUCTURE

Họ Tên	Chức vụ
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch HĐQT
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT
Bà Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT độc lập
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	
Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng giám đốc
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng giám đốc
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	
Bà Cái Kim Thoa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên Ban Kiểm soát
<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>	
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BOARD OF DIRECTORS



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC – BOARD OF MANAGEMENT



## BAN KIỂM SOÁT – BOARD OF SUPERVISOR





**Ông YUNG CAM MENG**  
**Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị**  
**Tổng Giám đốc**

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	13/06/1955
Nơi sinh	Việt Nam
Quốc tịch	Hong Kong – Trung Quốc
Dân tộc	
Quê quán	Trung Quốc
Địa chỉ thường trú	V3-33 C/c Sunrise City, 23 Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	028.6262.6688
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1996 đến nay: Cổ đông sáng lập - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Siêu Thanh</li> <li>- Từ 2014 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh</li> </ul>
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- David Cam Hao Ong (em ruột): sở hữu 6.421.767 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 24,97%</li> <li>- Phạm Thị Mai Duyên (vợ): sở hữu 7.980.591 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 30,03%</li> </ul>
Số cổ phần đang nắm giữ	6.113.770 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 23,77%



**Ông DAVID CAM HAO ONG**  
**Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/06/1957
Nơi sinh	Việt Nam
Quốc tịch	Úc
Dân tộc	
Quốc quán	Trung Quốc
Địa chỉ thường trú	45 Bombay St., Lidcombe NSW 2141 Australia
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	028.6262.6688
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 04/1999 đến 01/2007: Cổ đông sáng lập, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Siêu Thanh</li> <li>- Từ 01/2007 đến 04/2014: TGD Công ty Cổ phần Siêu Thanh</li> <li>- Từ tháng 03/2015 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh</li> </ul> </li> </ul>
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Yung Cam Meng (anh ruột) sở hữu 6.113.770 Cổ phần chiếm tỷ lệ 23,77%
Số cổ phần đang nắm giữ	6.421.767 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 24,97%



**Bà ĐINH THỊ HỒNG VÂN**  
**Thành viên Hội Đồng Quản Trị**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính  
Ngày tháng năm sinh  
Nơi sinh  
Quốc tịch  
Dân tộc  
Quê quán  
Địa chỉ thường trú

Số ĐT liên lạc ở cơ quan  
Trình độ văn hóa  
Trình độ chuyên môn  
Quá trình công tác

Chức vụ công tác hiện nay

Hành vi vi phạm pháp luật  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty

Cổ phần những người có  
liên quan đang nắm giữ  
Số cổ phần đang nắm giữ

Nữ  
20/09/1975  
Ninh Thuận  
Việt Nam  
Kinh  
Ninh Thuận  
480/68 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Tp. HCM

028.6262.8888  
12/12  
Cử nhân Tài chính-Ngân hàng

- Từ năm 1997 đến 2001: Kế toán TH - Nhà Máy Thủy Tinh Phú Thọ- Tổng Công Ty Rượu Bia NGK Sài Gòn
- Từ năm 2001 đến 05/2006: Kế Toán Trưởng Cty TNHH TMDV Huy Phát
- Từ 06/2006 đến 09/2011: Kế Toán Trưởng Công ty CP Ô Tô Kim Thanh
- Từ 10/2011 đến 2014: Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Siêu Thanh
- Từ 2014 đến 2015: Thành viên HĐQT - Giám đốc tài chính – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Siêu Thanh
- Từ 2015 đến nay: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Siêu Thanh  
Không  
Không

Không có  
79.064 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,31%




---

**Bà PHẠM THỊ THU THỦY**  
**Thành viên Hội Đồng Quản Trị**

---

Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	05/07/1969
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Cần Thơ
Địa chỉ thường trú	16 Lô C4, Khu Định Cư Tân Qui Đông, P. Tân Phong, Quận 7, TP.HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	028.6262.8888
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Phát Triển (MA) – Hà Lan Thạc sĩ Tài Chính Ngân Hàng (MBA) - Thụy Sĩ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1991 đến 1994: Cán bộ Trường Đại Học Cần Thơ</li> <li>- Từ 1994 đến 1997: Cán bộ Asian Institute of Technology (AIT) – Thailand</li> <li>- Từ 1996 đến 2000: Program Coordinator – Bread for the World (German Organization)</li> <li>- Từ 2000 đến 2001: Giám đốc Chương Trình – Center for Education Exchange with Vietnam (CEEVN) – American Council of Learned Societies (ACLS-Hội Đồng Các Tổ Chức Học Thuật Hoa Kỳ)</li> <li>- Từ 2001 đến 2007: Chuyên gia Y Tế và Bình Đẳng Giới – Canadian Cooperation Office</li> <li>- Từ 2008 đến 2011: Phó Tổng Giám Đốc - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Vạn Thịnh Phát</li> <li>- Từ 2011 đến 2012: Chủ tịch HĐQT - Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính Việt Vĩnh Phú</li> <li>- Từ 2013 đến 2014: Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ Phần Daeha ( Daewoo Hotel)</li> <li>- Từ 2012 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sài Gòn Ruby</li> </ul>
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Không có
Số cổ phần đang nắm giữ	Không




---

**Bà CÁI KIM THOA**  
**Trưởng Ban Kiểm Soát**

---

Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	29/04/1986
Nơi sinh	Việt Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bạc Liêu
Địa chỉ	14B Thống Nhất, P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Tp.HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	028.6262.8888
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán Doanh Nghiệp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 2007 - 2008: Công tác tại SaigonTimes Foundation</li> <li>- Từ 2008 - 2009: Công ty Cổ phần Ô Tô Kim Thanh</li> <li>- Từ năm 2004 đến nay: Công ty TNHH BĐS Mỹ Khang.</li> <li>- Từ năm 2018 đến nay: Công ty Cổ Phần Siêu Thanh.</li> </ul>
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng BKS
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Ngô Quang Thanh (chồng): sở hữu 06 cổ phần.
Số cổ phần đang nắm giữ	15 cổ phiếu



**Ông NGUYỄN LÊ QUANG**  
Thành viên Ban Kiểm Soát

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	28/10/1990
Nơi sinh	Tuy Phước – Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ	Xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	028.6262.8888
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 2013 - 2014: Kế toán – Công Ty CP Siêu Thanh</li> <li>- Từ 2014 - 2015: Kế toán - Công ty CP Thiết bị văn phòng Siêu Thanh</li> <li>- Năm 2016: Kế toán trưởng – Công ty CP Nam Thanh Sài Gòn.</li> <li>- Từ năm 2016 đến nay: Kế toán trưởng – Công ty CP Thiết bị văn phòng Siêu Thanh.</li> </ul>
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên BKS
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Không.
Số cổ phần đang nắm giữ	Không.



**Ông NGUYỄN HỒ THANH HUY**  
Thành viên Ban Kiểm Soát

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/04/1973
Nơi sinh	TP. HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	TP. HCM
Địa chỉ	177/5 Cách Mạng Tháng Tám, P.5, Q.3, Tp.HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	028.6262.8888
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán doanh nghiệp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1995 - 1997: Kế toán Công ty TNHH EVERSHINE VIET NAM</li> <li>- Từ 1997 - 2001: Kế toán Công ty TNHH Tân Minh Quang</li> <li>- Từ 2001 - 2014: Kế toán – Công ty CP Siêu Thanh.</li> <li>- Từ năm 2014 đến nay: Kế toán – Công ty CP Thiết bị văn phòng Siêu Thanh.</li> </ul>
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên BKS
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Không.
Số cổ phần đang nắm giữ	Không.



## Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án – Investment activities and projects implementation

Trong những năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo mô hình Holdings là mô hình theo cơ cấu tổ chức theo xu hướng chung phù hợp với bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay và trong tương lai, hội nhập nền kinh tế thế giới nhằm chuyên môn hóa ngành nghề kinh doanh cho toàn hệ thống.

Để tạo kích thích việc tăng trưởng doanh thu và tạo lợi nhuận cho toàn hệ thống ST8 trong hoạt động kinh doanh, Chúng tôi luôn xây dựng phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới Chi nhánh bao phủ trên toàn quốc để thuận lợi cho việc phục vụ các khách hàng một cách nhanh chóng về chất lượng dịch vụ hậu mãi.

Hiện nay Công ty Mẹ ST8 đang thực hiện chức năng chính là quản lý đầu tư vào các Công ty con và sẽ phát triển mở rộng thêm *những cơ hội kinh doanh mới bằng cách chọn những sản phẩm có chất lượng dịch vụ cao, có thương hiệu nổi tiếng và có khả năng phát triển mạnh trên thị trường Việt Nam phù hợp với năng lực của Công ty để làm đại lý phân phối và dịch vụ* phù hợp với năng lực hiện tại và thị trường chung của nền kinh tế nhằm mục tiêu mang lại tỷ suất lợi nhuận tốt nhất cho các bên liên quan.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

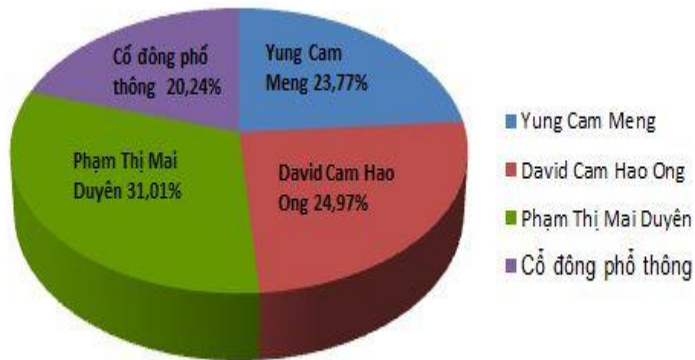
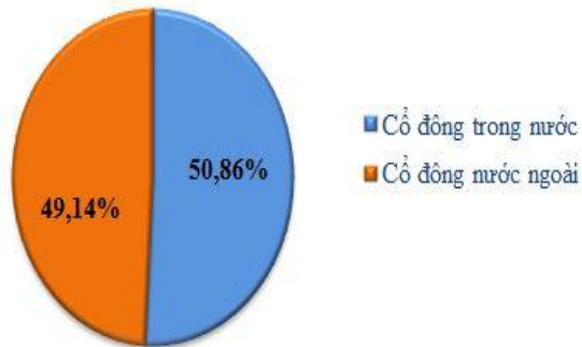
### SHAREHOLDERS STRUCTURE, CHANGE IN OWNER'S EQUITY

THÔNG TIN CỔ PHIẾU	Giá trị CP theo mệnh giá	Đơn vị tính
Vốn điều lệ	257.209.020.000	đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	25.720.902	cổ phiếu
Loại cổ phiếu		phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.720.902	cổ phiếu
Cổ phiếu Quỹ	-	cổ phiếu
Mệnh giá	10.000	đồng/cổ phiếu
Giá trị sổ sách	12.962	đồng/cổ phiếu

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG – SHAREHOLDERS STRUCTURE

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP sở hữu (CP)	Tỷ lệ	Giá trị CP theo mệnh giá (VNĐ)
<b>Tổng số cổ phần</b>	<b>817</b>	<b>25.720.902</b>		<b>257.209.020.000</b>
Cổ phiếu quỹ				-
Cổ phiếu đang lưu hành	817	25.720.902		257.209.020.000
<b>I. Trong đó</b>		-		-
Cổ đông sáng lập	3	20.516.128	79,76%	205.161.280.000
<i>Yung Cam Meng</i>		6.113.770	23,77%	61.137.700.000
<i>David Cam Hao Ong</i>		6.421.767	24,97%	64.217.670.000
<i>Phạm Thị Mai Duyên</i>		7.980.591	31,03%	79.805.910.000
Cổ đông phổ thông	814	5.204.774	20,24%	52.047.740.000
<b>II. Trong đó</b>		-		-
Cổ đông pháp nhân	34	4.859	0,02%	48.590.000
Cổ đông thể nhân	783	25.716.043	99,98%	257.160.430.000
<b>III. Trong đó</b>		-		-
Cổ đông trong nước	787	13.081.903	50,86%	130.819.030.000
Cổ đông nước ngoài	30	12.638.999	49,14%	126.389.990.000
<b>IV. Trong đó</b>				-
Cổ đông lớn	-		0,00%	-
Cổ đông nội bộ & người liên quan	6	20.595.213	80,07%	205.952.130.000
Cổ đông bên ngoài	811	5.125.689	19,93%	51.256.890.000

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



### Thông tin cổ đông sáng lập – Founding Shareholders

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu đang nắm giữ (CP)	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ
Yung Cam Meng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	6.113.770	61.137.700.000	23,77%
David Cam Hao Ong	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	6.421.767	64.217.670.000	24,97%
Phạm Thị Mai Duyên		7.980.591	79.805.910.000	31,03%
<b>Tổng cộng</b>		<b>20.516.128</b>	<b>205.161.280.000</b>	<b>79,76%</b>

## Thông tin cổ đông nội bộ - Internal Shareholders

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu đang nắm giữ (CP)	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ	Ghi chú
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>13.260.601</b>	<b>132.606.010.000</b>	<b>51,56%</b>	
Yung Cam Meng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	6.113.770	61.137.700.000	23,77%	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
David Cam Hao Ong	Phó CT HĐQT kiêm Phó TGD khối TBVP	6.421.767	64.217.670.000	24,97%	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
Võ Văn Chính	Thành viên HĐQT	-	-	0,00%	Hết nhiệm kỳ 12/04/2018
Lê Văn Hà	Thành viên HĐQT	646.000	6.460.000.000	2,51%	Hết nhiệm kỳ 12/04/2018
Nguyễn Hữu Nam	Thành viên HĐQT	-	-	0,00%	Hết nhiệm kỳ 12/04/2018
Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD tài chính	79.064	790.640.000	0,31%	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT	-	-	0,00%	Bổ nhiệm 12/04/2018
<b>Ban Tổng giám đốc</b>		<b>13.181.537</b>	<b>131.815.370.000</b>	<b>51,25%</b>	
Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc	6.113.770	61.137.700.000	23,77%	
David Cam Hao Ong	Phó TGD khối Thiết bị văn phòng	6.421.767	64.217.670.000	24,97%	
Đinh Thị Hồng Vân	Phó TGD tài chính	646.000	6.460.000.000	2,51%	
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>15</b>	<b>150.000</b>	<b>0,00%</b>	
Cái Kim Thoa	Trưởng BKS	15	150.000	0,00%	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
Nguyễn Lê Quang	Thành viên BKS	-	-	0,00%	Bổ nhiệm 12/04/2018
Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên BKS	-	-	0,00%	Bổ nhiệm 12/04/2018
<b>Kế toán trưởng</b>		<b>646.000</b>	<b>6.460.000.000</b>	<b>2,51%</b>	
Đinh Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng	646.000	6.460.000.000	2,51%	
<b>Người được ủy quyền CBTT</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>	
Đinh Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng	-	-	0,00%	
<b>Người có liên quan</b>		<b>20.516.134</b>	<b>205.161.340.000</b>	<b>79,76%</b>	
Phạm Thị Mai Duyên	Vợ ông Yung Cam Meng	7.980.591	79.805.910.000	31,03%	
Ngô Quang Thành	Chồng bà Cái Kim Thoa	6	60.000	0,00%	

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Năm 2018, Công ty cổ phần Siêu Thanh đã chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 34/NQ-ĐHĐCĐ/ST8 ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 58/QĐ-HĐQT/ST8 ngày 06 tháng 09 năm 2018 với số tiền **38.581.353.000 đồng**.

Chỉ tiêu	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	197,855,490,000	-	-	-	86,481,897,609	284,337,387,609
Phát hành cổ phiếu thường để chi trả cổ tức	59,353,530,000	-	-	-	(59,353,530,000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	24,890,033,731	24,890,033,731
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(19,785,549,000)	(19,785,549,000)
Số cuối năm	257,209,020,000	-	-	-	32,232,852,340	289,441,872,340
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	257,209,020,000	-	-	-	32,232,852,340	289,441,872,340
Phát hành cổ phiếu thường để chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	31,939,762,133	31,939,762,133
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(38,581,353,000)	(38,581,353,000)
Số cuối năm	257,209,020,000	-	-	-	25,591,261,473	282,800,281,473

## LỊCH SỬ TRẢ CỔ TỨC – DIVIDED PAYMENT HISTORY

### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Đợt 1			Đợt 2			Đợt 3		
		Ngày thanh toán	Tiền mặt	Cổ phiếu	Ngày thanh toán	Tiền mặt	Cổ phiếu	Ngày thanh toán	Tiền mặt	Cổ phiếu
Năm 2018	15%	18/10/2018	15%							
Năm 2017	40%	18/05/2017	10%	30%	21/06/2017					
Năm 2016	60%	28/06/2016	10%	20%	28/09/2016	20%		26/12/2016	10%	
Năm 2015	40%	18/06/2015	10%	20%	28/01/2016	10%				
Năm 2014	30%	26/06/2014	10%		18/11/2014	10%				
Năm 2013	25%	30/07/2013	10%		20/11/2013	10%	5%			
Năm 2012	30%	18/06/2012	10%		06/01/2013	20%				
Năm 2011	20%	18/08/2011	10%		18/01/2012	10%				

## REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOM

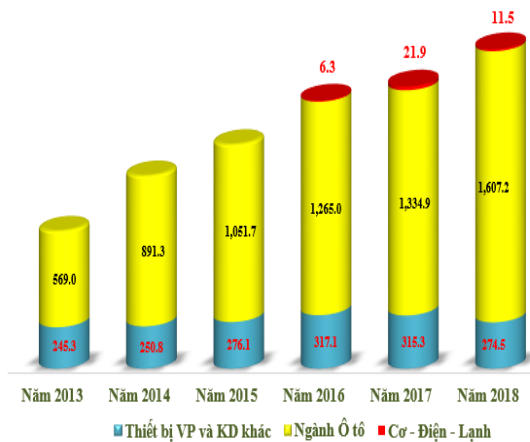
### Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh – Assessment of Operating Results

Đơn vị tính: tỷ đồng

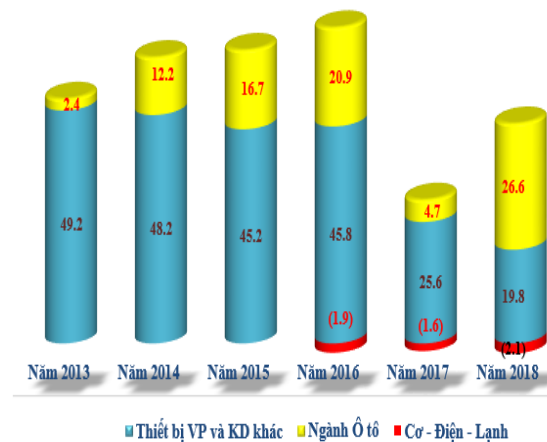
Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm so với cùng kỳ	Tỷ lệ tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>814.3</b>	<b>1,142.1</b>	<b>1,327.7</b>	<b>1,588.4</b>	<b>1,672.1</b>	<b>1,893.1</b>	<b>221.0</b>	<b>13.2%</b>
<i>Thiết bị VP</i>	245.3	250.8	276.1	317.1	315.3	274.5	(40.8)	-12.9%
<i>Ngành Ô tô</i>	569.0	891.3	1,051.7	1,265.0	1,334.9	1,607.2	272.3	20.4%
<i>Cơ - Điện - Lạnh</i>				6.3	21.9	11.5	(10.4)	-47.6%
Gia von	640.4	949.3	1,126.0	1,358.3	1,465.2	1,650.5	185.3	12.6%
<b>Lãi gộp</b>	<b>173.9</b>	<b>192.8</b>	<b>202.8</b>	<b>230.1</b>	<b>206.9</b>	<b>247.9</b>	<b>41.0</b>	<b>19.8%</b>
Chi phí bán hàng	67.6	69.6	77.8	101.8	129.8	130.6	0.9	0.7%
Chi phí quản lý	47.7	56.6	60.3	59.8	64.0	74.1	10.1	15.8%
<b>LN từ Hoạt động kinh doanh</b>	<b>58.6</b>	<b>66.6</b>	<b>64.7</b>	<b>68.6</b>	<b>13.1</b>	<b>43.1</b>	<b>30.0</b>	<b>228.6%</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	5.2	4.2	7.1	5.7	3.0	6.1	3.1	102.0%
Chi phí hoạt động tài chính	0.0	0.0	0.0	-	1.8	1.2	(0.6)	-31.0%
<b>LN từ Hoạt động tài chính</b>	<b>5.2</b>	<b>4.2</b>	<b>7.1</b>	<b>5.7</b>	<b>1.2</b>	<b>4.9</b>	<b>3.6</b>	<b>291.3%</b>
LN khác	5.4	6.4	6.8	6.9	22.1	8.0	(14.1)	-63.7%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>69.2</b>	<b>77.1</b>	<b>78.5</b>	<b>81.2</b>	<b>36.5</b>	<b>56.0</b>	<b>19.6</b>	<b>53.6%</b>
<i>Thiết bị VP</i>	64.7	62.6	58.8	57.4	32.2	24.7	(7.5)	-23.3%
<i>Ngành Ô tô</i>	4.5	14.5	19.7	25.7	5.8	33.4	27.6	471.6%
<i>Cơ - Điện - Lạnh</i>				(1.9)	(1.6)	(2.1)	(0.5)	31.5%
<b>Tổng Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>51.6</b>	<b>60.4</b>	<b>61.9</b>	<b>64.7</b>	<b>28.7</b>	<b>44.3</b>	<b>15.6</b>	<b>54.3%</b>
<i>Thiết bị VP</i>	49.2	48.2	45.2	45.8	25.6	19.8	(5.8)	-22.8%
<i>Ngành Ô tô</i>	2.4	12.2	16.7	20.9	4.7	26.6	21.9	469.3%
<i>Cơ - Điện - Lạnh</i>				(1.9)	(1.6)	(2.1)	(0.5)	31.5%
<b>Lợi nhuận sau thuế Cty mẹ</b>	<b>49.5</b>	<b>55.0</b>	<b>50.3</b>	<b>52.1</b>	<b>24.9</b>	<b>31.9</b>	<b>7.0</b>	<b>28.3%</b>

Năm 2018 hoạt động kinh doanh của Công ty không đạt được kế hoạch như dự kiến về các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận do HĐQT đã đề ra. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước các chỉ tiêu này cũng tăng trưởng cả về doanh thu là 13% và về lợi nhuận là 54% do ảnh hưởng của kinh tế vĩ mô về các chính sách thuế và điều kiện nhập khẩu xe ô tô, trong những tháng đầu tiên tình hình kinh doanh của công ty không được khả quan, tuy nhiên đó là điều mà Ban lãnh đạo Công ty đã dự tính trong kế hoạch kinh doanh, các ảnh hưởng đã được kiểm soát, tình hình kinh doanh đã đi đúng lộ trình trong những tháng cuối năm. Dự báo sẽ tiếp tục bùng nổ trong năm 2019. Ngoài ra, sản phẩm của thương hiệu ô tô cũng đa dạng hóa sản phẩm hơn trước đây, điều này dễ dàng cho khách hàng trong việc lựa chọn sản phẩm mà mình thích nhất phù hợp với khả năng tài chính.

## Doanh thu thuần hợp nhất



## Lợi nhuận sau thuế hợp nhất



Nhằm hướng đến giảm thiểu tối đa những tổn thất về hiệu quả hoạt động và tập trung phát triển bền vững, Ban Giám Đốc và toàn thể CB NV Công ty nỗ lực và quyết tâm triển khai thực hiện một số định hướng chiến lược được Hội đồng Quản trị giao ngay từ đầu năm và đã đạt được kết quả như mong muốn như trên. Điều này được thể hiện cụ thể sau:

- So với cùng kỳ năm 2017, Doanh thu thuần tăng 221 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 13,2%, về lợi nhuận sau thuế tăng 15.6 tỷ đồng với tỷ lệ là 54,3%.
- Cụ thể tổng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh ô tô tăng 272 tỷ đồng tương ứng tăng 20,4% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tổng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh Thiết bị văn phòng giảm 40,8 tỷ đồng với tỷ lệ 12,9% so với năm 2017.

Về ngành thiết bị văn phòng, trong năm 2018 tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong chính sách vĩ mô, chính sách hỗ trợ từ nhà cung cấp đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả của ngành trong năm vừa qua. Do đó, hiệu quả về lợi nhuận tiếp tục giảm so với các năm trước.

Ban điều hành cũng đã chủ động giám sát chặt chẽ trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của từng bộ phận để nâng cao hiệu quả tốt nhất trong hoạt động kinh doanh của mình, bằng cách: Cắt giảm các chi phí không hiệu quả, cắt giảm nhân sự trung gian và hạn chế các khoản mục quảng cáo chưa đem lại hiệu quả ngay, tăng cường kiểm tra giám sát và có biện pháp xử lý cụ thể nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

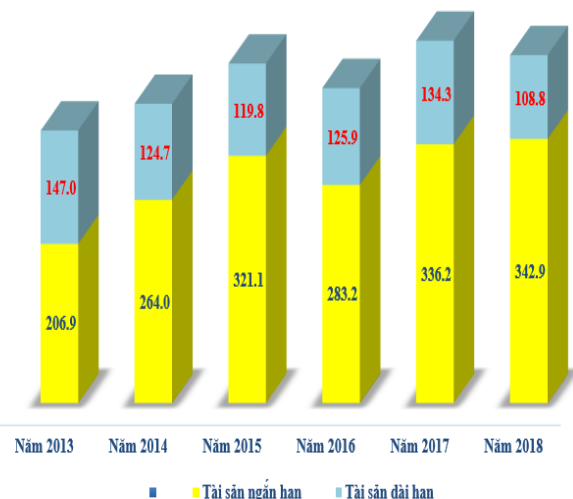
Tình hình kinh doanh của Công ty trong năm 2018 mặc dù không đạt các chỉ tiêu kế hoạch của HĐQT đề ra nhưng vẫn duy trì ổn định và tăng trưởng so với năm 2017. Đó cũng là sự nỗ lực của toàn thể Ban điều hành và các CBNV Công ty trong việc quản lý hoạt động kinh doanh trong thời kỳ kinh tế thị trường cạnh tranh như hiện nay.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH – FINANCIAL SITUATION

### Kết cấu tài sản - Assets

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	2018/2017	
							+/-	%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>354.0</b>	<b>388.7</b>	<b>440.9</b>	<b>409.1</b>	<b>470.5</b>	<b>451.7</b>	<b>(18.8)</b>	<b>-4.0%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>206.9</b>	<b>264.0</b>	<b>321.1</b>	<b>283.2</b>	<b>336.2</b>	<b>342.9</b>	<b>6.7</b>	<b>2%</b>
<i>Tiền và tương đương tiền</i>	<i>83.7</i>	<i>94.3</i>	<i>149.6</i>	<i>98.3</i>	<i>114.1</i>	<i>83.7</i>	<i>(30.4)</i>	<i>-27%</i>
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		<i>7.2</i>	<i>0.3</i>	<i>-</i>	<i>7.1</i>	<i>20.6</i>	<i>13.5</i>	<i>190%</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>51.9</i>	<i>62.9</i>	<i>56.6</i>	<i>74.9</i>	<i>70.5</i>	<i>105.2</i>	<i>34.7</i>	<i>49%</i>
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>67.8</i>	<i>97.7</i>	<i>111.5</i>	<i>106.4</i>	<i>138.3</i>	<i>130.9</i>	<i>(7.4)</i>	<i>-5%</i>
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>3.4</i>	<i>1.9</i>	<i>3.1</i>	<i>3.7</i>	<i>6.2</i>	<i>2.5</i>	<i>(3.7)</i>	<i>-60%</i>
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>147.0</b>	<b>124.7</b>	<b>119.8</b>	<b>125.9</b>	<b>134.3</b>	<b>108.8</b>	<b>(25.5)</b>	<b>-19%</b>
<i>Phải thu dài hạn</i>	<i>4.5</i>	<i>5.6</i>	<i>2.3</i>	<i>1.3</i>	<i>0.7</i>	<i>1.8</i>	<i>1.1</i>	<i>157%</i>
<i>Tài sản cố định</i>	<i>56.7</i>	<i>34.3</i>	<i>17.6</i>	<i>41.3</i>	<i>51.4</i>	<i>28.4</i>	<i>(23.0)</i>	<i>-45%</i>
<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>69.9</i>	<i>67.7</i>	<i>84.1</i>	<i>67.2</i>	<i>64.9</i>	<i>62.6</i>	<i>(2.3)</i>	<i>-4%</i>
<i>Đầu tư tài chính</i>	<i>8.1</i>	<i>8.1</i>	<i>8.1</i>	<i>8.1</i>	<i>8.1</i>	<i>4.5</i>	<i>(3.6)</i>	<i>-44%</i>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>7.8</i>	<i>9.0</i>	<i>7.7</i>	<i>8.1</i>	<i>9.2</i>	<i>11.5</i>	<i>2.3</i>	<i>25%</i>

Siêu Thanh luôn kiểm soát tốt tình hình tài sản và nguồn vốn, duy trì và tăng tỷ lệ Tài sản ngắn hạn luôn cao hơn Tài sản dài hạn, cụ thể trong năm 2018 Tài sản ngắn hạn chiếm 76%, Tài sản dài hạn chiếm 26%. Hệ số thanh toán ngắn hạn 2.95, hệ số thanh toán nhanh 1.82 đã thể hiện được năng lực tài chính mạnh mẽ của Công ty trong quá trình kinh doanh.



So với năm 2017, tổng tài sản giảm 4%, trong đó, Tài sản ngắn hạn tăng 2% và Tài sản dài hạn giảm 19%, cụ thể như sau:

- Hàng tồn kho giảm 7.4 tỷ tương đương giảm 5% làm tổng tài sản giảm 1.6% so với cùng kỳ.
- Tiền và tương đương tiền giảm 30.4 tỷ tương đương 27% làm tổng tài sản giảm 6.5%.
- Tài sản dài hạn giảm 25.5 tỷ tương đương giảm 19%, làm cho tổng tài sản giảm 5.4% so với cùng kỳ.



## Danh sách tài sản là Bất động sản đầu tư

STT	Tên tài sản	Diện tích	Địa chỉ	Giá trị sổ sách	Giá thẩm định
1	<b>Bất động sản cho thuê</b>				
	Đất	4.892,1	161F Dạ Nam và 299-307 Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	44.1	228.8
	Nhà	3.036,1		19.4	15.2
2	<b>Bất động sản cho thuê</b>				
	Đất	191.3	Số 200 Trần Hưng Đạo, Phường An Nghiệp, Thành phố Cần Thơ	1.1	6.7
	Nhà	494.59		2.4	1.5
3	<b>Bất động sản cho thuê</b>				
	Đất	134,4	Số 33 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	0.2	11.4
	Nhà	116,6		-	0.2

- **Ghi chú:** Giá thẩm định năm 2015

## Bất động sản đầu tư hiện đang được cho thuê

Đơn vị thuê	Giá thuê	Mục đích thuê
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	325.454.545 đồng/tháng	Kinh doanh Ô tô Thương hiệu Chevrolet
Công ty TNHH Nhà hàng Vọng Các	380.000.000 đồng/tháng	Mặt bằng kinh doanh
Bùi Hải Sơn	22.727.273 đồng/tháng	Mặt bằng kinh doanh
Hoàng Thị Ngọc Trâm	13.636.364 đồng/tháng	Mặt bằng kinh doanh

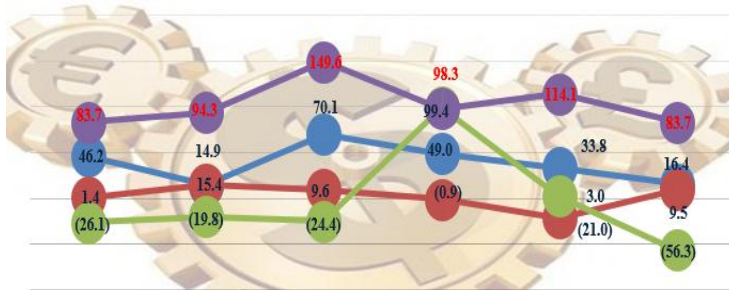
- **Ghi chú:** Giá cho thuê trên chưa bao gồm thuế GTGT 10%.

## Kết cấu nguồn vốn – Capital Structure

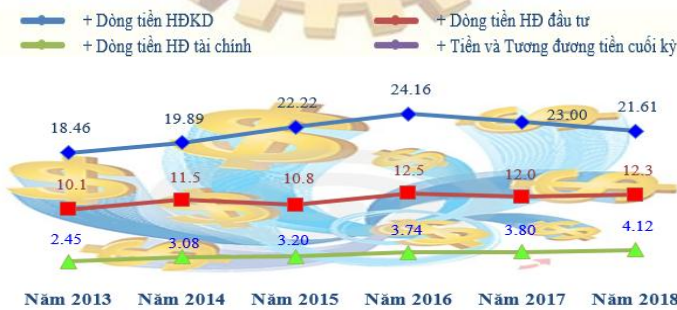


Vốn chủ sở hữu chiếm 74% trong tổng nguồn vốn kinh doanh, tỷ lệ này của năm 2017 là 72%; nợ phải trả chiếm 26%, tỷ lệ này của năm 2017 là 28%. Cơ cấu vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty là một tỷ lệ khá an toàn trong tình hình hoạt động kinh doanh.

## Dòng tiền các hoạt động



Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty luôn dương và cao, duy trì qua nhiều năm, cụ thể cuối năm 2018 là 16.4 tỷ đồng, tổng dòng tiền cuối kỳ 83.7 tỷ đồng. Điều này chứng tỏ sức khỏe tài chính của Công ty luôn ổn định và đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



## Hiệu quả hoạt động

Các chỉ số về hiệu quả hoạt động đều rất tốt và tăng dần và ổn định qua các năm, chứng tỏ hiệu quả quản lý hàng tồn kho, các khoản phải thu, quản lý tài sản của Công ty là rất tốt.

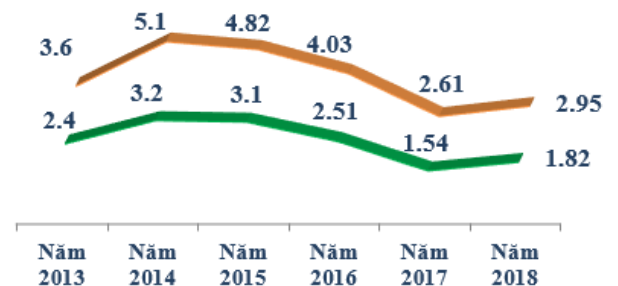


## Hiệu quả quản lý

Trải qua năm 2017 với nhiều biến động đã ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, năm 2018 đã từng bước ổn định và tăng trưởng, cụ thể ROE trong năm 2018 tăng mạnh so với 2017.

## Năng lực tài chính

Các hệ số về năng lực tài chính năm 2018 đã có sự tăng trưởng so với cùng kỳ 2017, cụ thể Hệ số thanh toán ngắn hạn là 2.95, hệ số thanh toán nhanh là 1.82 lần lượt tăng 13% và 19% so với cùng kỳ.



■ + Hệ số thanh toán nhanh      ■ + Hệ số thanh toán ngắn hạn

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ – IMPROVEMENTS IN ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICIES, MANAGEMENT

Việc tăng trưởng doanh thu, duy trì ổn định lợi nhuận và thu nhập của người lao động ngày càng tăng là mục tiêu chính của toàn hệ thống ST8. Năm 2018 đã không đạt được mong đợi về lợi nhuận, nhưng lại tăng trưởng hơn 50% về chỉ tiêu này so với cùng kỳ năm 2017 vì sự đột biến của thị trường ô tô và việc mua sắm tập trung của Nhà nước. HĐQT và Ban TGD luôn theo dõi sát hoạt động kinh doanh cũng như không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, phù hợp với từng thời kỳ phát triển của Công ty, thể hiện:

- *Đội ngũ nhân viên kinh doanh được liên tục tham dự các khóa đào tạo như: Kỹ năng bán hàng, tiêu chuẩn kỹ thuật sản phẩm, ...*
- *Hoạt động dịch vụ: luôn quan tâm chất lượng dịch vụ và hỗ trợ chăm sóc khách hàng, duy trì, hoàn thiện và nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng.*
- *Chuẩn hóa lại các quy trình hoạt động chính và các quy trình hỗ trợ để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng nội tại. Duy trì hiệu quả hệ thống quản trị chất lượng.*
- *Quản trị và kiểm soát hiệu quả các khoản chi phí, các khoản phải thu, phải trả tạo nên quản trị tốt dòng tiền trong hoạt động kinh doanh.*

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI – DEVELOPMENT PLANS IN THE FUTURE

Nền kinh tế Việt Nam hiện nay và trong tương lai cũng sẽ đón nhận nhiều tín hiệu tốt từ các cam kết hội nhập với sự nỗ lực và quyết tâm của Chính phủ trong cải cách môi trường kinh doanh, tạo động lực mới cho doanh nghiệp, phát triển kinh tế, sự cải thiện môi trường đầu tư; tăng áp dụng khoa học công nghệ mới theo mô hình hiện đại công nghệ 4.0 và tiếp tục tham gia hội nhập quốc tế sâu rộng, đầy đủ hơn thu hút nhiều hơn các dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Do vậy, để chuẩn bị cơ sở nền tảng cho sự hội nhập với xu hướng chung của khu vực và Thế giới, giữ vững vị thế tại Việt Nam, ST8 sẽ tiếp tục phát huy tối đa hiệu quả của mô hình Holdings, phát triển thương hiệu cốt lõi và mở rộng sang các thương hiệu mới với sự chuyên môn hóa cao để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và tăng trưởng ổn định trong tương lai.

- *Đối với Công ty CP Thiết Bị Văn Phòng Siêu Thanh: Tiếp tục phát triển các Chi nhánh tại các Tỉnh thành khác bằng các chính sách và chương trình đáp ứng nhu cầu chăm sóc và phục vụ các khách hàng rộng khắp trên toàn quốc mọi lúc mọi nơi.*
- *Đối với khối kinh doanh Ô tô: Tăng cường mở rộng đầu xe dịch vụ, nhà xưởng và năng lực dịch vụ, nâng cao chỉ số hài lòng khách hàng, nhằm tạo doanh thu và lợi nhuận ổn định.*
- *Đối với Công ty CP Nam Thanh Sài Gòn: Với phương châm phát triển “ Hướng đến giải pháp chất lượng toàn diện” cam kết mang lại những sản phẩm và dịch vụ hiệu quả, tiết kiệm nhất cho khách hàng, đồng thời phấn đấu trở thành một Công ty vững mạnh, có uy tín trên thị trường trong những năm tới.*

Bên cạnh đó, tập trung xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, với đội ngũ nhân viên trẻ, ưu tú, nhiệt tình để bồi dưỡng chuyên môn, phẩm chất đạo đức, gắn liền bồi dưỡng truyền thống và văn hóa Doanh nghiệp, đặt lợi ích chung lên hàng đầu. Đây là nhiệm vụ chủ yếu, thường xuyên và lâu dài cho sự phát triển bền vững của Công ty.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

### ASSESSMENTS OF THE BOD ON THE COMPANY'S OPERATION

#### Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

#### Assessments of the BOD on the Company's Operation

Kinh tế Việt Nam trong năm 2018 đã phục hồi và tăng trưởng vượt bậc, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao và nền tảng kinh tế vĩ mô dần được cải thiện sẽ là cơ sở để duy trì tốc độ tăng trưởng cho những năm kế tiếp. Bên cạnh diễn biến tích cực của các chỉ số kinh tế như bội chi ngân sách, nợ công, cán cân thương mại, tỷ lệ lạm phát... nền kinh tế phải có những cải thiện trong hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh.

Hội đồng quản trị ST8 cũng đã nỗ lực triển khai và thực hiện các Nghị Quyết của Đại Hội đồng cổ đông năm 2018 đã thông qua, xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo xu hướng ổn định trong tất cả các mặt của hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- *Ổn định và tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi.*
- *Theo dõi và giám sát các hoạt động của Ban Điều Hành một cách thiết thực, quyết định và xử lý theo đúng quyền hạn của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.*
- *Duy trì và phát triển hệ thống quản trị và công cụ kiểm soát rủi ro nhằm phát hiện các sai sót.*

Năm 2018 là năm hoạt động kinh doanh với chỉ tiêu doanh thu đạt được 98% và lợi nhuận đạt được 89% so với kế hoạch đã đề ra, nhưng so với cùng kỳ năm 2017 lại tăng trưởng rất khả quan là hơn 13% về doanh thu và 54% về lợi nhuận sau thuế, nguyên nhân chính là thị trường ô tô biến động mạnh trong năm 2018, bên cạnh đó việc mua sắm tập trung của Nhà nước cũng làm ảnh hưởng trong việc kinh doanh của ngành thiết bị văn phòng thể hiện qua các chỉ tiêu sau

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tăng/giảm so với cùng kỳ (%)	Thực hiện so với Kế hoạch (%)
1	Doanh thu thuần	1.672,1	1.930,0	1.893,1	13,2%	98,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	36,5	61,7	56,0	53,4%	90,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	28,7	50,0	44,3	54,2%	88,6%

## Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

### Assessments of the BOS on BOM's Performance

Chỉ tiêu kế hoạch HĐQT đã giao cho toàn hệ thống năm 2018, Ban điều hành đã không đạt được chỉ tiêu kế hoạch này, nhưng cả hai chỉ tiêu vẫn tăng trưởng tốt so với năm 2017 cả về mặt doanh thu lẫn lợi nhuận, điều này rất đáng trân trọng cho sự nỗ lực của Ban điều hành trong năm qua để mang lợi nhuận cho Công ty trong bối cảnh nền kinh tế bắt đầu phục hồi và còn ẩn chứa nhiều rủi ro như hiện nay. Kết quả đạt được của hôm nay là cả một sự quyết tâm cao độ, nỗ lực hết mình và sự nhạy bén trong kinh doanh, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành được thể hiện qua các điểm nổi bật sau:

- *Công tác quản lý ngày càng kỷ cương, kỷ luật và nề nếp hơn: HĐQT đã chú trọng hơn công tác kiểm soát, thành lập các đoàn kiểm tra để rà soát, đánh giá thực trạng của một số Công ty trong hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời các mặt còn tồn tại, yếu kém.*
- *Chất lượng các công tác: hạch toán kế toán, tuyển dụng đào tạo nhân sự được nâng cao; tài chính của hệ thống tương đối lành mạnh, chú trọng công tác quản lý công nợ, hạn chế xảy ra tình trạng nợ quá hạn.*
- *Tuân thủ tốt các quy định về công bố thông tin và quy định hiện hành đối với công tác về lĩnh vực kế toán thuế.*
- *Áp dụng tốt “Qui chế phối hợp chung, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của hệ thống các doanh nghiệp” nhằm tập trung và phát huy sức mạnh nội lực, tăng cường sự hợp tác, phối hợp và hỗ trợ giữa các Công ty trong hệ thống, đảm bảo sự xuyên suốt về định hướng phát triển.*

### Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nền kinh tế Việt Nam bước vào năm 2019 với khá nhiều tín hiệu lạc quan như kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng kinh tế phục hồi nhanh, chính sách của Nhà nước đã mở rộng tính hỗ trợ cạnh tranh. Theo dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng so với năm 2019, đặc biệt hơn khi Việt Nam đã ký kết hiệp định thương mại tự do CPTPP để trở thành một trong 11 thành viên đầu tiên đã mở ra nhiều triển vọng mới cho nền kinh tế. Những dấu hiệu trên là cơ hội để Chúng ta tiếp cận với các đối tác lớn, dự án lớn, làm tiền đề cho hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Tuy nhiên, ở một mặt nào đó, Việt Nam cũng sẽ chịu ảnh hưởng chung của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và sự bất ổn định của kinh tế thế giới trong năm 2019.

Trước tình hình nêu trên, để duy trì tính ổn định bền vững cho toàn hệ thống và phát triển mở rộng các lĩnh vực sản phẩm khác với hệ thống dịch vụ chất lượng cao từ các nguồn lực sẵn có. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Siêu thanh xây dựng kế hoạch năm 2019 với những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

STT	Chi tiêu	Kế hoạch 2019					Tăng trưởng so với thực hiện 2018				
		Toàn hệ thống	Thiết bị văn phòng	Honda	Chevrolet Sai Gon	Máy lạnh & Thang máy	Toàn hệ thống	Thiết bị văn phòng	Honda	Chevrolet Sai Gon	Máy lạnh & Thang máy
1	Doanh thu thuần	2,263.0	268.9	1,266.0	655.0	73.1	19.5%	-2.0%	6.7%	55.5%	537.0%
2	Lợi nhuận trước thuế	77.5	32.5	25.0	12.5	7.5	38.3%	37.1%	17.5%	2.9%	449.9%
3	Lợi nhuận sau thuế	62.0	26.0	20.0	10.0	6.0	40.0%	37.6%	17.5%	4.0%	379.9%

\* Theo dõi sát diễn biến tình hình, kịp thời cập nhật để có những định hướng, chính sách phù hợp phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, nội lực của mỗi đơn vị trong hệ thống nhằm thực hiện tốt mục tiêu phát triển.

\* Kiên trì thực hiện các mục tiêu theo định hướng của Hội đồng quản trị, tuy nhiên có xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể: tiếp tục ổn định hoạt động kinh doanh, đảm bảo mức cổ tức hợp lý, đảm bảo đời sống cho cán bộ CNV làm mục tiêu xuyên suốt.

\* Tăng cường giám sát, kiểm tra các Công ty con để phản ánh kịp thời hiệu quả hoạt động của các Công ty, xây dựng chế tài cần xử lý đối với các tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm các quy định, quy chế quản lý.

\* Đảm bảo tài chính lành mạnh của cả hệ thống, chi trả kịp thời các nghĩa vụ thuế, tiền lương, cổ tức, bảo hiểm, các khoản công nợ, quan hệ tín dụng tốt.

\* Tăng cường đánh giá chất lượng lao động trong toàn hệ thống; Kiên quyết định biên, giảm biên chế đối với những nhân lực không phù hợp để toàn hệ thống có được nguồn nhân lực có chất lượng ngày càng được cải thiện.

\* Tăng cường hiệu quả hoạt động của người đại diện phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết; và các mặt hoạt động của các đơn vị thành viên.

\* Các đơn vị trong toàn hệ thống chủ động xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, thực hiện tiết giảm chi phí quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh năm 2019.

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông “ĐHĐCĐ” là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ Công ty Cổ phần Siêu Thanh.

Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị “HĐQT” do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước ĐHĐCĐ trong việc quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT thực hiện quyền và nhiệm vụ theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Siêu Thanh.

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Siêu Thanh gồm những thành viên sau:

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu đang nắm giữ (CP)	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ	Ghi chú
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>12.614.601</b>	<b>126.146.010.000</b>	<b>49,04%</b>	
Yung Cam Meng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	6.113.770	61.137.700.000	23,77%	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
David Cam Hao Ong	Phó CT HĐQT kiêm Phó TGD khối TBVP	6.421.767	64.217.670.000	24,97%	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD tài chính	79.064	790.640.000	0,31%	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT	-	-	0,00%	Bổ nhiệm 12/04/2018

### Hoạt động của Hội đồng Quản trị - Activities of BOD members

Các cuộc họp của HĐQT đều có đầy đủ các thành viên tham dự được thể hiện qua các nghị quyết sau:

Stt No	Số Quyết định Decision No	Ngày Date	Nội dung Content
1	08/QĐ-HĐQT/ST8	08/02/2018	Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
2	22/QĐ-HĐQT/ST8	12/03/2018	Quyết định thanh lý nhượng bán Bất động sản
3	44/QĐ-HĐQT/ST8	03/05/2018	Quyết định giao dịch bán cổ phiếu Công ty CP Điện Cơ
4	46/QĐ-HĐQT/ST8	29/05/2018	Quyết định chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập
5	58/QĐ-HĐQT/ST8	06/09/2018	Quyết định thanh toán cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 15% trên vốn đầu tư chủ sở hữu năm 2018
6	65/QĐ-HĐQT/ST8	12/10/2018	Quyết định giao CT CP Ô Tô Cường Thanh hợp tác kinh doanh với CT TNHH SX và KD Vinfast

## BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Siêu Thanh. Ban kiểm soát hiện nay của Công ty có 03 người, thành viên BKS đều có chuyên môn về kế toán do ĐHĐCĐ bầu ra. Nhiệm kỳ của BKS cùng nhiệm kỳ của HĐQT. BKS bầu 1 người làm Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ Phần Siêu Thanh hiện nay bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng Ban kiểm soát		12 tháng 04 năm 2018
Cái Kim Thoa	Trưởng Ban kiểm soát	12 tháng 04 năm 2018	
Nguyễn Lê Quang	Thành viên BKS	12 tháng 04 năm 2018	
Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên BKS	12 tháng 04 năm 2018	

### Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tốt việc phối hợp giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như từng bước nâng cao, cải tiến phương pháp, nội dung làm việc nhằm hoàn thiện tốt hơn công tác kiểm soát. Cụ thể trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT cũng như tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty.
- Đồng ý với đề xuất của HĐQT về việc chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho toàn bộ hệ thống các công ty con và chi nhánh trong hệ thống.
- Xem xét các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá kịp thời tính chính xác và hợp lý của các số liệu tài chính.
- Giám sát, đánh giá thường xuyên hoạt động của Ban TGD và Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và các Nghị Quyết của Hội Đồng Quản Trị.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị Quyết, Quyết Định của Hội Đồng Quản Trị và Ban TGD theo đúng quy định của pháp luật và quy chế của công ty.
- Thực hiện các công tác khác theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát.





### **Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

- HĐQT đã báo cáo sửa đổi, bổ sung điều lệ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2018.
- Các Quyết định, Nghị Quyết của HĐQT đều được ban hành kịp thời bảo đảm việc thực hiện tốt công tác quản trị, đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hành của Ban TGD.
- Đã định hướng chỉ đạo kinh doanh theo đúng Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- HĐQT đã giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời Ban TGD trong điều hành hoạt động kinh doanh, giám sát việc thực thi Nghị Quyết Hội Đồng cổ đông đã được thông qua.

### **Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:**

Trong bối cảnh những thuận lợi và thách thức đang xen, song song được sự quan tâm chỉ đạo của Ban điều hành đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm đẩy mạnh năng suất và hiệu quả kinh doanh, phù hợp với sự biến động của thị trường.

### **Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018**

Căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, chúng tôi nhận thấy số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống trong năm 2018 mặc dù không đã được chỉ tiêu kế hoạch do HĐQT giao cả về doanh thu và lợi nhuận nhưng so với năm 2017 kinh doanh của hệ thống tăng trưởng như sau:

- *Doanh thu thuần của công ty đạt 1.893,1 tỷ đồng so với năm 2017 tăng trưởng 13,2 %.*
- *Lợi nhuận sau thuế đạt 44,3 tỷ đồng tăng 54,4% so với cùng kỳ năm 2017.*

## Kết quả kinh doanh 2018

DVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018				Chênh lệch thực hiện 2018/2017	
		Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch thực hiện/kế hoạch		Giá trị	Tỷ lệ (%)
				Giá trị	Tỷ lệ (%)		
Doanh thu thuần	1.672,1	1.930,0	1.893,1	(36,9)	-1,91%	221,0	13,2%
Giá vốn hàng bán	1.465,2		1.650,5			185,3	12,6%
Lãi gộp	206,9		247,9			41,0	19,8%
Doanh thu hoạt động tài chính	3,0		6,1			3,1	103,3%
Chi phí tài chính	1,8		1,2			(0,6)	
Chi phí bán hàng	129,8		130,6			0,8	0,6%
Chi phí quản lý	64,0		74,1			10,1	15,8%
Lợi nhuận trước thuế	36,5	61,7	56,0	(25,2)	40,84%	19,5	53,4%
Lợi nhuận sau thuế	28,7	50,0	44,3	(21,3)	42,60%	15,6	54,4%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/CP)	968,0		1.242,0			274,0	28,3%
Tỷ suất LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE)	8,47%		13,15%			13,15%	
Tỷ suất LNST trên tài sản (ROA)	6,53%		9,60%			9,60%	

## Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Tổng tài sản	470,5	451,7	(18,8)	-4%
Tài sản ngắn hạn	336,2	342,9	6,7	2%
Các khoản phải thu ngắn hạn	70,5	105,2	34,7	49%
Hàng tồn kho	138,3	130,9	(7,4)	-5%
Tài sản ngắn hạn khác	6,2	2,5	(3,7)	-60%
Tài sản dài hạn	134,3	108,8	25,5	-19%
Phải thu dài hạn	0,7	1,8	1,1	157%
Nợ phải trả	130,4	118,2	(12,2)	-9%
Nợ ngắn hạn	128,6	116,2	(12,4)	-10%
Nợ dài hạn	1,8	2	0,2	11%
Vốn chủ sở hữu	340,1	333,5	(6,6)	-2%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	50,7	50,7	-	0%

## Lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Dòng tiền HĐKD	33,8	16,4	(17,4)	-51%
Dòng tiền HĐ đầu tư	(21)	9,5	30,5	-145%
Dòng tiền HĐ tài chính	3	(56,3)	(59,3)	-1977%
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	114,1	83,7	(30,4)	27%

- Tài sản dài hạn giảm mạnh 25,5 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn tăng 6,7 tỷ đồng dẫn đến tổng tài sản của Công ty giảm 18,8 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm -4%. Nợ phải trả giảm 12,2 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 9%, trong đó phần lớn là do khoản nợ ngắn hạn giảm với mức tỷ lệ 10%.
- Tiền và tương đương tiền giảm 30,4 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 27%.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 34,7 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 49%.
- Hàng tồn kho giảm 7,4 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 5%.
- Tài sản ngắn hạn khác giảm 3,7 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 60%.
- Các khoản phải thu dài hạn tăng 1,1 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 157%.

Đây là biểu hiện tích cực về chuyển biến tài sản lưu động trong kỳ góp phần hạn chế những ứ đọng vốn, tiết kiệm vốn để phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh

### **Đánh giá và kiến nghị**

- Các chế độ và quyền lợi cho người lao động của Công ty được thực hiện đúng luật lao động, việc chi trả lương hàng tháng chi trả đúng hạn.
- Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo đầy đủ theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty kịp thời đưa ra các chính sách đảm bảo tính cạnh tranh.

Với những kết quả đã đạt được trong năm 2018. Ban Kiểm Soát có các kiến nghị sau với HĐQT và Ban TGD:

- Các Công ty tiếp tục hợp tác chặt chẽ, phát huy kinh nghiệm cũng như thế mạnh đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống Siêu Thanh không ngừng vững mạnh và phát triển.
- Hoàn thiện quy chế quản trị và tổ chức thực thi nghiêm túc đảm bảo đạt hiệu quả cao.
- Duy trì sự ổn định và gia tăng các nhóm ngành kinh doanh hiện có, có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng triển khai các lĩnh vực mới.
- HĐQT tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực, quản trị nhân sự, quản trị rủi ro, tuân thủ quy định pháp luật.

BKS tin tưởng tinh thần đoàn kết, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể Công ty sẽ giúp cho Công ty phát triển vững mạnh và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao giữ vững sự an tâm, tin tưởng của các cổ đông.

## Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019

Căn cứ vào tình hình hoạt động của BKS năm 2018 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019, BKS đề ra kế hoạch hoạt động năm 2019 như sau:

- Kiểm tra giám sát quy trình kiểm soát nội bộ, tham gia đóng góp ý kiến, tư vấn cho HĐQT, BGD điều hành hoàn thiện, sửa đổi bổ sung kịp thời phù hợp hoạt động của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ Công ty, pháp luật nhà nước. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc; các Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2019.
- Tiếp tục duy trì tốt các hoạt động kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		-	-	<b>796.948.000</b>	<b>796.948.000</b>	
1	YUNG CAM MENG	Chủ tịch HĐQT			216.000.000	216.000.000	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
2	ONG DAVID CAM HAO	P.Chủ tịch HĐQT			180.000.000	180.000.000	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
3	LÊ VĂN HÀ	Thành viên HĐQT			44.474.000	44.474.000	Hết nhiệm kỳ 12/04/2018
4	NGUYỄN HỮU NAM	Thành viên HĐQT			44.474.000	44.474.000	Hết nhiệm kỳ 12/04/2018
5	ĐINH THỊ HỒNG VÂN	Thành viên HĐQT			156.000.000	156.000.000	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
6	VÕ VĂN CHÍNH	Thành viên HĐQT			44.474.000	44.474.000	Hết nhiệm kỳ 12/04/2018
7	PHẠM THỊ THU THÙY	Thành viên HĐQT			111.526.000	111.526.000	Bổ nhiệm 12/04/2018
<b>II</b>	<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		<b>1.212.000.000</b>	<b>303.000.000</b>	-	<b>1.515.000.000</b>	
1	YUNG CAM MENG	Tổng Giám Đốc	456.000.000	114.000.000		570.000.000	
2	DAVID CAM HAO ONG	P.Tổng giám đốc	396.000.000	99.000.000		495.000.000	
3	ĐINH THỊ HỒNG VÂN	P.Tổng giám đốc	360.000.000	90.000.000		450.000.000	
<b>III</b>	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>		-	-	-	-	
1	ĐINH THỊ HỒNG VÂN						
<b>IV</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		-	-	<b>133.737.000</b>	<b>334.687.000</b>	
1	PHẠM THỊ THANH HƯỜNG	Trưởng BKS			20.526.000	20.526.000	Hết nhiệm kỳ 12/04/2018
2	CÁI KIM THOA	Trưởng BKS	200.950.000		61.737.000	262.687.000	Tái bổ nhiệm 12/04/2018
3	NGUYỄN LÊ QUANG	Thành viên BKS			25.737.000	25.737.000	Bổ nhiệm 12/04/2018
4	NGUYỄN HỒ THANH HUY	Thành viên BKS			25.737.000	25.737.000	Bổ nhiệm 12/04/2018
	<b>CỘNG</b>		<b>1.412.950.000</b>	<b>303.000.000</b>	<b>930.685.000</b>	<b>2.646.635.000</b>	

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ - TRANSACTIONS OF INTERNAL SHAREHOLDERS

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Yung Cam Meng	CT. HĐQT/ TGD	6.113.770	23,77	6.113.770	23,77	
2	David Cam Hao Ong	PCT. HĐQT/ P. TGD	6.421.767	24,97	6.421.767	24,97	
3	Phạm Thị Mai Duyên	Vợ Yung Cam Meng - CT. HĐQT	5.342.186	20,77	7.980.591	31,03	Mua: 2.638.405 cổ phiếu
4	Đinh Thị Hồng Vân	TV. HĐQT/ Phó TGD	79.064	0,31	79.064	0,31	
5	Cái Kim Thoa	Trưởng BKS	15	0	15	0,00	
6	Ngô Quang Thành	Chồng Cái Kim Thoa Trưởng BKS	12.106	0,05	6	0,00	Bán: 12.100 cổ phiếu

## Giao dịch các bên liên quan – Transactions with Related Parties

### Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

#### Giao dịch các bên liên quan

##### Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

##### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	Công ty con
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	Công ty con
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	Công ty con
Công ty cổ phần Nam Thanh Sài Gòn	Công ty con

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cổ tức	12.67	23.76
		Cho vay	46.00	15.20
		Cho thuê văn phòng	0.11	0.46
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.90
<hr/>				
Ô tô Kim Thanh	Công ty con	Cho vay	-	35.70
		Cổ tức	8.57	4.28
<hr/>				
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho vay	5.00	48.50
		Cho thuê văn phòng	3.91	3.91
		Cổ tức	5.42	-
<hr/>				
Nam Thanh Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	-	-



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN

# **Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018





# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 22

130  
C  
C  
SI  
IN

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bảo trì thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, quản lý các khoản đầu tư vào công ty con và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên	
Bà Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Văn Hà	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Nam	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Võ Văn Chính	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cái Kim Thoa	Trưởng ban	bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban	miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2018

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

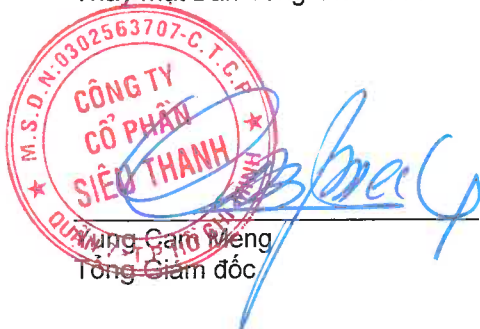
### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

  
Dương Cẩm Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61194318/20266458

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty là công ty mẹ của các công ty con ("Nhóm Công ty") và Công ty đang trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Thanh Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1

Trần Thanh Thúy  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3076-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>87.699.664.013</b>	<b>72.729.276.426</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>50.319.105.563</b>	<b>52.176.695.994</b>
111	1. Tiền		433.174.033	702.190.182
112	2. Các khoản tương đương tiền		49.885.931.530	51.474.505.812
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>20.493.664.376</b>	<b>5.203.531.683</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.493.664.376	5.203.531.683
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>16.679.233.704</b>	<b>15.116.501.493</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng		201.750.000	121.000.000
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	5.000.000.000	4.000.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.477.483.704	10.995.501.493
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>207.660.370</b>	<b>232.547.256</b>
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	207.660.370	232.547.256
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200.964.398.426</b>	<b>221.637.638.502</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>664.158.672</b>	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	664.158.672	-
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>8</b>	<b>62.607.279.750</b>	<b>79.277.559.684</b>
231	1. Nguyên giá		82.532.849.111	98.106.027.611
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(19.925.569.361)	(18.828.467.927)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>137.692.960.004</b>	<b>142.360.078.818</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		137.312.000.000	137.312.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.500.000.000	8.080.800.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.119.039.996)	(3.032.721.182)
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>288.664.062.439</b>	<b>294.366.914.928</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.756.275.173</b>	<b>6.218.629.578</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.672.504.173</b>	<b>5.134.858.578</b>
313	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	366.283.205	303.499.802
314	2. Phải trả người lao động		326.597.688	209.970.000
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn		15.000.000	20.000.000
318	4. Doanh thu chưa thực hiện	11	1.140.000.000	723.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	160.230.557	213.996.053
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.083.771.000</b>	<b>1.083.771.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	12	1.083.771.000	1.083.771.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>281.907.787.266</b>	<b>288.148.285.350</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13.1</b>	<b>281.907.787.266</b>	<b>288.148.285.350</b>
411	1. Vốn cổ phần		257.209.020.000	257.209.020.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		257.209.020.000	257.209.020.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.698.767.266	30.939.265.350
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	535.116.497
421b	- Lợi nhuận thuần trong năm		24.698.767.266	30.404.148.853
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>288.664.062.439</b>	<b>294.366.914.928</b>



Vũ Thùy Minh Yên  
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 3 năm 2019

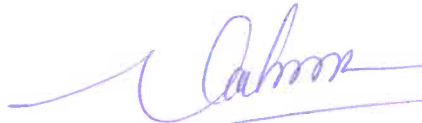
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.1	8.782.227.275	9.905.450.178
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14.1	-	185.010.545
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.1	8.782.227.275	9.720.439.633
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	15	2.311.866.928	4.306.890.677
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.470.360.347	5.413.548.956
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	32.224.027.919	31.164.617.349
22	7. Chi phí tài chính	16	1.093.086.460	1.531.837.914
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	4.038.925.666	4.051.569.199
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.562.376.140	30.994.759.192
31	10. Thu nhập khác		187.041.539	55.000.000
40	11. Lợi nhuận khác		187.041.539	55.000.000
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.749.417.679	31.049.759.192
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	1.408.562.763	645.610.339
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		32.340.854.916	30.404.148.853



Vũ Thùy Minh Yên  
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>33.749.417.679</b>	<b>31.049.759.192</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao bất động sản đầu tư	8	2.311.866.928	2.404.297.548
03	Dự phòng		1.086.318.814	1.531.837.914
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.402.315.066)	(31.150.968.634)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>4.745.288.355</b>	<b>3.834.926.020</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(35.688.691)	499.146.324
11	Giảm (tăng) các khoản phải trả		485.791.400	(174.575.071)
12	Giảm chi phí trả trước		-	76.673.500
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(1.359.363.343)	(305.251.650)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>3.836.027.721</b>	<b>3.930.919.123</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	Tiền thu do thanh lý bất động sản đầu tư		14.545.454.545	-
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(33.930.559.804)	(5.203.531.683)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		17.640.427.111	3.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.504.860.000	-
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức		30.124.898.221	21.148.115.008
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>32.885.080.073</b>	<b>18.944.583.325</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả	13.2	(38.578.698.225)	(20.773.247.900)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(38.578.698.225)</b>	<b>(20.773.247.900)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(1.857.590.431)</b>	<b>2.102.254.548</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>52.176.695.994</b>	<b>50.074.441.446</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>50.319.105.563</b>	<b>52.176.695.994</b>

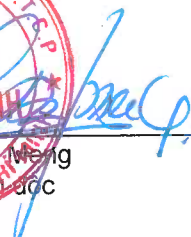
  
Vũ Thủy Minh Yến

Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng



  
Yung Cam Vương  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bảo trì thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, quản lý các khoản đầu tư vào công ty con và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 7 (31 tháng 12 năm 2017: 5).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

**3.3 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.5 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.7 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.9 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

56  
 JNC  
 CỘ P  
 7-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	171.215	24.585
Tiền gửi ngân hàng	433.002.818	702.165.597
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>49.885.931.530</u>	<u>51.474.505.812</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>50.319.105.563</u></b>	<b><u>52.176.695.994</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 5,3% đến 5,5%/ năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất từ 6,3% đến 7,8%/ năm.

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (*)	<u>5.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

(\*) Đây là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh vay tín chấp, đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2019 với lãi suất 6%/ năm. (Thuyết minh số 20)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.477.483.704</b>	<b>10.995.501.493</b>
Cổ tức phải thu (Thuyết minh số 20)	10.807.360.000	9.920.000.000
Ký quỹ, ký cược	8.070.000	692.403.095
Phải thu khác	662.053.704	383.098.398
<b>Dài hạn</b>	<b>664.158.672</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược	<u>664.158.672</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.141.642.376</u></b>	<b><u>10.995.501.493</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa Quyền sử dụng đất		VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	35.354.686.751	62.751.340.860	98.106.027.611
Thanh lý, nhượng bán	<u>(3.572.838.500)</u>	<u>(12.000.340.000)</u>	<u>(15.573.178.500)</u>
Số cuối năm	<u>31.781.848.251</u>	<u>50.751.000.860</u>	<u>82.532.849.111</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.461.421.000	-	1.461.421.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(12.377.051.927)	(6.451.416.000)	(18.828.467.927)
Hao mòn trong năm	(1.236.630.928)	(1.075.236.000)	(2.311.866.928)
Thanh lý, nhượng bán	<u>1.214.765.494</u>	<u>-</u>	<u>1.214.765.494</u>
Số cuối năm	<u>(12.398.917.361)</u>	<u>(7.526.652.000)</u>	<u>(19.925.569.361)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>22.977.634.824</u>	<u>56.299.924.860</u>	<u>79.277.559.684</u>
Số cuối năm	<u>19.382.930.890</u>	<u>43.224.348.860</u>	<u>62.607.279.750</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 14.1.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Đầu tư vào các công ty con (i)		137.312.000.000		137.312.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.500.000.000		8.080.800.000
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Điện Cơ	-	-	258.900	3.580.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.119.039.996)		(3.032.721.182)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>137.692.960.004</b>		<b>142.360.078.818</b>

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư VND	% sở hữu và tỉ lệ lợi ích	Vốn đầu tư VND	% sở hữu và tỉ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh	79.200.000.000	90,00	79.200.000.000	90,00
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	28.520.000.000	55,06	28.520.000.000	55,06
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	22.592.000.000	58,23	22.592.000.000	58,23
Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn	7.000.000.000	70,00	7.000.000.000	70,00
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.312.000.000</b>		<b>137.312.000.000</b>	

Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh (“TBVP Siêu Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in.

Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh (“Ô tô Kim Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh (“Ô tô Cường Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0305273107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Cường Thanh là đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn (“Nam Thanh Sài Gòn”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313525196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 11 năm 2015, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Nam Thanh Sài Gòn là kinh doanh và lắp đặt máy điều hòa không khí, các sản phẩm điện lạnh, thang máy và máy phát điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

				VND
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	233.886.438	1.408.562.763	(1.359.363.343)	283.085.858
Thuế giá trị gia tăng	69.613.364	2.677.393.769	(2.663.809.786)	83.197.347
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>303.499.802</b>	<b>4.085.956.532</b>	<b>(4.023.173.129)</b>	<b>366.283.205</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	232.547.256	(2.294.333.589)	2.269.446.703	207.660.370

**11. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Khoản này thể hiện doanh thu cho thuê nhà đã nhận trả trước 6 tháng từ khách hàng.

**12. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>160.230.557</b>	<b>213.996.053</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	105.000.000	134.040.000
Thu hộ	33.151.057	60.531.328
Cổ tức phải trả	22.079.500	19.424.725
<b>Dài hạn</b>	<b>1.083.771.000</b>	<b>1.083.771.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.083.771.000	1.083.771.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.244.001.557</b>	<b>1.297.767.053</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	197.855.490.000	79.674.195.497	277.529.685.497
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	59.353.530.000	(59.353.530.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	30.404.148.853	30.404.148.853
Cổ tức đã công bố	-	(19.785.549.000)	(19.785.549.000)
Số cuối năm	<u>257.209.020.000</u>	<u>30.939.265.350</u>	<u>288.148.285.350</u>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	257.209.020.000	30.939.265.350	288.148.285.350
Lợi nhuận thuần trong năm	-	32.340.854.916	32.340.854.916
Cổ tức đã công bố (*)	-	(38.581.353.000)	(38.581.353.000)
Số cuối năm	<u>257.209.020.000</u>	<u>24.698.767.266</u>	<u>281.907.787.266</u>

(\*) Trong năm, Công ty đã công bố trả cổ tức với giá trị là 38.581.353.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 34/NQ-DHDCD/ST8 ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 58/QĐ-HDQT/ST8 ngày 6 tháng 9 năm 2018.

**13.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vốn đầu năm	257.209.020.000	197.855.490.000
Tăng trong năm	-	59.353.530.000
Vốn cuối năm	<u>257.209.020.000</u>	<u>257.209.020.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	38.581.353.000	79.139.079.000
Cổ tức đã trả	38.578.698.225	20.773.247.900
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	59.353.530.000

**13.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.720.902	25.720.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. DOANH THU**

**14.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>8.782.227.275</b>	<b>9.905.450.178</b>
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động cho thuê	8.598.818.184	7.589.818.182
Doanh thu bán hàng hóa	-	2.095.631.996
Doanh thu cung cấp dịch vụ	183.409.091	220.000.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>(185.010.545)</b>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>8.782.227.275</b>	<b>9.720.439.633</b>
Trong đó:		
Các bên liên quan	4.019.454.540	4.361.454.540
Các bên khác	4.762.772.735	5.358.985.093

**14.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	27.032.580.000	28.416.000.000
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	4.258.633.527	2.734.968.634
Lãi bán các khoản đầu tư	924.060.000	-
Khác	8.754.392	13.648.715
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.224.027.919</b>	<b>31.164.617.349</b>

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cho thuê	2.311.866.928	2.404.297.548
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.902.593.129
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.311.866.928</b>	<b>4.306.890.677</b>

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư công ty con	1.086.318.814	1.531.837.914
Khác	6.767.646	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.093.086.460</b>	<b>1.531.837.914</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.870.986.588	2.364.988.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	513.407.329	420.378.014
Khác	654.531.749	1.266.202.490
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.038.925.666</u></b>	<b><u>4.051.569.199</u></b>

**18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 8</i> )	2.311.866.928	2.404.297.548
Chi phí nhân viên	2.870.986.588	2.364.988.695
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	-	1.902.593.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	513.407.329	420.378.014
Khác	654.531.749	1.266.202.490
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.350.792.594</u></b>	<b><u>8.358.459.876</u></b>

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**19.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>33.749.417.679</u></b>	<b><u>31.049.759.192</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	6.749.883.536	6.209.951.838
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Cổ tức	(5.406.516.000)	(5.683.200.000)
Chi phí không được trừ	65.195.227	118.858.501
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>1.408.562.763</u></b>	<b><u>645.610.339</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**19.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ cho vay, cho thuê và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cổ tức	12.672.000.000	23.760.000.000
		Cho vay	46.000.000.000	15.200.000.000
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.902.593.129
		Cho thuê văn phòng	114.000.000	456.000.000
Ô tô Kim Thanh	Công ty con	Cho vay	-	35.700.000.000
		Cổ tức	8.556.000.000	4.278.000.000
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho vay	5.000.000.000	48.500.000.000
		Cho thuê văn phòng	3.905.454.540	3.905.454.540
		Cổ tức	5.422.080.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và các lợi ích khác	<u>1.536.685.000</u>	<u>2.530.500.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>				
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho vay (*)	<u>5.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cổ tức phải thu	9.000.000.000	9.920.000.000
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cổ tức phải thu	<u>1.807.360.000</u>	<u>-</u>
			<b><u>10.807.360.000</u></b>	<b><u>9.920.000.000</u></b>

**21. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.094.100.000	1.100.000.000
Từ 2 đến 5 năm	13.988.175.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.082.275.000</u></b>	<b><u>1.100.000.000</u></b>

**22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
\_\_\_\_\_

Vũ Thùy Minh Yến  
Người lập

  
\_\_\_\_\_

Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_

Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

# **Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018





# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 30

56  
CÔNG  
CỔ  
PHẦN  
SIÊU  
THANH

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bảo trì thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, quản lý các khoản đầu tư vào công ty con và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên	
Bà Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Văn Hà	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Nam	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Võ Văn Chính	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cái Kim Thoa	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



  
Trương Văn Mạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61194318/20266458-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

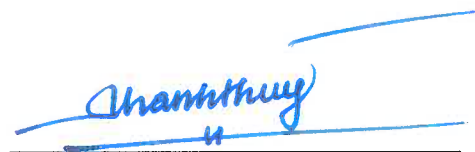
### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1



Trần Thanh Thúy  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3076-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>342.907.201.203</b>	<b>336.161.793.453</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>83.740.004.120</b>	<b>114.095.756.941</b>
111	1. Tiền		25.854.072.590	31.509.372.134
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.885.931.530	82.586.384.807
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>20.593.664.376</b>	<b>7.103.531.683</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.593.664.376	7.103.531.683
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>105.220.005.680</b>	<b>70.499.012.476</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	6	91.797.119.321	61.486.194.623
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.701.463.840	2.242.720.221
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		640.432.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.228.631.672	6.770.097.632
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(147.641.153)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>130.869.345.104</b>	<b>138.272.032.436</b>
141	1. Hàng tồn kho		131.721.684.776	139.142.939.795
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(852.339.672)	(870.907.359)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.484.181.923</b>	<b>6.191.459.917</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.372.692.502	960.977.968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		120.920.740	3.214.992.936
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		990.568.681	2.015.489.013
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>108.781.271.467</b>	<b>134.325.543.091</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.782.268.651</b>	<b>684.201.615</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		400.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.382.268.651	684.201.615
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>28.396.924.422</b>	<b>51.428.979.278</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	28.276.501.815	39.428.639.278
222	Nguyên giá		70.217.415.678	79.744.915.992
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.940.913.863)	(40.316.276.714)
227	2. Tài sản vô hình	11	120.422.607	12.000.340.000
228	Nguyên giá		522.632.487	12.392.472.487
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(402.209.880)	(392.132.487)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>62.607.279.750</b>	<b>64.895.327.754</b>
231	1. Nguyên giá		82.532.849.111	82.532.849.111
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(19.925.569.361)	(17.637.521.357)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.500.000.000</b>	<b>8.080.800.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13	4.500.000.000	8.080.800.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>11.494.798.644</b>	<b>9.236.234.444</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	11.494.798.644	9.236.234.444
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>451.688.472.670</b>	<b>470.487.336.544</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>118.166.572.184</b>	<b>130.389.449.002</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>116.205.992.580</b>	<b>128.642.668.031</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	31.611.253.933	59.423.356.739
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	16.629.995.824	10.730.524.470
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.000.857.572	3.080.522.756
314	4. Phải trả người lao động		25.734.082.135	15.116.963.797
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.343.070.442	976.989.405
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.375.925.067	723.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	7.647.819.884	5.035.848.141
320	8. Vay ngắn hạn	19	24.198.595.000	29.891.070.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.960.579.604</b>	<b>1.746.780.971</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		53.000.605	56.465.734
337	2. Phải trả dài hạn khác		1.083.771.000	1.083.771.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	823.807.999	606.544.237
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>333.521.900.486</b>	<b>340.097.887.542</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>333.521.900.486</b>	<b>340.097.887.542</b>
411	1. Vốn cổ phần	20.1	257.209.020.000	257.209.020.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		257.209.020.000	257.209.020.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	25.591.261.473	32.232.852.340
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	7.342.818.609
421b	- Lợi nhuận thuần trong năm		25.591.261.473	24.890.033.731
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20.5	50.721.619.013	50.656.015.202
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>451.688.472.670</b>	<b>470.487.336.544</b>



Vũ Thùy Minh Yên  
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng





Ngày 28 tháng 3 năm 2019


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.896.414.881.330	1.680.440.750.982
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	3.301.219.056	8.369.894.955
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.893.113.662.274	1.672.070.856.027
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	1.650.458.643.961	1.465.175.255.143
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		242.655.018.313	206.895.600.884
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	6.113.886.276	3.026.390.234
22	7. Chi phí tài chính		1.227.214.505	1.777.595.720
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.220.146.859	1.777.595.720
25	8. Chi phí bán hàng	23	127.034.731.563	129.777.118.507
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	72.507.472.942	63.998.675.253
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.999.485.579	14.368.601.638
31	11. Thu nhập khác	25	8.101.007.060	22.202.624.730
32	12. Chi phí khác	25	65.232.687	86.539.543
40	13. Lợi nhuận khác	25	8.035.774.373	22.116.085.187
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.035.259.952	36.484.686.825
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	11.530.710.246	7.473.765.200
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.1	217.263.762	306.367.583
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		44.287.285.944	28.704.554.042
61	18. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		31.939.762.133	24.890.033.731
62	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20.5	12.347.523.811	3.814.520.311
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	1.242	968
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	1.242	968

  
Vũ Thùy Minh Yến  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SIÊU THANH  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại - Thuyết minh số 31)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>56.035.259.952</b>	<b>36.484.686.825</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	15.723.796.559	14.624.108.992
03	Dự phòng		129.073.466	124.051.346
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.175.521.403)	(3.161.039.493)
06	Chi phí lãi vay		1.220.146.859	1.777.595.720
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>62.932.755.433</b>	<b>49.849.403.390</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(30.937.522.139)	2.644.348.906
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		6.835.088.981	(32.460.142.978)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(8.981.900.197)	34.006.359.446
12	Tăng chi phí trả trước		(2.670.278.734)	(1.023.708.864)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.219.581.486)	(1.768.614.416)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(9.514.865.277)	(12.293.915.885)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>16.443.696.581</b>	<b>38.953.729.599</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(19.089.905.533)	(27.784.093.843)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		33.562.154.524	6.027.824.547
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(29.930.559.804)	(7.103.531.683)
24	Tiền thu hồi khoản gửi ngân hàng có kỳ hạn		15.799.995.111	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.504.860.000	-
27	Cổ tức và lãi tiền gửi được nhận		4.691.930.025	2.752.476.191
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>9.538.474.323</b>	<b>(26.107.324.788)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		5.000.000.000	29.891.070.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(10.692.475.000)	-
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	20.2	(38.363.528.725)	(20.772.663.650)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	20.2	(12.281.920.000)	(6.132.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(56.337.923.725)</b>	<b>2.986.406.350</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(30.355.752.821)	15.832.811.161
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		114.095.756.941	98.262.945.780
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	83.740.004.120	114.095.756.941

Vũ Thùy Minh Yên  
Người lập

Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0302563707-CT-CP  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SIÊU THANH  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Siêu Thanh và các công ty con như sau:

**Công ty**

Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bảo trì thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, quản lý các khoản đầu tư vào công ty con và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 790 (31 tháng 12 năm 2017: 762).

**Các công ty con**

**Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm giữ 90,00% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Thiết bị văn phòng Siêu Thanh, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in.

**Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm giữ 55,06% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

**Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm giữ 58,23% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0305273107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Cường Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

**Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm giữ 70,00% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313525196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 11 năm 2015, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Nam Thanh Sài Gòn là kinh doanh và lắp đặt máy điều hòa không khí, các sản phẩm điện lạnh, thang máy và máy phát điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng hóa – Ô tô nguyên chiếc - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng hóa – Thiết bị văn phòng - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản vô hình**

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Các quyền sử dụng đất*

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Các tài sản khác	3 - 6 năm

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ), được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	448.884.981	878.547.688
Tiền gửi ngân hàng	25.405.187.609	30.630.824.446
Các khoản tương đương tiền (*)	57.885.931.530	82.586.384.807
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>83.740.004.120</u></b>	<b><u>114.095.756.941</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 5,3% đến 5,5%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất từ 6,3% đến 7,8%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần		
Hàng hải Việt Nam	15.758.380.000	-
Công ty TNHH MTV Thế Giới Công Nghệ	1.118.019.288	9.545.200.000
Khác	74.920.720.033	51.940.994.623
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>91.797.119.321</u></b>	<b><u>61.486.194.623</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(147.641.153)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>91.649.478.168</u></b>	<b><u>61.486.194.623</u></b>

*Tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	(147.641.153)	-
Số cuối năm	<u>(147.641.153)</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.228.631.672</b>	<b>6.770.097.632</b>
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	3.134.199.850	3.144.762.458
Tạm ứng cho nhân viên	1.380.254.798	1.563.756.946
Ký quỹ, ký cược	896.587.957	1.487.664.165
Khác	817.589.067	573.914.063
<b>Dài hạn</b>	<b>1.382.268.651</b>	<b>684.201.615</b>
Ký quỹ, ký cược	1.382.268.651	662.182.599
Khác	-	22.019.016
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.610.900.323</u></b>	<b><u>7.454.299.247</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	131.647.148.393	139.036.784.062
Công cụ và dụng cụ	74.536.383	106.155.733
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>131.721.684.776</u></b>	<b><u>139.142.939.795</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(852.339.672)	(870.907.359)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>130.869.345.104</u></b>	<b><u>138.272.032.436</u></b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	870.907.359	746.856.013
Trích lập dự phòng trong năm	-	124.051.346
Số hoàn nhập trong năm	(18.567.687)	-
Số cuối năm	<u>852.339.672</u>	<u>870.907.359</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.372.692.502</b>	<b>960.977.968</b>
Công cụ, dụng cụ	994.001.746	597.287.876
Thuê văn phòng	378.690.756	363.690.092
<b>Dài hạn</b>	<b>11.494.798.644</b>	<b>9.236.234.444</b>
Công cụ, dụng cụ	6.067.912.133	5.867.780.769
Tiền thuê đất	1.590.797.091	1.988.489.091
Khác	3.836.089.420	1.379.964.584
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.867.491.146</u></b>	<b><u>10.197.212.412</u></b>

## Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	VND
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	3.899.969.220	37.203.211.115	30.525.028.044	3.884.100.927	4.232.606.686	79.744.915.992
Tăng trong năm	-	930.445.000	7.105.587.938	79.441.818	-	8.115.474.756
Chuyển từ hàng tồn kho	-	12.239.305.664	-	-	-	12.239.305.664
Thanh lý	(3.572.838.500)	-	(22.445.999.830)	(57.415.445)	-	(26.076.253.775)
Chuyển qua hàng tồn kho	-	(3.806.026.959)	-	-	-	(3.806.026.959)
Số cuối năm	327.130.720	46.566.934.820	15.184.616.152	3.906.127.300	4.232.606.686	70.217.415.678
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	231.137.720	10.711.276.897	15.424.676.861	4.386.321.025	3.932.633.329	34.686.045.832
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	(1.482.126.272)	(24.712.929.089)	(6.399.524.053)	(3.866.309.267)	(3.855.388.033)	(40.316.276.714)
Khấu hao trong năm	(39.817.756)	(7.864.979.091)	(5.345.440.951)	(15.569.184)	(159.864.180)	(13.425.671.162)
Thanh lý	1.214.765.494	-	7.462.053.145	57.415.445	-	8.734.234.084
Chuyển qua hàng tồn kho	-	3.066.799.929	-	-	-	3.066.799.929
Số cuối năm	(307.178.534)	(29.511.108.251)	(4.282.911.859)	(3.824.463.006)	(4.015.252.213)	(41.940.913.863)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	2.417.842.948	12.490.282.026	24.125.503.991	17.791.660	377.218.653	39.428.639.278
Số cuối năm	19.952.186	17.055.826.569	10.901.704.293	81.664.294	217.354.473	28.276.501.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	12.000.340.000	233.622.487	158.510.000	12.392.472.487
Tăng trong năm	-	-	130.500.000	130.500.000
Thanh lý	(12.000.340.000)	-	-	(12.000.340.000)
Số cuối năm	-	233.622.487	289.010.000	522.632.487
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	233.622.487	158.510.000	392.132.487
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	-	(233.622.487)	(158.510.000)	(392.132.487)
Hao mòn trong kỳ	-	-	(10.077.393)	(10.077.393)
Số cuối năm	-	(233.622.487)	(168.587.393)	(402.209.880)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	12.000.340.000	-	-	12.000.340.000
Số cuối năm	-	-	120.422.607	120.422.607

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND		
	<i>Nhà cửa</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và cuối năm	31.781.848.251	50.751.000.860	82.532.849.111
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.461.421.000	-	1.461.421.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(11.186.105.357)	(6.451.416.000)	(17.637.521.357)
Hao mòn trong năm	(1.212.812.004)	(1.075.236.000)	(2.288.048.004)
Số cuối năm	(12.398.917.361)	(7.526.652.000)	(19.925.569.361)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	20.595.742.894	44.299.584.860	64.895.327.754
Số cuối năm	19.382.930.890	43.224.348.860	62.607.279.750

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 20.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Điện Cơ	-	-	258.900	3.580.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.500.000.000</b>		<b>8.080.800.000</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Ricoh Việt Nam	18.859.502.861	45.636.287.305
Khác	12.751.751.072	13.787.069.434
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.611.253.933</b>	<b>59.423.356.739</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	16.629.995.824	10.730.524.470

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	233.886.438	10.530.676.800	(9.514.865.277)	1.249.697.961
Thuế giá trị gia tăng	1.880.476.806	20.742.994.572	(20.662.431.725)	1.961.039.653
Thuế thu nhập cá nhân	966.159.512	5.053.346.123	(5.229.385.677)	790.119.958
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.080.522.756</b>	<b>36.327.017.495</b>	<b>(35.406.682.679)</b>	<b>4.000.857.572</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.782.941.757	6.585.994.419	(7.586.027.865)	782.908.311
Thuế thu nhập cá nhân	232.547.256	2.269.446.703	(2.294.333.589)	207.660.370
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.015.489.013</b>	<b>8.855.441.122</b>	<b>(9.880.361.454)</b>	<b>990.568.681</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thường hiệu quả	519.871.369	184.640.846
Phí dịch vụ thuê ngoài	160.000.000	315.800.000
Chi phí hoa hồng bán hàng	399.220.617	70.631.324
Chi phí khác	263.978.456	405.917.235
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.343.070.442</u></b>	<b><u>976.989.405</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	3.813.098.611	3.579.166.109
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	117.542.700	96.395.490
Cổ tức phải trả	102.578.700	76.354.425
Phải trả khác	3.614.599.873	1.283.932.117
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.647.819.884</u></b>	<b><u>5.035.848.141</u></b>

**19. VAY NGẮN HẠN**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	<u>29.891.070.000</u>	<u>161.823.990.000</u>	<u>(167.516.465.000)</u>	<u>24.198.595.000</u>

Chi tiết các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất
	VND		%/năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	4.200.000.000	27 tháng 9 năm 2019	6,5% - 7,9%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.947.925.000	28 tháng 1 năm 2019	5,5%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.050.670.000	19 tháng 2 năm 2019	5,5%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.198.595.000</u></b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	197.855.490.000	86.481.897.609	284.337.387.609
Phát hành cổ phiếu thường để chi trả cổ tức	59.353.530.000	(59.353.530.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	24.890.033.731	24.890.033.731
Cổ tức đã công bố	-	(19.785.549.000)	(19.785.549.000)
Số đầu năm	<u>257.209.020.000</u>	<u>32.232.852.340</u>	<u>289.441.872.340</u>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	257.209.020.000	32.232.852.340	289.441.872.340
Lợi nhuận thuần trong năm	-	31.939.762.133	31.939.762.133
Cổ tức đã công bố (*)	-	(38.581.353.000)	(38.581.353.000)
Số đầu năm	<u>257.209.020.000</u>	<u>25.591.261.473</u>	<u>282.800.281.473</u>

(\*) Trong năm, Công ty đã công bố trả cổ tức với giá trị là 38.581.353.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 58/QĐ-HDQT/ST8 ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 58/QĐ-HDQT/ST8 ngày 6 tháng 9 năm 2018.

**20.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm	257.209.020.000	197.855.490.000
Tăng trong năm	-	59.353.530.000
Số cuối năm	<u>257.209.020.000</u>	<u>257.209.020.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	50.863.273.000	85.271.079.000
Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	38.363.528.725	20.772.663.650
Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	12.281.920.000	6.132.000.000
Phát hành cổ phiếu thường để chi trả cổ tức	-	59.353.530.000

**20.3 Cổ phiếu**

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	25.720.902	19.785.549
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.720.902	19.785.549
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.720.902	19.785.549



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ (VND)	31.939.762.133	24.890.033.731
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	<u>25.720.902</u>	<u>25.720.902</u>
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh</b>	<b>25.720.902</b>	<b>25.720.902</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.242	968
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	1.242	968

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**20.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát**

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	50.656.015.202	52.973.494.891
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.347.523.811	3.814.520.311
Cổ tức đã công bố	<u>(12.281.920.000)</u>	<u>(6.132.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>50.721.619.013</u>	<u>50.656.015.202</u>

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.896.414.881.330</b>	<b>1.680.440.750.982</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	1.784.837.331.701	1.582.247.514.302
Doanh thu cung cấp dịch vụ	106.998.185.985	94.964.873.038
Doanh thu hoạt động cho thuê	4.579.363.644	3.228.363.642
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>3.301.219.056</b>	<b>8.369.894.955</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	1.939.400.647	6.792.581.022
Giảm giá hàng bán	18.190.098	-
Hàng bán bị trả lại	<u>1.343.628.311</u>	<u>1.577.313.933</u>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>1.893.113.662.274</u></b>	<b><u>1.672.070.856.027</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU (tiếp theo)**

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.493.607.933	2.491.251.023
Cổ tức	382.500.000	378.000.000
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	924.060.000	-
Khác	313.718.343	157.139.211
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.113.886.276</u></b>	<b><u>3.026.390.234</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.594.211.201.909	1.412.640.423.942
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.959.394.047	50.273.447.197
Giá vốn hoạt động cho thuê	2.288.048.005	2.261.384.004
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.650.458.643.961</u></b>	<b><u>1.465.175.255.143</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	108.651.510.060	89.802.149.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.939.181.425	4.265.831.180
Chi phí quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	4.927.161.878	25.913.338.937
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.545.657.538	4.268.656.986
Khác	2.971.220.662	5.527.141.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>127.034.731.563</u></b>	<b><u>129.777.118.507</u></b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	35.848.411.697	29.112.542.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.008.859.016	25.899.422.444
Khác	9.650.202.229	8.986.709.990
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>72.507.472.942</u></b>	<b><u>63.998.675.253</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>8.101.007.060</b>	<b>22.202.624.730</b>
Tiền thưởng và hỗ trợ	3.612.000.000	20.187.082.031
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	4.289.776.652	324.501.739
Khác	199.230.408	1.691.040.960
<b>Chi phí khác</b>	<b>65.232.687</b>	<b>86.539.543</b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>8.035.774.373</b>	<b>22.116.085.187</b>

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.617.400.421.782	1.431.398.546.569
Chi phí nhân viên	160.316.462.074	132.323.303.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.672.059.891	40.522.746.079
Chi phí quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	4.927.161.878	25.913.338.937
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	15.723.796.559	14.624.108.992
Khác	12.960.946.282	14.169.004.664
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.850.000.848.466</b>	<b>1.658.951.048.903</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.530.710.246	7.473.765.200
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	217.263.762	306.367.583
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.747.974.008</b>	<b>7.780.132.783</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>56.035.259.952</b>	<b>36.484.686.825</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	11.207.051.990	7.296.937.366
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Cổ tức nhận được	(76.500.000)	(75.600.000)
Chi phí không được trừ	188.724.950	239.447.705
Lỗ phát sinh từ công ty con	428.697.068	319.347.712
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>11.747.974.008</b>	<b>7.780.132.783</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ở công ty con	823.807.999	606.544.237	217.263.762	306.367.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	<u>7.953.506.298</u>	<u>7.157.885.134</u>

**29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	21.424.766.257	11.716.935.213
Từ 1 đến 5 năm	51.478.501.885	24.689.914.424
Trên 5 năm	<u>941.300.000</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>73.844.568.142</u></b>	<b><u>36.406.849.637</u></b>

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

				VND
	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Ô tô</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	287.168.965.932	1.612.857.915.398	-	1.900.026.881.330
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.188.937.517)	(2.112.281.539)	-	(3.301.219.056)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	5.212.004.936	38.414.793	(5.250.419.729)	-
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>291.192.033.351</b>	<b>1.610.784.048.652</b>	<b>(5.250.419.729)</b>	<b>1.896.725.662.274</b>
Chi phí bộ phận	(275.054.276.158)	(1.580.196.992.037)	5.250.419.729	(1.850.000.848.466)
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>16.137.757.193</b>	<b>30.587.056.615</b>	<b>-</b>	<b>46.724.813.808</b>
Thu nhập tài chính				4.886.671.771
Lợi nhuận khác				4.423.774.373
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(11.747.974.008)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>				<b>44.287.285.944</b>
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>433.205.288.509</b>	<b>167.525.585.852</b>	<b>(149.042.401.691)</b>	<b>451.688.472.670</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>59.049.608.640</b>	<b>74.142.597.232</b>	<b>(15.025.633.688)</b>	<b>118.166.572.184</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	345.564.332.859	1.355.063.500.154	-	1.700.627.833.013
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.369.594.955)	(300.000)	-	(8.369.894.955)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	7.187.385.285	1.064.993.739	(8.252.379.024)	-
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>344.382.123.189</b>	<b>1.356.128.193.893</b>	<b>(8.252.379.024)</b>	<b>1.692.257.938.058</b>
Chi phí bộ phận	(317.367.728.232)	(1.349.835.699.695)	8.252.379.024	(1.658.951.048.903)
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>27.014.394.957</b>	<b>6.292.494.198</b>	<b>-</b>	<b>33.306.889.155</b>
Thu nhập tài chính				1.248.794.514
Lợi nhuận khác				1.929.003.156
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(7.780.132.783)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>				<b>28.704.554.042</b>
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>465.290.270.119</b>	<b>164.396.345.243</b>	<b>(159.199.278.818)</b>	<b>470.487.336.544</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>81.902.616.518</b>	<b>72.800.288.247</b>	<b>(24.313.455.763)</b>	<b>130.389.449.002</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính năm nay. Ảnh hưởng của các điều chỉnh phân loại lại được trình bày sau đây:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND
			Số đầu năm (được trình bày lại)
Tăng hàng tồn kho	(37.596.008.831)	5.135.865.853	(32.460.142.978)
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(22.648.227.990)	(5.135.865.853)	(27.784.093.843)

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Vũ Thùy Minh Yến  
Người lập

Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Yung Cẩm Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

# ST8 SIÊU THANH HOLDINGS

